NĂM THỨ 6 – NGÀY 15-11-62

BACH KHOA

trong số này

TIỀU DÂN *Cuba, trước Hoa-Kỳ và châu Mỹ La-tinh* • DOHAMIDE *sự trưởng thành của thanh-thiếu nữ Chàm* • NGUYỄN CAO ĐÀM *những hướng chính trong thế giới điện ảnh hiện tại* • TRẦN HƯƠNG TỬ *triết lý bi đát* • TRỌNG KHANG *trái đất mỗi ngày nặng thêm 3.000 tấn* • TRẦN VĂN KHÊ *lá thư La-Mã* • ĐOÀN THÊM *hòa âm 15* • TRẦNG THIÊN *Alain Robbe Grillet, người và truyện của hôm nay* • TƯỜNG LINH *người khách nhỏ* • HUY LỰC *kim yến* • HỒ TRƯỜNG AN *bãi biển chiều* • HOÀNG KHANH *con đường ; mưa ngàn* • THÁI TUẤN *cuộc triển lãm mỹ thuật quốc tế tại Sàigòn* • LÊ TẤT ĐIỀU *sinh đôi* • NGUYỄN MẠNH CÔN *tiêu bạc giả* • TRỊNH CUNG — LÊ CAO PHAN *trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa* • NGUIỄN NGU Í *thảo luận về hiện tình báo chí Việt-Nam* •

141

Một sự may mắn ! ! !

Nếu « **VERIGOUD** »

được quảng-cáo rộng-rãi hơn, ai cũng sẽ nhận thấy rằng đó là thứ si-rô ngon nhất tại Việt-Nam và Quí vị sẽ khó - khăn lắm mới tìm mua được.

« **VERIGOUD** »

nước trái cây nguyên chất chế-tạo hầu Quí vị bởi Hãng :

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

★

CÁC HIỆU BUÔN ĐỨNG ĐẮN ĐỀU CÓ BÁN VỚI GIÁ 65 $ MỘT CHAI

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 141 ngày 15-11-62

TIỂU-DÂN *Cuba trước Hoa-Kỳ và Châu-Mỹ La-Tinh* 3

DOHAMIDE *sự trưởng thành của thanh-thiếu-nữ Chàm* 17

NGUYỄN-CAO-ĐÀM *những hướng chính trong thế giới ảnh hiện tại* 27

TRẦN-HƯƠNG-TỬ *triết lý bi đát* 35

TRỌNG-KHANG *mỗi ngày trái đất nặng thêm 3.000 tấn* 45

TRẦN-VĂN-KHÊ *lá thư La-Mã* 51

ĐOÀN-THÊM *hòa âm 15 (thơ)* 56

TRÀNG-THIÊN *Alain Robbe Grillet, người và truyện của hôm nay* 57

TƯỜNG-LINH *người khách nhỏ (thơ)* 64

HUY-LỰC *bài Kim-Yến* — HỒ-TRƯỜNG-AN *bãi biển chiều (thơ)* 65

HOÀNG-KHANH *Con đường* — *Mưa ngàn (thơ)* 66

THÁI-TUẤN *cuộc triển lãm mỹ thuật quốc tế đầu tiên tại Saigon* 84

LÊ-TẤT-ĐIỀU *sinh đôi* 101

NGUYỄN MẠNH-CÔN *tiêu bạc giả* 102

LÊ-CAO-PHAN — TRỊNH-CUNG *trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa* 103

NGUIỄN-NGU-Í (*thuật*) *hiện tình báo chí Việt-Nam* 108

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Thị trường chung Âu-Châu	HOÀNG-MINH-TUYNH
Cuộc sống gia đình của người Chàm Châu-Đốc	DOHAMIDE
Vấn đề giáo dục của phụ nữ Nhật-Bản ngày nay	ĐOÀN-VĂN-AN
Sự lập chí của Cao-Bá-Quát	NGUYỄN-ĐỨC-TIẾU
Phải thống nhất nhan đề và thoại của các áng văn thơ cổ	NGUYỄN-HIỀN-LÊ
Chuyện phiếm chung quanh con số Pi	TRỌNG-KHANG
Những giải thưởng trong Nam thời tiền chiến	NGUIỄN-HỮU-NGƯ
Công chúa hạ giá	BỬU-KẾ
Giới thiệu Le tambour của Günter Grass	NGUYỄN-VĂN-TRUNG
Tìm đẹp ở Người	ĐOÀN-THÊM
Danh nhân : Claude Bernard	CÔ-LIÊU
J. Steinbeck và giải thưởng văn học Nobel 1962	TRÀNG-THIÊN
Những nghề mới lạ ở xứ Pháp	MỘNG-TRUNG
Con ruồi (truyện dịch của G. Langelaan)	NGUYỄN-CHÂU
Viếng thăm báo Figaro	Cô MINH-ĐỨC
Về đâu (truyện dài)	VÕ-PHIẾN
Niềm tin chưa mất (truyện ngắn)	VÕ-HỒNG
Tử-Kỳ của loài... Kê (truyện ngắn)	VÂN-TRANG

ĐÍNH CHÁNH

Vì một sự sơ xuất đáng tiếc nên đầu đề bài « **Những hướng chính trong thế giới ảnh hiện tại** » của bạn Nguyễn-Cao-Đàm, đăng ở trang 27, Bách-Khoa số này và tên bài đó rao ở ngoài bìa đều thừa một chữ « **điện** » :

« **Thế giới ảnh** » đã xếp lầm là « **thế giới điện ảnh** ».

Trân trọng xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc, và xin quý bạn vui lòng xóa bớt giùm cho chữ « **điện** » thừa nói trên đây.

Đa tạ

TIỀU-DÂN

Cu-ba, trước Hoa-kỳ và Châu-Mỹ la-tinh

(xin xem B. K. từ số 140)

Người theo dõi tình hình chính-trị ở Châu-Mỹ La-Tinh thường băn-khoăn về thái-độ của một số quốc gia lớn trên đại-lục nầy đối với cuộc tranh-chấp giữa Hoa-kỳ và Cuba.

Nói «cuộc tranh-chấp giữa Hoa-kỳ và Cuba» đã là phạm một sai lầm trong sự phô-diễn ý-tưởng. Người ta cho rằng không bao giờ Hoa-Kỳ quan-niệm vấn-đề Cuba trên bình-diện liên-hệ song phương. Bao giờ vấn-đề gai-góc ấy cũng được đặt trong khuôn-khổ cuộc tranh đấu chung của Châu-Mỹ La-Tinh bảo-vệ chủ quyền độc-lập quốc gia, ngăn chận, đánh tan ảnh-hưởng Cộng-sản quốc-tế. Tuy nhiên, trong các kỳ hội-nghị các quốc-gia liên-Mỹ, mọi sự xảy ra y như là một số quốc-gia lớn ở Châu-Mỹ La-Tinh muốn trao trút cho Hoa-kỳ tất cả trách-nhiệm tinh-thần đối phó với hiểm-họa Cộng-sản ở Cuba. Họ nhất-trí với Hoa-kỳ chống Cộng trên bình-diện ý-thức hệ nhưng lại tránh né, không cam-kết áp-dụng những biện pháp thích-nghi, tích-cực — và tất nhiên sẽ hữu-nghiệm — đối-phó với Cuba, những biện-pháp được đề ra vì lợi-ích chung của đại-lục.

Họ mong mỏi nơi chính-phủ Kennedy một thứ New Deal, họ hoan-nghênh «Chương-trình liên-minh để tiền-bộ» nhưng lại không thiết-tha nhiều đối với lợi-ích chận-đứng kịp thời một nguy-cơ phát xuất từ Cuba, đe-dọa làm trở ngại sự thực-hiện những điều họ mong mỏi.

Làm sao thông-cảm với thái-độ lúng-túng, mâu thuẫn ấy ?

Trả lời câu hỏi trên tức là phát-hiện những đặc-thù chính-trị của

Châu Mỹ la-tinh, tức cũng là tạo một ý-niệm về mối tương-quan giữa Cuba và các quốc-gia khác trên đại-lục.

một đại-lục có những vấn-đề thiết-thân chưa được giải-quyết

Phong trào độc-lập của châu Mỹ la-tinh cách đây hơn một thế-kỷ là một trong những biến-cố trọng-yếu nhất của lịch-sử hiện đại. Nó đánh dấu một bước di-chuyển mới của văn-minh Tây phương từ Địa Trung hải hướng về Đại Tây dương, nguyên-nhân làm nên sự hưng-thịnh của châu Mỹ sau nầy. Nó mở ra cho thị-trường quốc-tế, cũng như cho phong trào di-dân, một địa-vực mênh-mông. Nó còn phô-bày trước thế-giới một kho tài-nguyên vô lượng gần như nguyên vẹn.

Một trăm năm đối với lịch-sử các quốc-gia, dân-tộc không phải là một thời-kỳ dài. Có lẽ ít có những dân-tộc nào bước vào kỷ-nguyên độc-lập với những khởi điểm bất-lợi như các dân-tộc châu Mỹ la-tinh. Vậy mà hiện-thời các dân-tộc ấy đã bước những bước hài vạn dặm, đạt tới mức trưởng thành, các quốc gia ấy đang trở nên những lực - lượng rất đáng kể trên trường chính-trị quốc-tế.

Trong cuộc tranh-chấp hiện-thời giữa hai đại-khối, khối nào tranh-thủ được cảm-tình của châu Mỹ la-tinh kể như nắm được một lợi-thế quan-yếu.

Tuy nhiên, nhân-dân thế-giới có một ý-niệm hết sức mơ-hồ về tình-hình đại-lục ấy.

Sự-trạng nầy, một phần lớn do châu Mỹ la-tinh có một hình-thái phát-triển kinh-tế, xã-hội, chính trị riêng biệt, phần khác do châu Mỹ la-tinh sống có chiều thu mình trong những vấn-đề thiết-thân của họ, không đóng một vai trò quốc-tế tương xứng với thực lực.

Thật ra chính những đặc-thù kinh-tế, xã-hội, chính trị của châu Mỹ la-tinh đã đặt ra cho đại-lục một số vấn-đề. Bao lâu mà các vấn-đề nầy chưa được giải-quyết thanh-thỏa thì vai trò quốc-tế của châu Mỹ la-tinh bị giới-hạn trong một phạm vi khiêm tốn.

giữa châu Âu già cỗi và Hoa-Kỳ đầy sinh-lực

Năm 1949, trong quyển « L'économie de l'Amérique latine » do nhà « Presses Universitaires de France » xuất-bản, giáo-sư J. Beaujeu-Garnier đã kết-luận công-cuộc nghiên-cứu của mình như sau :

« Châu Mỹ la-tinh sẽ tiến về đâu ?

Nếu người ta nhìn châu Mỹ la-tinh trong khuôn khổ riêng biệt của đại lục nầy, người ta sẽ thấy hai sự kiện quan-trọng bao trùm mọi vấn-đề : *khuynh hướng quốc gia dân-tộc* và *công cuộc kỹ-nghệ-hóa.*

Khuynh-hướng dân-tộc, quốc gia được biểu-lộ trong những cố-gắng thực-hiện ở mỗi quốc gia sự kết-tập thành một dân-tộc thuần nhất, thành phần thổ-dân da màu đông đảo, và khổn khổ nhất. (Ở Pérou 83 phần

trăm dân-số là người lai và da đỏ nhưng người ta mới vừa nghĩ đến vấn-đề dạy cho họ học ; ở Mễ-Tây-Cơ (Mexique) và Chí-Lợi (Chili) vấn đề ấy đã được lưu ý thi hành sớm hơn ; nhiều nước ở Trung-Mỹ còn giữ nguyên-trạng).

Khuynh-hướng ấy còn biểu-lộ trong sự đòi hỏi các xí-nghiệp của ngoại-nhân hoạt-động trong nước phải thu-dụng nhân-công bản địa. Cuối cùng, khuynh-hướng quốc-gia dân-tộc biểu lộ trong vấn-đề đầu-tư (mua lại hoặc quốc-hữu hóa những công-cuộc kinh-doanh lớn của ngoại-nhân như công-ty thiết-lộ ở Ba-Tây, ở A-Căn-Đình ; truất-hữu các công-ty dầu lửa ở Mễ-Tây-Cơ ; các chính-phủ cổ gắng tài-trợ những công-cuộc do người trong nước thực-hiện hoặc những hoạt-động mới ; gây trở ngại, hạn-chế ngoại-nhân đầu-tư v. v...)

Về vấn-đề kỹ-nghệ-hóa, đây là sự tiến-triển tất nhiên của một tình-hình bất ổn từ lâu. Di tích của chế-độ thuộc địa bóc lột, đối với châu Mỹ la-tinh, là cái tập truyền nguy hại xuất-cảng tập trung vào chỉ một sản-phẩm (Ba-Tây thì xuất-cảng cà-phê, Bolivie, thiếc, Chí-Lợi, nitrate...) ; chăn nuôi tăng triển quá nhiều về lượng, sút kém về phẩm, trồng trọt thì bị xem nhẹ, không đủ cung ứng nhu-cầu, nhập-cảng hỗn độn, vô tổ chức ; và cuối cùng là tình-trạng ruộng đất hết sức bất công, tàn ác (giai tầng địa-chủ bỏ đất hoang trong khi phần đông dân chúng thiếu ăn, sống khốn khổ).

Để cứu-vãn tình-hình ấy, các chính phủ Châu-Mỹ La-Tinh đã cổ gắng tạo-lập cái mới, thay vì phá, sửa cái cũ hoặc làm lại cái cũ. Bởi thế cho nên người ta không tích cực thi-hành cải-cách điền-địa, ngoại trừ ở Mễ-Tây-Cơ và Chí-Lợi ; đây là chưa nói rằng kết-quả cải-cách điền-địa tại hai nước ấy cũng rất có giới-hạn. Phần đông các quốc-gia còn nhiều đất-đai có thể xử-dụng, đã chọn đường lối chia đất mới cho dân thay vì chia đất cũ của địa-chủ (Ba-Tây, A-Căn-Đình, Paraguay). Công cuộc chăn nuôi được cải-thiện đem lại kết-quả tốt (A-Căn-Đình, Nam-Ba-Tây, Paraguay, Uruguay...). Sự gia-bội các nguồn lợi canh-nông, hầm mỏ cũng kết quả tốt (Ở Ba-Tây, người ta trồng thêm lúa, bông (sợi), ngoài cà phê, mía trồng xưa nay ; ở Chí-Lợi, khai-thác thêm đồng, ngoài nitrate...). Các biện-pháp ấy làm cho những quốc-gia Châu-Mỹ La-Tinh bớt chịu sức chi-phối của các cuộc khủng-hoảng hoặc áp-lực kinh-tế bên ngoài.

Nhưng sự-kiện mới nhất là sự phát-triển kỹ-nghệ nhờ thuận lợi hoàn cảnh trong hai cuộc chiến-tranh thế-giới vừa qua ; trong lãnh-vực kỹ nghệ, A-Căn-Đình đi tiên-phong, rồi đến Chí-Lợi, Ba-Tây, Pérou, Mễ-Tây-Cơ. Sự thay đổi thế quân bình kinh-tế đòi hỏi tăng gia nhân-số, về lượng và về phẩm và cũng đòi hỏi tăng-gia khả-năng của nhân-công và kỹ-thuật gia trong nước. Sự thay đổi ấy còn ảnh-hưởng đến sự bang-giao giữa các quốc-gia, đến thị-trường thương mãi, mậu-dịch.

Chiến-tranh đã gia-tăng cường-độ mậu-dịch giữa Châu-Mỹ La-Tinh và Hoa-kỳ và người ta tự hỏi khuynh-hướng nầy có sẽ liên - tục chăng.... Trong thực-tế, Châu-Âu, từ hơn một trăm năm nay vốn là khách hàng và nhà cung-cấp của Châu-Mỹ La-Tinh, không còn có thể giữ địa-vị cũ vì khan cạn ngoại-tệ và phải lo hàn gắn vết thương chiến tranh. Tuy thế sự ký kết các hiệp ước giao-dịch thương-mãi giữa Châu-Mỹ La-Tinh và Châu-Âu càng ngày càng nhiều, chứng tỏ rằng mặc dầu trải qua nhiều thử-thách gay go, truyền - thống liên-hệ giữa hai bên vẫn kế-tục.

Khuynh-hướng thắt chặt bang-giao giữa các quốc-gia Châu-Mỹ sẽ tăng-cường được chăng mối liên-hệ được phác họa tại các hội-nghị liên - Mỹ, kể từ hội-nghị đầu-tiên tại Hoa-Thịnh-Đốn năm 1889 ? Hiển nhiên đây là sự mong ước của Hoa Kỳ nhưng những sự phản-ứng của các quốc-gia châu Mỹ la-tinh tại những hội-nghị liên Mỹ ở Mexico (1945) và Bogota (1948) lại chứng tỏ người ta còn ở xa một sự liên-hiệp, thống nhất toàn châu Mỹ.

Các quốc-gia châu Mỹ la-tinh thiết-tha với một nền độc-lập tranh-thủ được từ không quá một thế-kỷ ; họ lại bận tâm thoát ly ảnh-hưởng chi-phối của tư-bản quốc-tế ; họ muốn làm một cuộc thí nghiệm riêng, theo một con đường riêng, nằm giữa chặng đường liên-hệ mật-thiết với một bên là người bà con già-cỗi, châu Âu, một bên là người giám-hộ trẻ-trung, Hoa-Kỳ ».

mười ba năm sau.

Năm 1952, ký-giả Tibor Mende, một ngòi bút có uy tín quốc-tế (tác giả của những công-trình khảo-sát có giá trị như « L'Inde devant l'orage », « La révolte de l'Asie ») xuất-bản quyển « L'Amérique Latine entre en scène ».

Từ 1949 đến 1952, những gì giáo-sư J. Beanjeu-Garnier đã viết về triển-vọng tình-hình châu Mỹ la-tinh — đã trích thuật ở phần trên — người ta có dịp đối-chiếu với thực-tế mười ba năm sau, được trình bày một cách khách-quan, sâu.sắc, bằng ngòi bút của Tibor Mende.

Nội một cái đề « Châu Mỹ la-tinh bước ra sân khấu » đủ gợi ý-niệm về một sự chuyển mình cũng như về thực-lực, theo chiều tiến-bộ.

Tuy nhiên, theo Tibor Mende, châu Mỹ la.tinh dầu đã bước vào kỷ-nguyên kỹ-thuật hiện-đại, vẫn còn loay-hoay trong sự giải-quyết một số vấn-đề căn-bản.

« Trong các đại-lục, châu Mỹ la-tinh là đại-lục duy-nhứt mà các quốc-gia thành-phần có nhiều điểm tương-đồng về lịch-sử. Ngoại trừ những điều sai-biệt tương đối ít quan-trọng như yếu-tố thời gian và vài chi-tiết khác, các quốc-gia châu Mỹ la-tinh cùng có những giai-đoạn phát-triển giống nhau, cùng chịu gần như đồng-thời những khó-khăn, trở ngại giống nhau về chính-trị và xã-hội. Sát cánh nhau họ cùng tiến bước đến địa-vị độc-lập. Và ngày nay, mặc dù thái-độ của mỗi quốc-gia do di-sản chủng tộc, văn hóa

riêng qui-định, tất cả quốc-gia đều phải đối đầu với bầy nhiêu vấn-đề căn-bản, những vấn-đề mà sự tiến-bộ về văn-minh kỹ-thuật đặt ra cho họ ».

tiến-hóa hay cách-mạng ?

Vấn đề thứ nhất — như người ta chờ đợi — là vấn-đề quan-niệm : Tiến-hóa hay cách-mạng ? (Evolution ou révolution ?) Ở hầu hết các quốc-gia trên đại-lục, người ta đã cố gắng trả lời câu hỏi lớn nầy.

Những cuộc đảo-chính liên tiếp diễn ra. Những chế-độ độc-tài nối tiếp nhau. Những kế-hoạch lớn-lao, đầy hấp-dẫn được đề ra hoặc thí-nghiệm. Có những quốc-gia — trên bình-diện lợi-tức quốc-gia mà xét — có những thời kỳ hưng thịnh rõ ràng. Đám đông bần dân da màu ở các quốc-gia có những ngày vùng lên, đầy phấn-khởi, tin-tưởng. Trong khi đó, tư bản quốc-tế, tư-sản mại-bản và địa-chủ phong-kiến có những ngày lo-lắng, tưởng như bao nhiêu đặc-quyền, đặc-lợi, bao nhiêu uy-thế kinh-tế và chính-trị sắp đổ sụp đến nơi.

Nhưng rồi đâu vẫn hoàn đấy, hiểu theo một ý nghĩa khá phức-tạp : quốc gia tiến bộ về kinh-tế, về lợi-tức quốc-gia, về sức sản-xuất, về thị-trường mậu-dịch hối-đoái, về mức sinh-hoạt ; nhiều công-trình cư-ốc, kiểu-lộ, điện-lực, được thực-hiện, nhiều đại xí nghiệp ra đời hoặc hoạt động tiền-triển ; du-khách viếng thăm vội-vàng dù khó tính đến đâu cũng phải chào mừng một tiến-bộ khả-quan ; trong khi đó, các cơ-cấu nền-tảng của trật-tự xã-hội từ bao năm vẫn đè nặng trên đám bần-dân đông-đảo, trong khi hạng người nầy vẫn khổ sở như xưa.

Thành thử có một cái Tĩnh, một cái Động trong tình hình. Thật ra, đây cũng chỉ là một cách nói để nêu một sự-trạng mâu-thuẫn. Thật ra đại khối bần dân kia cũng động nhưng trong một lãnh-vực khác, quan trọng vô cùng đối với tương-lai : họ tiến-bộ dần dần trên đường có một ý-thức chính-trị.

Chính cái phần bất di-dịch của cơ cấu trật-tự xã-hội cho thấy một sự thật về con đường tiến hóa của châu Mỹ la-tinh : các biến-cố lịch.sử, các cuộc đảo chính vốn nẩy mầm trong ý-thức bất-mãn một ttật-tự chính-trị, xã-hội, kinh-tế nào đó lỗi thời, đã có tác-dụng thúc đẩy bánh xe tiến-hóa của quốc-gia. Nhưng cũng chính những biến-cố, đảo chính nói trên đã mất đi qná sớm phần sinh-lực, đã kết-thúc quá vội vàng bằng sự thiết-lập một chế-độ độc tài mới, do đó chưa hề làm lay chuyển được các cơ-cấu nền-tảng xã-hội. Cái nội-dung xã-hội (contenu social) của cuộc đảo chính — mà người ta ưa gọi một cách ép-uổng là cuộc cách-mạng — chưa được đề-cập tới thì một nhà độc-tài khác, lên địa vị cầm quyền, đã vội vàng quên đi, để lo việc giảng hòa với những thế-lực kinh-tế, chính-trị mà biến-cố vừa xảy ra có động chạm ít nhiều.

hai quan-niệm

Vô hình trung, các chính-khách, các nhà chính-trị châu Mỹ la-tinh đang cầm quyền hoặc đã bị lật đổ hay đã rút lui khỏi chính-quyền, đã tỏ ra muốn đưa xứ sở lên đường tiến-hóa bằng những chính sách, chủ trương dung-hòa và ôn-hòa. Quá-trình tiến-triển của quốc-gia, dân-tộc được xem như một cái thang cao vút dựng lên giữa hang, hố trập trùng, không có vấn đề lùi cũng như không có vấn-đề nhảy vọt, hai trường-hợp cùng được xem là nguy hiểm.

Quan-niệm tiến-hóa tuần-tự và liên tục nầy, nguyên dĩ là hợp-lý, lại bị thao túng, phá hoại bởi ý-thức thỏa hiệp yếu ớt với các thế-lực phản tiến bộ, cho nên đã tỏ ra không thích-nghi với nhu-cầu tiến hóa của xã-hội.

Cũng nên nhấn mạnh một điểm là các nhà độc-tài nào khi mới lên cầm quyền — Péron ở A-Căn-Đình, Vargas, ở Ba-Tây chẳng hạn — đều có ban hành những hiến pháp có tính chất cách-mạng. Nhưng rồi — theo Tibor Mende — trong khi hành động trái lại với tinh thần hiến pháp, người ta không cần sửa đổi hiến pháp mà coi như không có nó, một sự-kiện « đặc-biệt châu Mỹ la-tinh ».

Đám đông bần-dân đã chuyển mình với một ý-thức chính-trị càng ngày càng trưởng-thành. Họ đang đòi hỏi ở nhà cầm quyền những biện-pháp mạnh, những cải-cách căn-bản, một sự đổi thay triệt-để các cơ-cấu trật-tự xã-hội phong-kiến hay bán phong-kiến đè nặng trên cuộc sống của họ từ bao nhiêu đời. Họ đòi hỏi cách-mạng, họ quan niệm cuộc tiến-hóa của xứ sở trên lập trường cách-mạng vậy.

Nhưng cách-mạng theo ý-thức-hệ nào ?

Mặc dầu Cộng-sản quốc tế đã cố gắng xâm - nhập vào châu Mỹ la-tinh, cho đến nay, ý-thức-hệ Cộng-sản chưa có được mức-độ hấp-dẫn như Mạc-Tư-Khoa mong-ước. Họ có ảnh hưởng trong ít nhiều xí-nghiệp quan-trọng ở các đô-thị, cũng như trong một số phần tử trí-thức thành thị nhưng tại nông thôn, trang trại, đồn điền, ảnh hưởng không nhiều.

Cách-mạng theo ý-thức hệ Cộng-sản là một viễn-tượng nguy-hiểm phải đề-phòng nhưng trong tình-hình cụ-thể của xã-hội châu Mỹ la-tinh, trong thực-trạng ý-thức của đám đông bần-dân chiếm đa số của các quốc-gia trên đại-lục, người ta cho rằng các phần-tử ái quốc, các chính-trị gia có nhiệt tâm với tiền-đồ xứ sở có thể xây dựng một quan-niệm riêng, một đường lối riêng, « đặc biệt châu Mỹ la-tinh ».

Một quan-niệm tiến hóa, gạn bỏ hẳn cái bợn ý-thức thỏa-hiệp yếu-ớt với các thế-lực phản tiến bộ Một quan-niệm cách-mạng nhắm chính vào công cuộc cải-thiện xã-hội mà bần-dân đông đảo làm nền tảng nhưng không có nội-dung giai-cấp tranh-đấu quyết-liệt của ý-thức hệ Cộng sản.

Người ta đang đi tìm. Và bao lâu mà một quan-niệm thích-nghi, hợp lý chưa được xác-định, bao lâu vẫn còn

tình-trạng đại đa số bần dân càng ngày càng bất-mãn, càng ngày đòi hỏi cách-mạng càng mạnh hơn thì các quốc-gia châu Mỹ la-tinh còn phải loay hoay, thu mình trong đại-lục, giới hạn mình trong vấn-đề nội bộ thiết thân.

liên-minh đồng-tiến

Vấn-đề căn-bản thứ hai của châu Mỹ la-tinh là vấn-đề đường-lối liên-minh với Hoa-Kỳ.

Có lẽ không có quốc-gia nào trên thế-giới mà chính sách, chủ-trương, đường-lối bang giao với một quốc-gia thân-hữu có tầm quan-trọng như trong mối tương-quan Hoa-Kỳ — Châu Mỹ la-tinh.

Công cuộc kỹ-nghệ hóa xứ sở, công cuộc cải-thiện tình-trạng sinh hoạt nhân dân — chủ-yếu là bần-dân — hai phương diện của phong trào tiến hóa quốc-gia, dân-tộc, hai vấn-đề nội-bộ thiết-yếu của mỗi nước châu Mỹ la-tinh, thật ra tùy thuộc chặt chẽ vào mối tương-quan nói trên. Đây cũng là một đặc điểm nữa của đại-lục. Về phía Hoa-kỳ, liên-minh với Châu-Mỹ La-Tinh cũng là vấn-đề sinh-tử, xét về các phương-diện chiến-lược cũng như kinh-tế. Điều khác biệt trong tầm quan-trọng mà một bên Hoa kỳ, một bên Châu-Mỹ La-Tinh, đặt vào mối tương quan ấy là Hoa-Kỳ nắm giữ một ưu-thế lớn-lao. Đối với Châu Mỹ La-Tinh, Hoa-kỳ là khách hàng và nhà cung cấp chính. Số vốn Hoa-Kỳ đầu tư vào Châu-Mỹ La-Tinh đã tạo nên sự phồn-thịnh kinh-tế của đại lục ấy.

Tuy-nhiên cho đến trước nhiệm-kỳ của tổng-thống Kennedy, vấn-đề liên-minh giữa Hoa-kỳ và Châu-Mỹ La-Tinh vẫn còn lướng-vướng một cái gì, tựa hồ như tầm màn sương chưa chịu tan hẳn trước ngày lên nắng đẹp.

Về phía các quốc-gia Châu Mỹ La-Tinh, người ta mong muốn Hoa-kỳ đầu tư nhiều hơn nữa và đầu-tư như thế nào để họ có thể kỹ-nghệ hóa xứ sở, thực-hiện chủ-quyền độc-lập về kinh-tế, tiến hành những cải-cách xã-hội mà nhân-dân đòi hỏi.

Nguyện-vọng ấy vấp phải một số trở lực. Phần quan trọng của tư-bản Hoa-kỳ đưa vào Châu-Mỹ La-Tinh là của các công-ty tư-nhân. Hoạt-động theo nguyên-tắc tự do kinh-doanh, họ không bao giờ phiêu-lưu vào những công cuộc không bảo đảm lợi tức chắc chắn. Và những công ty, xí-nghiệp đang hoạt-động vốn có khá nhiều thế-lực chính-trị, đương nhiên vận-dụng thế-lực nầy để làm tê-liệt những chính-sách, chủ-trương làm tổn-thương đến quyền-lợi kinh-doanh của họ.

Mặt khác, trong việc xử-dụng vốn của quốc-gia để đầu-tư, nhà hữu-trách Hoa-Kỳ luôn luôn lưu-ý giữ cho có một hướng lợi-ích đúng đắn : vì lợi-ích của quốc-gia, dân-tộc bạn. Sự lưu-ý mặc-nhiên gồm hai điều : theo dõi sự điều-hành vốn đầu-tư và — kinh-nghiệm về những chế-độ độc-tài thối nát — tìm xem tầng lớp đương quyền có thực sự đại-diện cho quyền-lợi dân-tộc bạn không. Nhưng như thế

là phải gặp sức phản-ứng của tinh-thần quốc-gia vốn không cho phép, dù dưới hình-thức nào, một sự can thiệp vào nội-bộ.

Thành ra trở lực nằm trong vấn-đề đối-tượng và phương-thức đầu-tư, viện-trợ kinh-tế.

Đối-tượng : Đầu tư, viện trợ của quốc-gia cho quốc-gia hay của tư-nhân (công ty, xí-nghiệp) cho quốc-gia ? Tầng lớp đương-quyền có thực sự đại-diện quyền lợi dân-tộc hay phải tìm lực-lượng tiêu-biểu ở ngoài, nơi các thành phần nhân dân khác ?

Phương-thức : Đầu-tư, viện trợ như thế nào để vừa không động chạm tinh-thần quốc-gia của nước hưởng thụ, vừa bảo-đảm lợi-ích của công-cuộc ấy đúng hướng ?

Chính-quyền Kennedy đã thấy rõ vấn-đề cũng như nhu-cầu của châu Mỹ la-tinh. Qua các cuộc hội nghị các quốc gia liên-Mỹ tại Punta del Este, người ta được biết « Chương trình liên-minh để tiến-bộ » do Hoa-Kỳ đề ra, trong đó những điều khoản quan trọng là Hoa-Kỳ xuất một ngân khoản lớn để viện trợ cho châu Mỹ la-tinh và công cuộc viện trợ nầy sẽ được tiến hành qua những tổ-chức quốc-tế (liên Mỹ) trung-gian. Một cố gắng mới, một sáng kiến hay nhưng người ta còn cần thời gian để hiểu biết kết quả.

Trong khi chờ đợi, người ta phải ghi nhận rằng công-cuộc liên-minh giữa châu Mỹ la-tinh và Hoa-Kỳ vốn có một tầm quan-trọng sinh tử, vốn dựa chủ-yếu vào tương-quan kinh-tế giữa đôi bên, còn một số vấn-đề cần giải-quyết thỏa-đáng để đạt tới mục-phiêu tốt đẹp là « Liên-minh để tiến-bộ ».

Hai vấn-đề căn-bản của châu Mỹ la-tinh (quan-niệm tiến-hóa, đường lối liên-minh) đã giãi bày sơ-lược ở trên có thể hiện một ý-niệm về thái-độ của châu Mỹ la-tinh đối với cuộc tranh-chấp Hoa-Kỳ — Cuba. Tuy nhiên, tương-quan giữa Cuba và châu Mỹ la-tinh còn những phương diện khác cần xem xét.

Cuba sẽ đi về đâu ?

Chế-độ Castro, đang tiến bước dần vào vòng ảnh-hưởng Cộng-sản. Trên đường xích-hóa, chế-độ nầy thực-hiện nhiều công-cuộc tại Cuba. Tình hình ấy có một tác-động rất phức-tạp vào nội-tình các quốc-gia châu Mỹ la-tinh.

« Cuộc thí-nghiệm của Cuba » gây ra — trong một thế phản tác-động — một số thuận-lợi cho lập-trường dân-chủ, tự-do. Các quốc gia khác trên đại lục có cơ hội để làm bẽ bàng những phần tử đối lập trong nước và minh chứng rằng chỉ có đường lối sát cánh với Hoa-Kỳ mới khả-dĩ đưa xứ-sở đến chỗ cường-thịnh mà khỏi phải trả bằng cái giá « từ bỏ tự-do nhân-phẩm, cũng như đời sống ấm no ».

Một phương-diện khác của thuận-lợi — mà chắc các quốc gia châu Mỹ la-tinh không quên khai-thác — là : sự xuất-hiện của chế-độ Castro tất-nhiên phải làm cho Hoa-Thịnh-Đốn

xúc-động nhiều, phải khiến Hoa-Thịnh-Đốn kiểm điểm lại toàn bộ chính sách đối với châu Mỹ la-tinh và tìm cách cải-thiện hầu thắt-chặt liên-hệ giữa Hoa-Kỳ và các quốc gia trên đại-lục.

Quan-niệm tiến-hóa gạn bỏ ý-thức thỏa-hiệp với các thế-lực phản-động — quan-niệm cách-mạng « đặc-biệt châu Mỹ la-tinh » — có hoàn-cảnh được xác-định và thực-hiện chăng ?

Người ta không chắc điều đó nhưng có rất nhiều hi-vọng để tin rằng mối liên-hệ giữa Hoa-Kỳ và châu Mỹ la-tinh sẽ mật-thiết, tốt đẹp hơn trước.

Nhưng tác-động nguy-hại của chế-độ Castro cũng rất đáng quan-tâm. Đám bần-dân đông-đảo ở khắp các quốc gia trên đại-lục vốn dĩ không thiết-tha đến chủ-nghĩa Cộng sản xa vời bằng một đời sống bớt khổn-khổ hơn, có thể sẽ bị kích-thích, hấp dẫn, có thể là mục-tiêu cho công cuộc tuyên-truyền lôi kéo của Cộng sản.

Một vấn-đề tranh-thủ thời-gian đặt ra cho, một bên là Hoa-Kỳ và châu Mỹ la-tinh, một bên là Cuba và Cộng sản quốc-tế.

Nếu chế-độ Castro kéo dài, nghĩa là củng-cố được thế-lực, thì nội-bộ các quốc-gia khác trên đại-lục sẽ càng bất-ổn do đây, từ một thái-độ chống nghịch Cuba hơi tiêu-cực, châu Mỹ la-tinh có thể đi đến chỗ có một thái-độ yểu ớt hơn.

Trái lại, nếu Hoa-Kỳ và các quốc-gia tự-do châu Mỹ la-tinh sớm thắt-chặt mối liên-hệ (một bên xúc-tiến những cải-cách xã-hội trên tinh-thần tự-do, công-bình, nhân-đạo, một bên viện-trợ kinh-tế đúng hướng và hữu-hiệu) thì chế-độ Castro sẽ bị cô-lập hơn nữa và sẽ đi từ tình-trạng khốn-đốn về kinh-tế hiện-thời đến chỗ đổ sụp về chính trị.

Như thế, trong hiện-tình mối tương-quan giữa Cuba và các quốc-gia Châu-Mỹ La-Tinh có một sắc-thái và nội-dung phức-tạp : trên bình-diện ý-thức, các quốc-gia tự-do Châu-Mỹ La-Tinh chống nghịch với chế-độ Castro, với giải pháp « xã hội chủ-nghĩa » áp-dụng vào điều-kiện lịch sử, văn-hóa và xã-hội của Châu-Mỹ La-Tinh nhưng trong hành-động đối-phó tích-cực — đồng-thời và thống-nhất với Hoa-kỳ — thì ngoại-trừ vấn-đề đoạn-giao và phong-tỏa kinh-tế, họ đang cố gắng ngăn chận ảnh-hưởng chế-độ Castro xâm-nhập vào nội-bộ quốc-gia hơn là tiến-hành những biện-pháp chống nghịch quyết-liệt hơn nữa.

Về phần Hoa-kỳ, tất-nhiên ý-thức rõ hơn nước nào hết nguy-cơ mà chế-độ Castro tiêu-biểu đối với Tây bán-cầu cũng như riêng đối với Hoa-kỳ.

Trong những ngày sắp tới, chắc-chắn Hoa-kỳ sẽ đối phó quyết-liệt hơn nữa nếu nguy-cơ ấy tỏ ra trầm-trọng. Để hành-động, Hoa-kỳ đã có được sự biểu đồng-tình về tinh-thần của Châu-Mỹ La-Tinh tự-do rồi. Hoa-Kỳ có thể nhân-danh chung mà nhận lãnh tất cả trách-nhiệm hành-động.

Một yếu-tố tâm-lý đang sửa soạn trường-hợp quyết-liệt này : chưa bao

giờ nhân dân Hoa-kỳ xôn-xao, công phẫn vì sự tồn-tại của một hiểm-họa quá gần như thể ; chưa bao giờ lưỡng đảng — tiêu-biểu cho công-luận và nhân dân Hoa-kỳ — thống-nhất với nhau như thể để ủng-hộ chính-phủ Kennedy trong những quyết-định và biện-pháp quyết-liệt sắp đến. Nguyên Hoa-Kỳ hiểu rằng lần nầy Hoa-Kỳ và Nga-Sô sẽ đụng độ với nhau tại Cuba. Có thể có chiến-tranh thế-giới với ý-nghĩa khủng-khiếp của nó. Nhưng họ không nhượng bộ. Điều dễ hiểu : Hoa-Kỳ không thể cho phép có « một khẩu súng lục chĩa vào hông mình ».

Cuba đối với Châu-Mỹ La-Tinh là như thể, đối với Hoa-Kỳ là như thể, nhưng đối với Cộng-sản quốc-tế, chủ-yếu là Nga-Sô ?

Nga-Sô và các nước phe « xã-hội chủ-nghĩa » có thể giúp cho chế-độ Castro sống còn và vững mạnh hơn chăng ? Theo Raymond Cartier, Nga-Sô đã khước từ không nhận lời yêu-cầu của chính-phủ Castro đưa Cuba vào làm một quốc-gia hội-viên của khối Minh-ước Varsovie nhưng Nga-Sô lại đưa chuyên-viên, cung cấp võ-khí, trang bị hỏa-tiễn cho Cuba. Trong khi đó thì sự viện-trợ kinh-tế của Cộng-sản quốc-tế — thay vào chỗ trồng đô-la — đã tỏ ra không hiệu-nghiệm như Castro chờ đợi ; và cũng trong khi đó thì người dân Nga bâng-khuâng tự hỏi xem họ có thể bị đưa đi chết cho Cuba chăng.

Tình-hình Bá-Linh đang cực-kỳ căng thẳng. Mạc-Tư-Khoa đã nhận hiểu được quyết-tâm của Tây phương bảo-vệ quyền-lợi nơi đó rồi. Nhưng ông K. cũng quyết làm tới, theo như lời cam-kết với Đông-Đức. Và người dân Nga cũng đã tự hỏi xem họ có sẽ đi chết cho Bá-Linh chăng.

Mặt khác, đành rằng Nga-Sô coi sự xuất-hiện của chế-độ Castro tại Cuba là một thắng lợi hết sức quan-trọng, nhưng Mạc-Tư-Khoa vẫn phải nhận-định sự quan-trọng ấy trên bình diện chiến-lược chung của cách-mạng vô-sản thế-giới ; theo tinh-thần nhận-định này, Cuba là một cứ điểm chiến-lược như một số cứ-điểm chiến-lược khác mà người ta giữ hay « hy-sinh », tùy theo bước tiến hay bước lùi của cách-mạng.

Tương-quan giữa Cuba và Nga-Sô là như thể. Các dữ-kiện của vấn-đề cho thấy khả-năng của Nga-Sô để bảo-vệ cô-đảo đồng-minh xa vời bị giới-hạn về nhiều phương-diện : tương-quan lực-lượng Nga — Hoa-Kỳ, chiến-lược cách-mạng vô-sản thế-giới. Một phương-diện cần được đặc-biệt lưu-ý : vị-trí của Cuba, của chế-độ thân Cộng Castro, sát nách Hoa-Kỳ, một sự-trạng mà Hoa-Kỳ tất-nhiên phải đối-phó vì lợi ích sinh-tồn.

Như thế, rõ là Cuba dưới sự lãnh-đạo của Fidel Castro đã bước tới một ngã quanh lịch-sử.

Cuba sẽ dựa vào thực-lực của mình và sự ủng-hộ của Nga-Sô đến mức độ nào và sẽ đi về đâu ?

Có mấy điểm nên quan-tâm :

a) Đối với chế-độ Castro ở Cuba, các quốc-gia khác ở Châu-Mỹ La-Tinh ở trong thế tự-vệ hơn là tấn-công, xét về mặt chính-trị. Bao lâu mà họ chưa thi hành được những cải-cách xã-hội cần-thiết theo tinh-thần phản-phong, bao lâu mà họ chưa tranh-thủ được chủ-quyền độc-lập kinh-tế thì đại đa số nhân-dân nghèo khổ trong mỗi nước sẽ còn bị « giải-pháp độc-tài của Castro » kích-thích, hấp-dẫn.

b) Thái-độ của Hoa-kỳ đối với Cuba tùy thuộc vào mấy yếu-tố : vị-trí tinh-thần và chính-trị của Hoa-Kỳ ở Châu-Mỹ La-Tinh, tương-quan lực-lượng Nga-Mỹ và tình-hình tranh-chấp giữa hai phe trên toàn thế-giới, công-luận ở chính quốc Hoa-Kỳ. Trong hiện-tình, nếu muốn tấn công Cuba, Hoa-kỳ chỉ có thể đơn-phương hành-động. Nhưng phải có một điều-kiện : Cuba tỏ rõ mưu toan khởi-hấn đối với Hoa-Kỳ và Châu-Mỹ La-Tinh. Và phải dự-liệu sáng suốt các hậu-quả tất nhiên là nghiêm-trọng: Hoa-kỳ sẽ đụng độ với Nga-Sô đến chừng mức nào ?

c) Đối với nhân-dân Cuba, chế độ Castro đang có ý-nghĩa một «giải-pháp thi nghiệm» chưa đến thời-kỳ kiểm-thảo. Giải-pháp nầy có những khía cạnh quyến-rũ làm cho họ gắn bó với chế-độ, chẳng hạn ưu thế chính-trị của thành-phần bị bạc đãi ngày trước, sự tự-hào của một dân-tộc nhỏ bé đương-đầu được với một đại cường quốc vân vân. Thực chất độc-tài của chế-độ chưa làm họ ngột-ngạt vì họ cảm thấy ở trong tình-thế bị kẻ thù dân-tộc bao vây. Trong khi đó thì lực lượng tự-do dân chủ chân chính ở Cuba chưa có được một uy-thế đáng kể.

Qua các điểm trên, người ta thấy rằng có lẽ chế-độ độc tài thân Cộng của Fidel Castro sẽ còn tồn tại một thời-gian dài.

Chế-độ nầy tất-yếu sẽ càng tiến sâu vào vòng ảnh-hưởng Cộng-sản, tuy nhiên cũng có thể nó giữ một số đặc thù của xã-hội Châu Mỹ la-tinh, chẳng hạn vai trò lãnh-tụ của Fidel Castro, một nhà độc-tài kiểu mới, ở một đại lục quen thuộc với các nhà độc-tài.

Và ngày tươi đẹp của Cuba sẽ là ngày lực lượng dân chủ tự do đủ sức động viên nhân dân đứng dậy quật ngã tập đoàn Castro thống-trị, hoặc ngày Hoa-Kỳ và Châu-Mỹ la-tinh nhất-trí can-thiệp vào Cuba giải phóng nhân dân đảo nầy khỏi ách độc-tài.

Từ đây đến đó, chế độ Castro sẽ là một chứng bịnh nguy hiểm về tính cách truyền nhiễm, Hoa-Kỳ và Châu Mỹ la-tinh không thể ngồi chờ một tiên dược. Phương thang trị liệu không ở ngoài sức hiểu biết của họ quyết-tâm và sáng-suốt sửa-soạn ngay từ bây giờ.

***

Bài nầy kết-thúc thì người viết bỗng thấy cần nhận định thêm về tình hình Cuba, sau những biến cố quan trọng gần đây.

Bạn đọc hẳn nhớ đầy đủ các tin tức Chỉ xin nhắc lại những sự kiện quan trọng. Hạ tuần tháng 10.62, Hoa-

Thịnh-Đồn thu-thập được tất cả bằng chứng cụ-thể về việc Nga-Sô đang gấp rút dựng lên nhiều giàn hỏa tiễn liên lục-địa tại Cuba, đe dọa trực tiếp nền an ninh của Hoa-Kỳ và các quốc gia Châu-Mỹ la-tinh. Tổng-thống Kennedy liền có một quyết định lịch-sử : huy động hải, không-lực phong tỏa Cuba. Chiến hạm Hoa-Kỳ được lệnh chận xét các tàu vào Cuba, bất cứ của nước nào và ngăn trở không cho chở vũ khí vào Cuba. Gặp sự đối kháng, hải-quân Hoa-Kỳ sẽ dùng võ-lực. Đi đôi với quyết-định ấy là những cuộc vận-động chính trị tại Châu Mỹ la-tinh, tại Hội-đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc, tại Mạc-Tư-Khoa.

Trong các thông-điệp gởi cho ông K, tổng-thống Kennedy đòi Nga-Sô phải triệt hồi các hỏa-tiễn và cảnh-cáo rằng Hoa-Kỳ quyết hành-động tới cùng vì lợi-ích sinh-tồn, cho dầu phải có chiến tranh với Nga-Sô.

Trong khi đó, cả một đoàn tàu Nga mà người ta nghi là chở võ-khí tiến về Cuba. Cả thế-giới hồi-hộp đợi chờ nhưng đến phút cuối cùng đoàn tàu ấy đổi hướng.

Quyền tổng thư-ký Liên-Hiệp-Quốc U-Thant đứng ra điều-giải giữa Nga-Sô và Hoa-Kỳ.

Hai sự-kiện quan-trọng cuối cùng là : Nga-Sô cam-kết, triệt phá các căn-cứ hỏa-tiễn ở Cuba, tháo gỡ các hỏa-tiễn đem về, dưới sự kiểm-soát của Liên-Hiệp-Quốc ; Hoa-Kỳ, về phần mình cam-kết không tấn công Cuba.

Khi chúng tôi viết mấy dòng nầy thì các hỏa-tiễn của Nga-Sô đã được tháo gỡ, xếp vô thùng nhưng Fidel Castro còn đang kèn cựa, chưa chịu cho quan-sát viên Liên-Hiệp-Quốc đến Cuba, đồng thời lên tiếng đòi căn-cứ hải-quân Guantanamo tại Cuba mà Hoa-Kỳ đóng giữ bấy lâu nay theo một hiệp-ước được ký kết ngày trước. Nga-Sô trước có ý định đòi Hoa-Kỳ triệt-thối hỏa-tiễn ở Thổ-Nhĩ-Kỳ, đánh đổi việc Nga triệt-hồi hỏa-tiễn ở Cuba nhưng về sau rút lui điều-kiện ấy.

Có lẽ tình-hình còn biến-chuyển nữa. Tuy nhiên, chúng tôi tưởng những điểm căn-bản của một cuộc thỏa-hiệp Nga — Hoa-Kỳ đã có rồi.

Một không-khí phấn khởi bừng lên trong thế-giới tự-do. Rõ ràng là trước thái-độ quyết liệt của Hoa-Kỳ, Nga-Sô đã nhượng bộ. Chính sách đưa nhân-loại đến miệng vực chiến-tranh của cố ngoại-trưởng Foster Dulles đã thắng lợi trong hoàn cảnh mới: chận đứng mưu toan xâm lược của Cộng-sản Quốc-tế.

Castro tủi hờn người bạn đồng-minh vĩ-đại. Trung - Cộng phản-đối hành-động hữu-khuynh, bỏ rơi Cuba. Nội bộ phe « xã hội chủ nghĩa » đã lủng-củng, càng lủng củng thêm.

Tuy nhiên, khi những tình-cảm tốt đẹp sôi nóng đã lắng xuống, khi người ta bình-tâm, khách quan, nhìn vào tình-hình thì người ta sẽ thấy còn phải lo lắng nhiều.

Hoa-Kỳ « được » khá nhiều : biểu-dương được sức mạnh tinh-thần và

vật chất, tỏ cho Nga-Sô và Cộng-sản quốc-tế hiểu rằng Hoa Kỳ dám sống chết vì quyền-lợi dân-tộc và lý-tưởng tự-do, làm cho Châu-Mỹ la-tinh cũng như các bạn đồng-minh khác hiểu họ có thể trông cậy vào Hoa Kỳ. Một ảnh hưởng nữa thuộc về phạm-vi nội bộ : thái độ cương quyết của chánh quyền Kennedy sẽ tác động vào cuộc tuyển-cử tại Hoa-Kỳ. Dân chúng Hoa-Kỳ bỏ thăm bầu một Hạ nghị-viện mới, thay thế 1phần 3 các thượng nghị sĩ, tất cả viên-chức hành chính, tư-pháp quan-trọng của các tiểu bang, từ thống-đốc, chưởng-lý, đến thị-trưởng, cảnh-sát trưởng v.v. Gần đây báo chí Tây phương có để cập với sự suy giảm ảnh hưởng của chính quyền Kennedy và của riêng ông Kennedy. Các ứng cử viên đảng Cộng-hòa đã bắt đầu công-kích chính quyền Đảng Dân-Chủ là yếu-ớt đối với Cộng-sản. Thái độ cương quyết đối với Nga-Sô sẽ tác động vào tình hình ấy như thế nào, bạn đọc đoán hiểu dễ dàng.

Về phần Nga-Sô, họ «mất» như ta đã thấy, khi bàn về thái độ phản ứng của Cuba, Trung-Cộng. Điều quan trọng hơn hết có lẽ là giá-trị chân xác của hiệu-lực bảo vệ mà Nga-Sô hứa-hẹn dành cho Cuba cũng như các nước Cộng-sản đồng minh. Sự thật Đế quốc Mỹ không phải con hổ giấy. Sự thật là Nga-Sô đã chùn bước, không thi hành đúng những lời cam kết của mình. Hiện giờ là Cuba nhưng ngày mai ? Còn nước bạn nào nữa mà Nga-Sô sẽ «hi-sinh» nếu Nga thấy cần phải lùi một nước, trong ván cờ quốc-tế ?

Những điều mà Nga-Sô «được» là sự cam-kết của Hoa-Kỳ không tấn công Cuba. Điều nầy, đối với Cộng-sản Quốc-tế, có một giá trị quan trọng đặc biệt. Nga-Sô khỏi có chiến tranh với Hoa-Kỳ. Nga-Sô còn Cuba tức là còn một đầu cầu xâm-nhập ảnh hưởng chính-trị vào Châu Mỹ la-tinh mà trên bình diện chiến-lược chung của Cộng-Sản Quốc-Tế hiện nay thì đấu-tranh kinh-tế, đấu-tranh chính-trị nằm ở hàng đầu, đấu-tranh vũ-trang là thứ-yếu, thế thì Mạc-Tư-Khoa còn mong ước gì hơn nữa ?

Vậy thì họ đã có lùi, đã có mất một số ảnh hưởng về chính-trị và tâm-lý tại Cuba, không mất Cuba.

Vấn-đề Cuba vẫn còn. Những biến-thái mới chưa thay đổi những nét căn bản của vấn đề.

Nếu như không có những diễn-biến gì mới thay đổi sâu xa nội dung vấn-đề thì chúng tôi tưởng những kết-luận về Cuba trình bày trước đây không có gì thay đổi.

TIỂU-DÂN

Tài-liệu tham-khảo :

L'économie de l'Amérique latine của J. Beaujeu — Garnier.

Castro entre deux révolutions của Theodore Draper (tạp-chí Preuves).

Castro peut-il tenir ? của Serge Lafaurie (L'Express.

Cuba, c'est sérieux của R. Cartier (Paris-Match)

L'Amérique latine entre en scène của Tirbor Mende.

The Monroe Doctrine and Communist Cuba (báo Time).

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ★ ☆

HEAD OFFICE	*Plapplachai, Bang kok.*
OVERSEAS BRANCHES:	
LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road.*
KOWLOON	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street.*

DOHAMIDE

NGƯỜI CHÀM CHÂU ĐỐC

(xem từ B. K. số 135)

SINH HOẠT XÃ-HỘI

b) Sự trưởng thành của Thanh-thiếu-nữ

Trong khung cảnh xã - hội kể trên, một đứa bé sanh ra được bảy ngày thì người ta làm lễ cắt tóc cho nó.

Đáng lý ra, người ta phải cạo tất cả tóc trên đầu đứa bé rồi đem cân, được bao nhiêu thì cha mẹ đứa bé đó phải xuất một số lượng vàng tương ứng phân phát cho khách đến dự buổi lễ. Trên thực tế, rất ít người làm như vậy, nên việc cắt tóc chỉ có tính cách tượng trưng mà thôi. Người ta thường bồng đứa bé đến trước các vị bô lão, để các vị nầy lần lượt mỗi vị lấy kéo hớt một mái tóc của nó cùng xức cho nó một chút nước hoa gọi là ban lộc cho nó.

Lễ cắt tóc nầy đồng thời cũng là lễ chánh thức ban tên cho đứa bé.

Muốn đặt tên, người ta thường phải xem trong một quyển sách trong đó có đề rõ vào ngày giờ đó, nên đặt tên gì.

Người Chàm Châu-Đốc không có tục đặt họ, mà chỉ có lựa tên mà thôi.

Đó là những tên thánh mà người ta xem như có tính cách thiêng liêng, do sự tin tưởng rằng sau khi chết đi, đến ngày phán xét cuối cùng, họ sẽ được

BẢNG TÊN ĐỂ CÁC CHA MẸ CHỌN LỰA

Nếu đứa bé sanh ban ngày thì nên chọn một trong các tên sau đây, tùy theo ngày tháng.

Chúa nhựt (harei did)

— Con trai : *Ibrohim, Suleiman, Daod, Isa, Musa, Yah Ya, Ayob, Zaccaria, Harun, Sgoleh.*

— Con gái : *Halimah, Hafsgoh, Hadibah, Zalikho, Robyah.*

Thứ hai (harei sôm)

— Con trai : *Ahmad, Muhammad, Mahmud, Co Sêm, Tgoyeb, Tgohir, Nuôh, Danyal.*

— Con gái : *Fatimah, Salimah, Sikhoh, Aziroh, Roby Ah, Habidah, Tgoyibah, Tgohiroh.*

Thứ ba (harei nga)

— Con trai : *Ismael, Ishaak, Djamad, Yacob, Som Un, Hamar, Khobb, Yak Far, Youssof.*

— Gon gái : *Khodidjad, Salimah Safinah, Azat, A Ky Kah.*

Thứ tư (harei bud)

— Con trai : *Aly, Ho Sanh, Ho Sên, Abdul Malêk, Abdul Ro Uf.*

— Con gái : *Ai sah, Hamidah, Aïdah.*

Thứ năm (harei djib)

— Con trai : *Abdolloh, Abdarrohman, Abdol Wahab, Abdol Karim, Abdol Gony.*

— Con gái : *Kalsum, Habibah, Maryam, Sgofyah Maryah*

Thứ sáu (harei suk, harei djăm ad)

— Con trai ; *Adam, Youssof, Younos, Mansor, Abdul Aziz, Abdorrohman.*

— Con gái : *Hawa, Hadjar, Aï sah, Fatimah, Maryah.*

Thứ bảy (harei chag)

— Con trai : *Abdul Codir, Abdul Latif, Abdul Mutgobb, Abdorrohim, Abdorrozak.*

— Con gái : *Maryam, Saryfah, Latifah.*

gọi theo các tên ấy. Nếu lấy một tên nào khác thì họ sẽ không được gọi như vậy. Nhưng vì phải chọn lựa trong số tên giới hạn đó nên trong thôn ấp, có rất nhiều người trùng tên nhau và khi đến một xóm, muốn tìm một người nào thì cần nói rõ người đó là con của ai hoặc có những đặc điểm gì. Bằng không, khách có thể bị hướng dẫn từ nhà này sang nhà khác để phải chạm trán với những người cùng mang tên người mình định gặp nhưng lại không phải người ấy.

Bảng tên kể sau đây là bảng tên mà chúng tôi phiên âm lại. Trên thực tế, người Chàm Châu-Đốc thường mang những tên khác không hoàn toàn đúng như thể trên căn cước.

Chính cũng vì điểm đó một số người không biết Việt ngữ khi làm mất căn cước phải gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân là các chức hộ tịch thời Pháp thuộc thường theo ý thích của mình mà phiên âm các tên.

Mặt khác, một số người phải mang vào căn cước những họ như Châu, Danh... vốn là những họ của người Cambodge, và chỉ có trên giấy tờ, chớ thực tế người mang căn cước đó không bao giờ xem họ đó là họ của gia đình để cha truyền con nối được. Các viên chức hộ tịch thường phối hợp các họ này với chữ sau cùng của tên.

Ví dụ như *Hô-Sanh* chẳng hạn thì trở thành *Châu-Sanh*, còn Youssof, thì thành *Danh-Sô* v.v...

Các vị có tuổi cho biết rằng đáng lý, cùng với lễ cắt tóc đặt tên, phải cử hành luôn lễ cắt da quy đầu (circoncision) cho những đứa con trai. Nhưng lễ này được thực hiện thực sự chớ không phải chỉ có tính cách tượng trưng như người Chàm Hồi Giáo miền Trung, nên thường phải chờ năm đứa bé lên 13, 14 tuổi và thường để được tiện, người ta tập hợp lại cắt một lượt cho nhiều đứa.

Sau lễ đó, cá nhân được xem như trưởng thành, có đủ tư cách để cắt cổ gà, vịt... và nhất là cử hành giá thú.

c) Hôn - nhân

A.— *Lễ hỏi.*

Cũng như trong phong tục Việt, hôn nhân thường khởi sự do trung gian của ông mai hoặc bà mai.

Sau khi được sự thỏa hiệp của hai bên cha mẹ các vị nầy mới định ngày cùng một số họ hàng đàng trai đến đàng gái đem theo quà bánh, tổ chức tại nhà cô gái một bữa tiệc và nhân đó thông báo cho mọi người rõ cùng chánh thức yêu cầu một vài quan khách chứng kiến giùm việc ông... bằng lòng gả đứa con gái cho con ông... với số tiền đồng định là... và tiền chợ là... Tiền đồng là tiền cưới (sây Kawanh) có tính cách tượng trưng còn tiền chợ là số tiền nhiều khi rất lớn dành cho đàng gái sửa soạn lễ cưới, cho nên tiền chợ được đưa trước khi cưới còn tiền đồng chỉ đưa nhận lễ gả mà thôi. Lễ nầy tục gọi là «pakloh panuôik» tức là dứt khoát lời nói. Trong cuộc lễ nầy, cha mẹ chàng trai

Nếu đứa bé sanh vào buổi tối thì chọn một trong những tên sau đây tùy theo ngày, nhưng cần chú ý một điểm là khi người Chàm Châu-Đốc nói tối thứ hai thì phải hiểu là tối chứa nhựt rạng mặt thứ hai. Vậy các buổi tối kể dưới đây, cần được giải thích theo quan niệm trên.

Tối chúa nhựt (malăm did)

— Con trai : *Ismael, Abubacar, Umar, Abdolloh, Ossman.*

— Con gái : *Hafsgoh, Hawa, Zaynap*

Tối thứ hai (malăm sôm)

— Con trai : *Muhammad, Ahmad, Ossman, Isa, Umar, Musa, Daod, Ayob.*

— Con gái : *Fatimah, Saryah, Abidah.*

Tối thứ ba (malăm nga)

— Con trai : *Musa, Harim, Ibrohim, Yacob, Youssof, Ismael.*

— Con gái : *Hawa, Ai sah, Aminah.*

Tối thứ tư (malăm bud)

— Con trai : *Hồ Sanh, Ismael, Nuôt, Soleiman, Youssof, Yah Ya, Zaccarya,*

— Con gái : *Muk Minah, Zaynab, Hama, Maryam, Sgofyat, Maymunag.*

Tối thứ năm (malăm djib)

— Con trai : *Adam, Idress, Yacob, Ayob, Sgoleh, Aaod.*

— Con gái : *Ai sah, Djamilah, Hamidah, Salamah, Abidah.*

Tối thứ sáu (malăm suk, malăm djăm ad)

— Con trai : *Muhammad, Djakfar, Abbas, Isa, Abdolloh, Abdol manal, Abdol Codir.*

— Con gái : *Khodidjah, Djamilah, Hamidah, Sgofyah.*

Tối thứ bảy (malăm chag)

— Con trai : *A'y, Younos, Abdorrohman, Youssof, Abdul Gofur, Abdul Malêk, Abdul Gony, Ayob, Abdul Halim.*

— Con gái : *Maryam, Sandah, Khodidjah: Djebah, Ai sah.*

không bắt buộc phải có mặt, vì đây chỉ có ý nghĩa là một sự xác nhận của đàng gái với một đàng khác là ông mai mà thôi. Lễ vật có thể là nữ-trang, áo quần... do ông mai trao lại. Nhưng nếu sau đó, vì một lẽ gì xảy ra việc từ hôn hoặc do đàng trai hoặc do đàng gái thì chỉ cần sự thông báo của ông mai mà thôi. Lễ vật sẽ tùy trường hợp lỗi ở nhà trai hay nhà gái mà được giao hoàn trở lại hoặc không. Từ lễ hỏi đến lễ cưới, thời gian dài ngắn tùy trường hợp. Trong thời gian đó, đôi trai gái vẫn không bao giờ được gặp mặt nhau.

Tuy nhiên, thường người ta tổ chức những cuộc thăm viếng chính thức nhưng hễ đàng trai sang nhà đàng gái thì hoàn toàn do đàn ông tiếp và ngược lại. Trong những dịp nầy, người ta thường xếp chỗ ngồi cho chàng trai hoặc cô gái thế nào để cho có thể từ một nơi kín đáo nào đó lén nhìn diện mạo của người phối ngẫu tương lai của mình.

Sự giao thiệp giữa hai gia-đình qua các buổi thăm viếng trở nên ngày càng khăng khít hơn lên.

B.— *Lễ cưới.*

Lễ cưới diễn ra trong 2 ngày :

Ngày nhóm họ gọi là « Harei padưng bagũk » (ngày dựng việc) đàng trai cũng như đàng gái, nhà treo đèn kết hoa, sàn trải thảm, bà con họ hàng tụ họp ăn uống vui cười.

Nếu cần — thường đối với gia đình không khá giả — thì thanh niên trong thôn ấp sẽ họp nhau phân công đi chài cá đem về giúp gia chủ làm cơm đãi khách.

Mặt khác, một số lo đi mượn chén dĩa cần dùng. Toàn thể giới thanh niên đều tự động đến giúp.

Về phương diện khách đến dự tiệc thì sẽ tùy khả năng của gia chủ định liệu số người đến. Ông Seãk sẽ được nhờ đi thông báo lễ cưới từ đầu làng đến cuối làng, nhưng số thực khách thì sẽ do vị Ahly định liệu người đến dự trong số người dành cho xóm của mình.

Việc trang hoàng nhà cửa bên đàng trai có vẻ thô sơ hơn đàng gái. Nhưng bên nhà gái, đặc biệt chỉ trang hoàng gian nhà trong theo lễ tục và chính gian nhà sẽ dùng làm phòng hoa chúc luôn và chỉ có phụ nữ mới được vào, còn khách đàn ông thì phải ngồi ở gian nhà ngoài.

Do đó mà phần lớn thanh niên đều tụ họp tại nhà trai và ngược lại các thiếu nữ ở bên nhà gái.

Ngày đầu, có cuộc lễ nhỏ sửa soạn chú rể và cô dâu. Mỗi xóm thường luôn luôn có những người quen chuyên lo việc này và luôn luôn được mời đến khi có đám cưới.

Bà sửa soạn cho cô dâu gọi là « Muk Nôk » và người đàn ông chăm sóc cho chàng rể gọi là « Nông Nôk » sở dĩ cần có những người này, vì cả cô dâu và chú rể đều phải ăn mặc theo đúng nghi thức.

Người ta thường cho chú rể mặc sắc phục của vị Hadji đi hành hương Mecca, gồm cái quần ống chẹt, áo dài

Lễ cưới người Chàm Châu-Đốc. Đoàn người đưa rể đang tiến về nhà cô dâu
Chính giữa và phía sau cùng là chàng rể được che lộng

phết gót (djeddah), đôi khi lưng đai lủng lẳng cây gươm dài oai phong lẫm liệt.

Cô dâu thì được trang điểm son phấn sặc sỡ (bình nhựt các cô bị cấm dùng son phấn) vòng vàng đỏ tay chói mắt, đầu nặng trĩu với những xâu chuỗi hột nhiều màu, tóc được cài lên bằng ba cây trâm to (một cây dài chính giữa và hai cây ngắn hai bên).

Cả cô dâu và chú rể đều nhuộm móng tay và móng chân màu hồng thắm bằng một thứ lá nhuộm đặc biệt dành cho dịp nầy.

Cô dâu được đặt ngồi trên bộ ván cao đặt sát vào vách trong cùng, trên có trải thảm, hai bên có hai chồng gối thêu hoa, trông tựa như đang ngự trên một ngai vàng. (Tục lệ bắt buộc bộ ván nầy phải do chính những người đàng trai đến sắp đặt đúng chỗ).

Bên đàng trai, người ta cũng sắp xếp một chỗ dành tiêng cho chú rể, trong gian nhà vừa được trang hoàng.

Sau khi sửa soạn xong, những người chung quanh cùng tung hô cô dâu và chú rể, các bạn bè thường cùng nhắc chú rể lên cao, trước đĩa trầm khói ngút tỏa.

Một vị bô lão đứng ra cầu nguyện, để mọi người cùng hòa theo, hướng về chú rể hoặc cô dâu.

Sau cuộc lễ ngắn ngủi nầy, cô dâu và chú rể được chánh thức gọi là « panganh tanh ».

Tối đến, khách lần lượt tụ hợp, các thanh niên thường ca hát rập ràng theo tiếng trống. Các loại đờn đều bị cấm nên nhạc cụ, chỉ gồm những chiếc trống bịt da một mặt, còn một mặt bỏ không gọi là « banar ». Lúc sau nầy, những chiếc trống nầy được thay thế bằng trống jazz mua từ Saigon về. Dù vậy, trống « banar » vẫn được sử dụng và thường được những người trọng tuổi ưa thích, còn trống mới thì được các giới thanh niên ưa thích. Sự sử dụng hai loại trống này làm nẩy sanh những bài hát riêng biệt cho mỗi loại, và trong một đám đông đang tập họp bỗng nghe có trống vang lên, tức thì mọi người đồng hòa theo ca hát, vui vẻ. Người ta không xem đó chỉ là việc riêng của các nhạc công mà thôi.

Riêng bên nhà gái thì buổi tối này gọi là « malăm anưk đaga » (đêm của các cô gái), và chính đây là dịp để các cô gái các xóm hằng ngày « khuê môn bất xuất » được chính thức xuất hiện trong một cuộc họp bạn, gọi là để khích lệ cô dâu.

Trong gian nhà trải thảm, người ta xếp cho các cô ngồi vòng theo vách, cô nào cô nầy yên lặng như pho tượng, ít khi nói chuyện với nhau (nói chuyện e sẽ làm mất vẻ trang nghiêm đi chăng?) Khách bàng quan nếu may mắn được chứng kiến sẽ có cảm tưởng rằng đây là một cuộc triển lãm sắc đẹp hơn là một cuộc họp bạn.

Các bà mẹ nhân dịp này thường xem xét, dò hỏi, mong chọn người bạn trăm năm cho con trai mình.

Sáng hôm sau là ngày chánh yếu gọi là « harei he », họ hàng bạn bè nhà trai cùng tựu họp để đưa chàng rể về nhà cô dâu. Khi chàng rể bước chân xuống thang, các bạn bè hát lên bài « La mĕk, la mư » tức « Giã từ cha mẹ » nội dung nhắc lại công ơn sanh thành dưỡng-dục và diễn tả mối cảm xúc của đứa con khi bước chân rời khỏi gia-đình.

Đoàn đưa rể thường đi đầu là các vị bô lão, rồi mới đến thanh niên cùng trống nhạc. Cha mẹ chàng rể ít khi đi cùng đoàn này.

Chàng rể có khi cỡi ngựa, có khi ngồi xe tùy trường hợp ; một thanh niên cầm chiếc lọng túc trực bên cạnh.

Người ta thường nhờ hai em bé trai bưng hai cái khay ; khay thứ nhứt đựng sổ tiền đồng, khay thứ hai đựng trầu cau (trầu để nguyên lá chớ không têm và được sắp xếp cho đủ đôi).

Bên nhà gái, thường người ta trải vải trắng dài từ cửa thẳng vào gian nhà trong, để chàng rể theo đó mà đi vào chánh thức gặp mặt cô dâu.

Quan khách được mời an tọa nơi gian nhà ngoài để cử hành lễ gả gọi là « Kobol ». Có nhiều trường hợp, người ta làm lễ « Kobol » này đêm trước, nên khi đoàn đưa rể đến thì chú rể được đưa ngay vào gian nhà trong liền.

Trước lễ « Kobol », tập tục buộc người cha hoặc người thọ-ủy phải đến thông báo chánh thức cho cô dâu rõ, là hôm nay cô đã được cha mẹ hoặc bà con thuận gả cho chàng trai tên X...

Trong lễ « Kobol », người cha vì lý lệ nào đó có thể ủy cho một người trong họ hàng chủ tọa thay.

Cha mất, thì trách vụ thuộc người bác hoặc chú. Không có chú bác thì do người anh.

Trong trường hợp không có ai hết thì ông Hakîm sẽ đứng ra đảm nhận. Nhưng dù người nào đi nữa, điều kiện cần thiết vẫn là sự thông báo cho cô dâu rõ và người đảm trách gọi là « *Waly* ».

Trong lễ « *Kobol* », người chủ hôn đàng gái (một trong những người kể trên) sẽ ngồi đối diện và nắm lấy tay của chú rể, chung quanh có sự hiện diện của ông mai và vài nhân chứng chánh thức. Tốt hơn hết là có sự hiện diện của các vị đã chứng kiến lễ hỏi « pakloh panuôik khi trước.

Trước hết, mọi người yên lặng nghe một vị chức sắc trong đạo được để cử đọc « khotbah » bao gồm một sồ khuyến cáo về hôn nhân, những nghĩa vụ phu thê cùng các hành vi mà luật đạo cấm.

Vị chú hôn đàng gái « Waly » bèn nắm lấy tay chàng rể long trọng tuyên bố người con gái đã gả cho chàng rể, nói rõ tên họ số tiền đồng... (tiền này có đặt bên cạnh để mọi người cùng thấy rõ).

Theo một công thức có sẵn, chàng rể đáp lại là mình nhận người con gái tên đó từ nay làm vợ mình số tiền đồng là... (người ta chỉ nhắc đến tiền đồng tức « sây kawanh » mà thôi, chớ không đề cập đến tiền chợ).

Câu nói của cha vợ cũng như của chàng rể không được ngập ngừng hoặc vấp váp. Nếu phạm phải lỗi này thì phải nói lại cho đến khi nào trôi chảy thì thôi, do đó trước lễ « kobol » chàng rể luôn luôn phải tập trước.

Khi câu nói được chấp nhận thì mọi người đồng hoan hô và tham gia cầu nguyện.

Sau đó, ông « uôk » sẽ sát cạnh chàng rể và cùng đi vào gian nhà trong, nơi đó, cô dâu đã được đặt ngồi xếp bằng trên bộ ván trải thảm, có bà « uôk » ngồi đàng sau như che chở và phòng mọi bất trắc.

Chàng rể được dẫn đến trước mặt cô dâu (thường cô dâu nhắm mắt lại,) đưa tay rút cây trâm cao nhất trên mái tóc cô dâu rồi lên ngồi phía tay mặt.

Người ta thường để cho hai người ngồi như thế (pađim) trong vài phút, cho họ hàng cùng xem.

Một vị bô lão sẽ đứng ra cầu nguyện cho hai trẻ, và mọi người cùng hòa theo.

Sau cuộc gặp mặt đầu tiên và chớp nhoáng đó, chàng rể thay y-phục và cùng ra gian nhà ngoài chuyện vãn với bạn bè.

Tối đến, có lễ hợp cẩn (masăm chăm nêk), người ta phủ lên đầu cô dâu, và chú rể một miếng vải to và xối nước lên. Nhưng lệ nầy hiện nay dường như không còn áp dụng nữa và thường người ta chỉ mời các bà đông con đến sửa soạn mùng, giường, cho đôi vợ chồng mới để lấy phước.

Trong buổi đầu tiên đôi vợ chồng mới phải dùng cơm tượng trưng cùng một mâm và cùng một đĩa.

Các cụ già nhân đó sẽ bày ra những đồng tiền để cho hai vợ chồng cùng giành lấy.

Nếu người vợ giành lấy được nhiều tiền thì người ta tiên đoán là trong tương-lai, người vợ sẽ giữ tiền, quyền tế gia nội trợ sẽ do người đàn bà đảm đang tất cả.

Trái lại, nếu người vợ e lệ, để cho chồng lấy được hết các đồng tiền thì trong tương-lai mọi việc sẽ do ông chồng định đoạt.

Người ta giữ nguyên sự trang hoàng phòng cô dâu cho đến ngày thứ ba mới tháo. Đến ngày này, họ hàng, cha mẹ vợ chồng mới, đem theo đủ các thức vật dụng cần dùng cho một gia đình.

Thường người ta làm một bữa tiệc thịnh soạn để mọi người đến chứng kiến việc chuyển các vật dụng ấy và theo nguyên tắc là từ đó, hai vợ chồng sẽ bắt đầu một cuộc sống riêng của gia đình mình. Cho nên các nhà khá giả cưới vợ cho con thường luôn luôn lo cất cho một căn nhà riêng kế cận, vì vậy mà phần lớn các gia-đình chỉ gồm có hai vợ chồng và các con. Tuy nhiên vẫn có trường hợp mà hai vợ chồng sống chung với gia-đình bên vợ hoặc bên chồng.

Sau đó, hai vợ chồng mới đi thăm họ hàng cũng như trong phong tục Việt.

Đàng trai sẽ cùng nhau đến thăm hai **DOHAMIDE**

✶ Lòng tham bén vào những tâm hồn hèn yếu dễ hơn vào những tâm hồn cao quí, tí như lửa bén vào mái tranh dễ hơn vào mái ngói.

Chamford

✶ Nói đúng, nghĩ đúng, cũng chưa đúng, cần phải thi hành cho đúng.

Lachausser

✶ Một tháng ngồi thở than, sao bằng một giờ hoạt động.

Franklin

✶ Người ta không thể trở nên người thức giả, nếu chỉ đọc những gì mình ưa thích mà thôi.

Joubert

✶ Điều mà mình không muốn người ta làm cho mình, thì mình đừng làm cho ai cả.

Khổng-Tử

✶ Mua danh ba vạn, bán danh ba đồng.

Tục-ngữ Việt

SOCIÉTÉ INDOCHNIOISE DE DOCUMENTATION

et de

REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co MONOPOLE** »

Vins de Chianti et Vermouth « **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpoliella Chiaretto « **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng — *Tél : 20.055*
SAIGON

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT

Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

những hướng chính trong thế giới điện ảnh hiện tại

Bài của NGUYỄN-CAO-ĐÀM

Hon. F. Kortrijk, A. R. P. S.

552 nhiếp ảnh gia thuộc 34 nước trên thế giới đã gởi 1957 tác phẩm tới tham dự cuộc Triển-lãm quốc tế mở tại Saigon năm nay. So với cuộc triển-lãm năm ngoái, số lượng có sút kém mấy trăm tấm, nhưng lại hơn 99 tấm ảnh màu. Cuộc triển lãm thường niên do Việt-Nam tổ chức đã bước vào năm thứ ba, trong lúc nhìn sang các quốc-gia láng giềng: Thái-lan vừa hoàn tất Triển lãm đầu tiên, Trung-hoa quốc-gia đang chuẩn bị Triển lãm thứ nhất, và Phi, Miến, Lào, Căm-bốt chưa có một lần tổ chức.

Những con số tuy có hùng hồn nhưng chưa thỏa-mãn đầy đủ một số thắc mắc của những người yêu nghệ thuật muốn tìm hiểu nhiếp ảnh một cách thấu triệt, cụ thể trong mấy câu hỏi:

— Nghệ-thuật Nhiếp ảnh trong vòng 5, 7 năm nay đã tiến triển theo đường hướng nào?

— Phòng Triển lãm Saigon 1962 có phản ảnh được những hướng chính của thế giới ảnh hiện tại không?

Nếu lấy 10 năm làm một « đốt » để nhận định bước tiến của nhiếp ảnh, thì nhiếp ảnh đã chuyển mình rất mạnh trong cái « đốt » vừa qua.

Thật thế, xưa kia chỉ thủ vai trò ghi chép trung thực, chạy quanh những đề tài vui mắt trang trí là tĩnh vật và cỏ — cây — mây — nước thì sau thế chiến thứ hai, nhiếp ảnh khai phóng vào con người và những gì liên quan mật thiết đến đời sống.

Visão
Francisco Aszmann
Brasil

Những tác-phẩm « Chiều mây liễu rủ » lỗi thời đã lùi bước nhường chỗ cho hình ảnh kiến-trúc đồ-sộ, chân dung diễn tả, sinh hoạt đường phố, cho những hoạt cảnh đột-

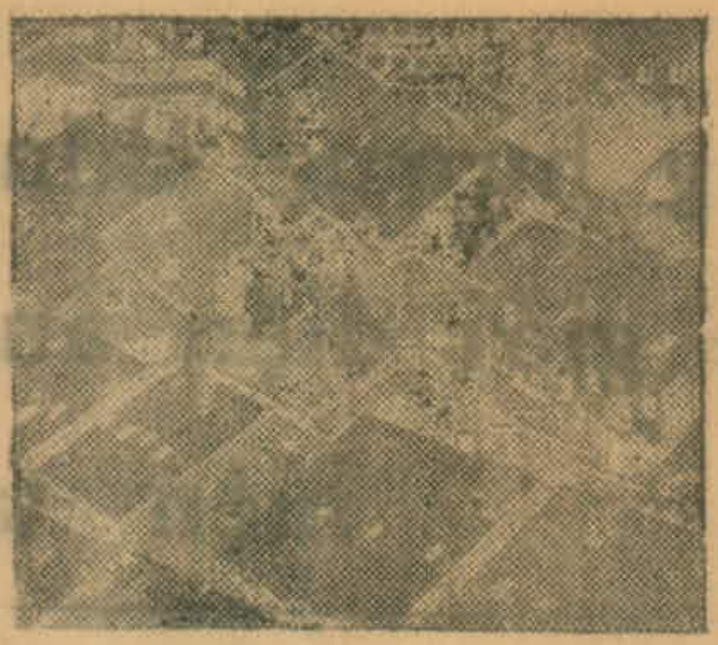

Uber Den Dächern Von
Helgoland (Edmund Frings) Germany

nhiên bắt gặp hoặc dựng lên, để nói cả những rung cảm đơn-sơ và thầm kín nhất của tâm tư.

Nhiếp ảnh hôm nay vừa phản ảnh nếp sống cuồng nhiệt, vừa xoáy thúc vào chiều sâu con người, quy tụ trong những đường hướng chính sau đây :

1) *Đường nét và mảng đậm lợt.*— Đặc tính dễ nhận số một của nhiếp ảnh hiện tại là đường nét. Những đường nét rõ rệt, dứt khoát, thẳng là thẳng, cong là cong. Đường chân trời thẳng như sợi chỉ đặt xưa kia ai cũng lẩn tránh, bây giờ là chủ điểm của tác-phẩm. Người ảnh « dùng » đường nét, ý thức việc dùng và ngang-nhiên lãnh trách-nhiệm.

Có khi chỉ là đường nét thuần chất như cỏ năn trên gương nước * của Palazzi (Ý-đại-lợi) có khi là những mảng đậm lợt xen kẽ cân xứng khéo léo của nhiều Mái Nhà * do Edmund Frings (Đức) từ cao nhìn xuống, cũng có khi là sự giao duyên kỳ thú giữa đường nét và mảng đậm lợt của con đường mòn uốn lượn bên ven đồi đậm lợt trong tác phẩm Long way *, tác-giả là nhiếp ảnh gia R.H. Berger người Áo-quốc.

2) *Chụp động và gây động.*— Đặc-tính thứ hai của nhiếp-ảnh hiện tại là việc xử dụng tốc-độ của chiếc máy ảnh vô tri giác. Với tốc-độ thần tốc 1/1000 sao đồng hồ, người ảnh Lokei Pak (Ma-cao) đã « bắt đứng » được đôi chim Hải Âu * xòe cánh bay lượn trên mặt biển lặng, giữa lúc Humberto Nunes (Bồ-đào-nha) cho rằng lối chụp này cứng đờ, ông đã sử dụng tốc-độ chậm cho Những Cánh Quạt * nhà máy xay lúa nhòe mờ đi để nói rằng gió vẫn thổi và cánh quạt vẫn quay. Lối lia máy khớp với tốc-độ của chủ đề lần đầu tiên được áp dụng cả vào chân dung, đó là tác-phẩm Thiếu nữ ngoảnh theo mộng đẹp * của Chung-man-Lork ở Hồng-Kông.

3) *Tạo tầm thường thành lạ thường.*— Nếu xưa kia người ảnh phải xê dịch hàng trăm cây số ngàn để được sự giúp sức của thiên nhiên trong những khung cảnh toàn bích, thì người ảnh hôm nay sáng tác với những cái gì tầm thường nhất ở quanh mình. Can chi phải tìm đâu xa lạ ! Cảnh vật hàng ngày ở bên ta không lạ đối với

Long Way
RH Berger DKFM
(Austria)

On wings of song
Lokei Pak, ARPS (*Macao*)

ta, chỉ vì ta nhìn quen mắt quá. Vậy phải nhìn bằng con mắt khách quan, tự nhiên sẽ nẩy sinh ra những rung cảm của buổi đầu gặp gỡ.

Chỉ cần thêm kỹ-thuật điêu-luyện, thêm lối cắt xén mới đến táo bạo, thêm một tấm hồn, để đôi cá chép thành Salmon tails *, mớ tóc bạch kim thành The Hair *, con gà sống thành The Cock *, ba tác-phẩm độc-đáo của Matti. A. Pitkanen, người Phần-Lan.

Singelesa Humberto Nunes (Portugal)

4) *Những khám phá kỹ-thuật.* — Nhiếp ảnh gia Long-Chin-Sang hồi đầu thế kỷ đã khám phá ra lối chắp 2, 3 phim, lấy núi chỗ này, sông nước thuyền bè nơi khác để tạo ra những bức ảnh thủy mạc rất nên thơ. Năm bẩy năm nay, nhiếp ảnh gia Francisco Aszmann (Ba tây) áp-dụng lối chắp phim tạo ra tác phẩm siêu thực đầy ý nghĩa. Ông chắp 101 con mắt vây quanh một người biết mình tội lỗi đang tìm lối trốn tránh. Tác phẩm Thần tượng * của ông gói ghém triết lý sống của một số người trọn đời đeo đuổi một bóng giai nhân tuyệt sắc.

Nhiều phương-pháp kỹ-thuật khác :

— Phương-pháp chệch hình (bas-relief) tạo hình ảnh khắc nổi như thanh tường đá chạm.

— Phương-pháp sắc độ nhẹ (High Key) toàn một màu xám như dùng bút chì khẽ đánh bóng trên giấy.

— Phương-pháp sắc độ nặng (love key) hướng sang đen xẫm

— Phương-pháp phân sắc độ (séparation de tons) dồn muôn ngàn sắc độ vào ba màu chính : đen, xám, trắng, tạo ra

A Sweet Dreaming
Chung Man Lork, ARPS, FPSHK (*Hong-Kong*)

Libertados
Pédro Bellonis Ravest *(Chile)*

những « ấn bản » của chiếc máy in trực tiếp (typo).

— Phương-pháp một sắc (high contrast) hoàn toàn đen, nhái lại ấn bản một màu.

— Phương - pháp chạy sáng hai lần (double solarisation) mà cha đẻ là ông Léopold Fischer, người Áo quốc, cống hiến những tác - phẩm giống mộc bản ở màu đen và màu trắng, hoàn toàn là ảnh ở màu xám, những tác phẩm rất khỏe và lạ mắt mà cảnh vật như nổi hẳn ra ngoài mặt giấy. Tác-phẩm Xóm Chài * của ông không mãnh liệt gây xúc động như tấm giông tố (tác phẩm đoạt huy chương vàng kỳ Triển lãm thứ Nhất tại Saigon) nhưng cũng vẫn hấp dẫn và độc đáo.

5) *Sinh-hoạt.*— Đó là hình ảnh những buổi chợ đang họp, những hè phố đông đúc, những nếp sống riêng biệt của từng địa phương, những mảnh đời thâu gọn để giới thiệu trọn vẹn con người sống động trong khung cảnh thân yêu của họ.

Có thể gọi ảnh sinh hoạt là ảnh phóng sự đạt tới cao độ nghệ-thuật mà ở đấy người nghệ-sĩ đã thấu triệt từ ánh sáng đến bố cục, từ góc cạnh đến đường nét để có thể phản ứng mau lẹ trước khung cảnh diễn biến đến cao độ nhất, hoàn hảo nhất, bấm máy vào lúc mà trăm ngàn con người « đứng » vào những vị trí như đã được ấn định từ trước.

6) *Nhiếp ảnh mới* (modern photography). Phối hợp lối nhìn táo bạo vào với đường nét và đậm lợt, bất chấp cả kỹ thuật cùng những định luật, nhất là định luật cổ điển, người tạo ảnh mới ca tụng được hồn nhiên, vừa biểu lộ được bộ óc thông minh, ranh mãnh, ưa hài hước của mình.

Gặp hai người da đen mặc đồ lớn đi trong đêm tối, nhiếp ảnh gia Ennio Gatti (Ý-Đại-Lợi) chú ý đến cổ áo sơ mi của họ — hai vệt trắng cong trên nhỏ dưới to vạch giữa màu đêm âm u — và tác phẩm Negro in Frak * của ông khiến khán giả không khỏi nén một nụ cười kinh ngạc. Khán giả ắt cũng thích thú Liberados * của P. B. Ravest (Chí-Lợi)

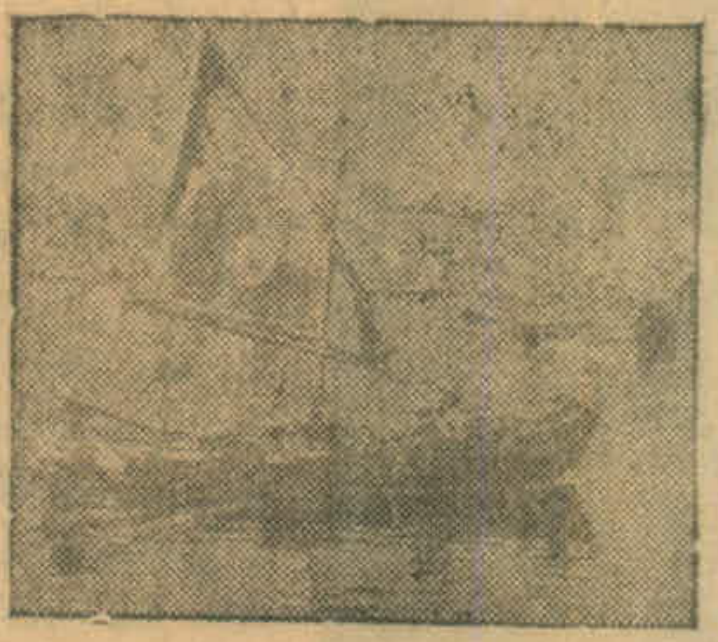

Fischers Heimkeehr
Léopold Fischer *(Anstria)*

* Tác phẩm trưng bày trong Phòng Triển Lãm Saigon 62

Negri in frack
Ennio Gatti, SFS (*Italy*)

đưa ra một đôi giầy da buộc dây bên cạnh hai đoạn chân mũm mĩm của một em nhỏ đang kiễng lên không biết để làm gì.

7) Ảnh ý tưởng.— Trong lúc một số nhiếp ảnh gia vẫy vùng trong các loại ảnh trên, đòi hỏi máy móc tinh vi thì một số khác đào sâu vào chính lòng mình để tìm sáng tác.

Trước hết họ quan niệm rằng cao độ của nghệ thuật nhiếp ảnh phải truyền cảm được nhưng gì thầm kín nhất của nội tâm. Và tác phẩm nhiếp ảnh phải có tác dụng hữu ích ngoài sự thỏa mãn những tò mò của thế nhân, hoặc gây cảm khoái cho nhãn quan của kẻ nhàn rỗi.

Tác phẩm loại này nói ra những ung nhọt của xã hội, những bộ mặt « bợ », những cái lưng « tôm » để mọi người biết mà xa lánh.

Tác phẩm loại này ca tụng những mối tình Người : tình mẹ con, tình huynh đệ, tình người với người, tình người với mảnh đất thân yêu để mọi người thấy mà giữ lấy.

Tác phẩm loại này đề cao những ý thức cao đẹp nhất của nhân loại : lòng vị tha, nghĩa hợp quần, cảnh da ngựa bọc thây... để mọi người trông đấy mà noi theo.

Loại ảnh này rất hiếm trên thế giới ảnh và thưa thớt trong cuộc Triển lãm quốc tế năm nay của chúng ta.

* * *

Cuộc Triển lãm quốc tế lần thứ III tổ chức tại Việt-Nam đã phản ảnh khá trung thực bước tiến của thế giới ảnh hiện tại : nhiều đường nét, nhiều kỹ thuật, ít sinh hoạt, ít tân tiến, rất ít ý tưởng.

Hội đồng Giám khảo kỳ đầu nếu có may mắn gặp một Giông tố của Léopold Fischer đã sáng suốt trao tặng ngay huy chương vàng và hãnh diện trông thấy thế giới ảnh hai năm qua đua nhau chụp theo Léopold Fischer thì Hội đồng năm nay đã thấp đuốc đi tìm mà không thấy một tác phẩm đen trắng thật chội bật, bỏ xa hẳn những sáng tác phẩm kế cận.

Chúng ta đã tặng phần thưởng tột đỉnh cho bộ hình xuất sắc vào chung kết (3 trong 21 tấm) của nhiếp ảnh gia Pitkanen người Phần-Lan, chính là để tưởng thưởng tài năng phong phú của ông. Việc làm này ở trong quyền hạn của Hội đồng giám khảo, cũng không mới lạ trên thế giới ảnh nhưng cũng ngoài dự liệu từ trước.

Trong lúc các quốc gia ảnh Tây-phương đang dò đường đi vào loại ảnh ý tưởng xuất phát từ Đông phương, trong lúc cả thế giới ảnh như ngưng lại để theo dõi những bước tiến mạnh của ảnh màu, cuộc Triển lãm quốc tế kỳ III tại Việt-Nam năm nay phải được kể là một thành công mỹ mãn.

NGUYỄN-CAO-ĐÀM

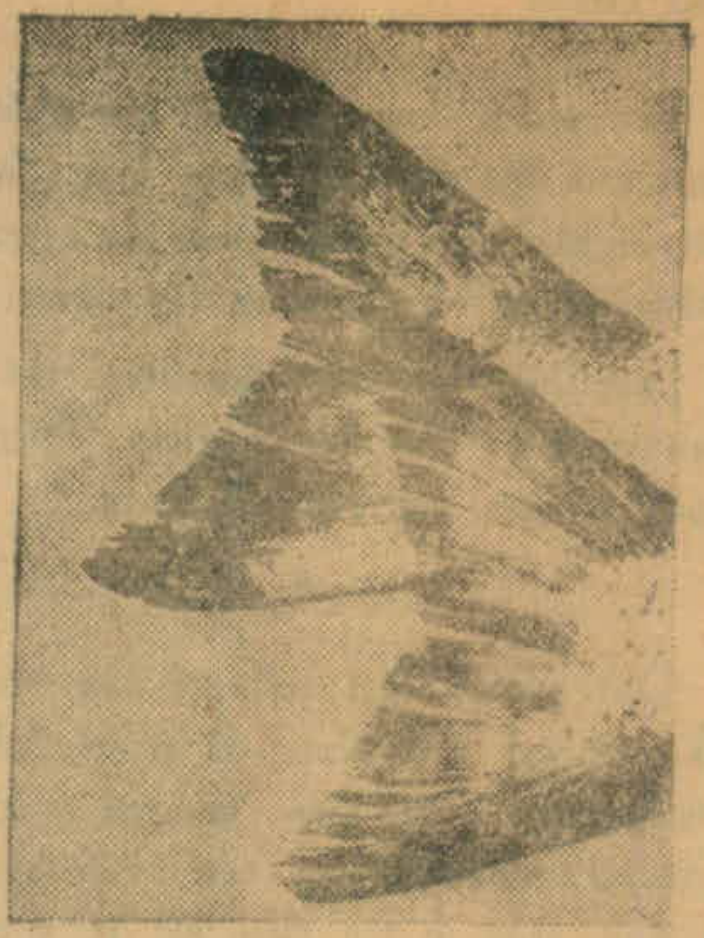

Salmon Tails của Matti. A. Pitkanen, đã khéo kết hợp kỹ thuật chập phim (nước với cá) để tạo động, nhìn bằng khoé nhìn mới lạ, biến vật tầm thường thành khác thường.

Tác phẩm này là 1 trong 3 tấm xuất-sắc của ông vào trung-kết và bộ hình này đoạt Huy-Chương Vàng trong cuộc Triển-lãm quốc-tế nhiếp-ảnh kỳ III tại Saigon 1962.

Những phong-cảnh trang-trí vay mượn nhiều thiên - nhiên, mặc dầu rất bắt mắt, ngày nay cũng mất địa-vị trong các cuộc đụng độ quốc-tế.

Tác-phẩm của CHAN SHAU (Hồng-Kông) trưng bày trong Phòng Triển-lãm quốc - tế Nhiếp - ảnh kỳ III tại Saigon 1962.

✶ Bây giờ người ta bắt đầu cảm thấy rằng mỗi cá-nhân có phần lời trong hạnh-phúc của kẻ khác ; đó là sự đảo lộn tất cả những thành kiến xưa cũ cho rằng hạnh-phúc của những người này chỉ có thể có được bằng cách làm tổn-thương hạnh-phúc của những kẻ khác.

Véron

✶ Một tương-lai tốt đẹp hơn hết sẽ dành cho xã-hội nào mà mọi phần tử sẽ vui lòng hợp-tác trong công cuộc chung.

Fonillée

✶ Con người cao quí là nhờ tư-cách mình, dù hoàn-cảnh, địa vị ra sao.

Danh-ngôn Trung-hoa

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

15, *Đại lộ NGUYỄN-HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bur au de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.)

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

triết-lý bi-đát

của CLEMENT ROSSET

QUA bài này, chúng tôi muốn giới thiệu với các bạn một đề mục mới : tư tưởng của Clément Rosset trong cuốn *La Phisolophie tragique* (Triết-lý bi-đát), xuất bản tại Paris (P.U.F.) năm 1960. Qua vài cây bút trẻ ở Pháp và Việt-Nam vội ca tụng triết-lý bi-đát như luồng gió mới nhất của trời Âu-Mỹ, người ta có cảm tưởng như triết-lý bi-dát sẽ thay thế cho triết Hiện-sinh... Chúng tôi cũng đã bị cảm xúc khá mạnh khi cầm lấy cuốn « Triết-lý bi-đát » của Rosset, tưởng như mình có phúc cầm trong tay một chiếc kính thần, nhờ đó người ta có thể nhìn thấy những bí ẩn của cuộc đời. Thực ra, cuốn «*Triết-lý bi-đát* » có mang lại cho ta những tri-thức mới mẻ không ? Chúng tôi hãy xin trình bày tư tưởng của Rosset đã, sau đó chúng tôi sẽ xin góp thêm những nhận xét riêng biệt của chúng tôi.

I.— NỘI DUNG CUỐN « TRIẾT-LÝ BI-ĐÁT »

Sách chia làm 2 phần gần cân nhau. Phần I chia làm 3 chương với 94 trang : chương I có nhan đề là « Cái bi-đát là gì ? » ; chương II : « Cái bi-đát là sự liên-hiệp của những ý-tưởng « không thể hòa giải được » (irréconciliable) và « vô trách-nhiệm » (irresponsable) ; và chương III : « Cái bi-đát là cái tất thiết » (l'indispensable) ». Nói một cách tổng quát, phần thứ nhất này đi thẳng vào bản chất của cái bi-đát : tác giả cố gắng đưa ra một định nghĩa của bi-đát, rồi vạch ra những yếu-tố cấu tạo nên cái bi-đát.

Sang phần II, tác giả muốn dẫn chúng ta đi vòng quanh phía sau, để nhìn mặt trái của cái bi-đát. Nói đúng hơn : nhìn cái *không bi-đát*. Nhan đề của Phần II là : « Tội lộng-ngôn

của Luân-lý (le blasphème moral). Phần này cũng chia làm 3 chương. Chương I : « Ý niệm về hạnh phúc ». Chương II : « Ý niệm về bất hạnh ». Chương III : « Định nghĩa luân-lý ». Phần II có 60 trang tất cả.

Cuốn sách kết thúc bằng 4 trang của Phần Kết-luận.

Chúng tôi trình bày nhan-đề của những chương sách trên, không ngoài mục đích để độc giả có thể nhìn thấy ngay rằng Rosset đã xây dựng cuốn sách của ông một cách khá máy móc. Máy móc và cổ điển. Thành thử khi đọc ông người ta không có thích thú như khi đọc Nietzsche hay đọc Sartre ; người ta không có cái thú vị tìm ra những cái mới. Nói thế, vì cuốn sách của Rosset chỉ là một cố gắng, — một cố gắng vô ích, — để giải-nghĩa tính-chất bi-đát của cuộc đời con người dưới cái nhìn của Nietzsche.

Phần I : Định-nghĩa cái bi-đát

Tác giả bắt đầu bằng nhận định này : « Cái bi-đát là cái không thể nào giải nghĩa được » (p. 7). Tiếp đó ông viết thêm : Không có những cảnh-huống bi-đát ; bi-đát là cái chi nằm giữa hai cảnh-huống ; bi-đát là một thứ chuyển động, cho nên người ta có thể nói đến một « cơ-động bi-đát » (mécanisme tragique). Và để minh-giải ý-tưởng đó, tác-giả đưa ra một thí dụ : thí dụ tôi vừa ra khỏi cổng nhà, bước đi vài bước, giữa lúc đi ngang qua một cái nhà đang xây, thì một người thợ nề tự trên cao xẩy chân rơi ịch trước mặt tôi và chết tốt : tôi buồn nôn khi nhìn thấy thế, bởi vì tôi đã chứng kiến một cái bi-đát. Tôi đã thấy người thợ xây đó chết một cách đột ngột : phút trước người đó còn sống, và phút sau thì đó chỉ còn là cái thây không hồn.

Luận về cái chết bi-đát của người thợ nề, Rosset cho rằng *chỉ* mình tôi có kinh nghiệm về bi-đát ; còn những kẻ đến xem sau khi tai nạn xảy ra, họ chỉ chứng kiến một cái tử thi ; họ chỉ thấy chết. Riêng tôi đã thấy sống, rồi thấy chết, cho nên chỉ mình tôi chứng kiến cái « cơ-động bi-đát », nghĩa là chứng kiến sự chuyển mình từ tình trạng sống sang tình trạng chết. Hơn nữa, theo Rosset thì những bà con thân thuộc của người chết không cảm thấm thía cái bi-đát bằng tôi, vì « khi đứng trước thi hài người bạc mệnh, những người bà con đó không coi người chết là người đã chết hẳn, nhưng coi như một người đã sống xưa (un ancien vivant) (p. 10). Tác-giả có ý nói rằng những người bà con vẫn giữ nguyên hình ảnh của người chết và vẫn luyến tiếc người đó y như thể là còn sống, cho nên họ không chứng nghiệm được cái « chuyển động bi-đát » căn bản kia.

Tóm lại, trong ý của Rosset, bi-đát không phải là một cảnh-huống, một cái chi *tĩnh*, nhưng bi-đát là một biến cố, một *chuyển động*. Chuyển động này không là gì khác ngoài *cái chết* : chính cái chết là biến cố bi-đát nhất. Là biến cố duy nhất có đầy đủ những yếu tố mà Rosset gán cho cái bi-đát : chúng ta sẽ thấy cái chết ngả cái bóng kinh

sợ của nó trên tất cả cuốn sách của Rosset. Cho nên cái chết « bất kỳ tử » của người thợ xây mà tác giả đưa ra nghiên cứu ở đầu cuốn sách không còn phải là một thí dụ, nhưng nó có giá trị của sự kiện bi-đát duy nhất mà ông tìm giải nghĩa.

Đến đây, tác giả đã có thể đưa ra một định nghĩa về bi-đát. Ông viết : « Đối với chúng tôi, cái bi-đát là cái kinh ngạc tự bản chất. Pour nous, le tragique est et sera toujours *le surprenant par essence* » (p. 18). Nhưng kinh ngạc là gì ? Là cái làm chúng ta không thể tìm ra một giải nghĩa nào hết ; khi ta giải nghĩa được thì không còn kinh ngạc nữa. Tuy nhiên có những cái thoạt tiên làm chúng ta kinh ngạc, nhưng rồi dần dà chúng ta tìm ra được lý-do và giải-nghĩa ; trái lại « cái kinh ngạc *tự bản-chất* » là cái nhất thiết không có lý-do, và nhất định không thể nào có một giải-nghĩa nào hết. Tính-chất « kinh ngạc tự bản-chất » này của bi-đát sẽ được Rosset diễn tả bằng những yếu-tố như « không thể cứu vãn » và « không có trách-nhiệm » v. v. Nói cách khác, tính chất của bi-đát là vô phương giải quyết : đứng trước cái bi-đát, chúng ta hoàn toàn bất lực.

Trên đây là khái niệm của tác giả về cái bi-đát. Bây giờ chúng ta hãy theo ông đi sâu vào những phân-tích về nội-dung của bi-đát. Ta thấy ông mạnh bạo đưa ra ba đặc-tính, được coi như 3 yếu-tố của bi-đát : bi-đát là cái không thể hòa giải được, bi-đát là cái không thể có trách-nhiệm, và bi-đát là cái nhất-thiết.

Rosset dành Chương II của Phần I để bàn về hai yếu-tố trên, và ông dành Chương III để nghiên cứu về yếu-tố thứ ba. Thực ra chúng ta sẽ thấy ông nói đến một yếu-tố thứ bốn nữa nơi Chương I của Phần II : bi-đát là cái phi-luân. Yếu-tố thứ bốn này có khác yếu-tố thứ hai trên đây không « không thể có trách-nhiệm » ? Chúng tôi không thể không nêu lên câu hỏi đó. Dưới đây, trong phần phê bình, chúng tôi sẽ đặt lại vấn-đề những yếu-tố của bi-đát do Rosset đề xướng. Bây giờ xin hãy cùng nhau tìm hiểu những yếu tố của bi-đát đã.

a) *Bi-đát là cái không thể hoà giải được.*— Theo Rosset, muốn hiểu thấu nội dung của cái « không thể hòa giải », chúng ta phải vượt qua hai ý-niệm mở đường đã : như vậy chúng ta phải đi qua 3 chặng đường, rồi mới đạt tới quan-niệm « không thể hòa giải » (irréconciliable). Trước hết chúng ta phải chứng nghiệm cái gọi là « *không thể vượt qua* » (insurmontable) : bi-đát là cái gì chúng ta không thể thắng nổi, không thể vượt qua. Chúng ta có thể thắng những tai nạn : mà chiếc xe ta có thể mua chiếc xe khác thế vào ; bị tai nạn xe hơi đè gẫy chân, ta có thể chữa cho lành hoàn toàn như trước v. v. Duy có cái bi-đát là ta không thể nào thắng được. Nên hiểu cái bi-đát đây là cái chết : đó là lần đầu tiên chúng ta tự cảm thấy mình hoàn toàn bất lực trước tai nạn. — Đặc điểm thứ hai của cái « không

thể cứu vãn được » là : *vô phương cứu vãn* (irrémédiable), nghĩa là cái bi-đát là cái sụp đổ vĩnh viễn, không bao giờ có hy vọng sửa chữa được nữa. Đó là tính-chất tuyệt-vọng của cái bi-đát. — Hai đặc điểm trên đây chỉ có mục đích dẫn chúng ta tới đặc điểm thứ ba, và là thực thể của cái bi-đát. Đặc điểm thứ ba này không mang tên nào khác : Rosset gọi nó là « không thể hòa giải » (irréconciliable). Và ông bàn luận như sau : Đây là giai-đoạn cuối cùng giúp ta tìm ra ý-nghĩa của cái « không thể hòa giải » : chúng ta nhận thấy cái thất bại kia không những là một thất bại không thể thắng nổi và vô phương cứu vãn, nhưng nó còn là một thất bại hoàn diện và phổ quát (échec total et universel) : nghĩa là tất cả những thắng lợi của ta trước đây và sau này đều vô hiệu : chúng vẫn không cho phép ta thắng được cái bi-đát (cái chết) kia ». (p.26).

Khi con người đã nhìn thẳng vào sự thật như thế, thì lúc đó cái bi-đát xuất hiện như một mặc khải, như một sự vén màn khủng khiếp. Tuy nhiên con người bi-đá là con người anh hùng (p. 33) không bày vẽ ra những ảo ảnh của hạnh-phúc để tự lừa dối mình. Con người bi-đát là con người *không tin có hạnh phúc* ; chỉ con người luân-lý mới tin vào hạnh-phúc của đời người mà thôi, hoặc hạnh-phúc đời này hay hạnh-phúc đời sau cũng thế. Tin hạnh-phúc là cho rằng cuộc đời không bi-đát tự bản-chất. Tin hạnh-phúc là tin rằng cuộc đời có một ý nghĩa là đạt tới hạnh-phúc. Con người bi-đát, trái lại, cho rằng cuộc đời vô nghĩa và cái chết là thất-bại vô phương cứu-vãn. « Con người bi-đát không chịu làm hòa với cái bi-đát, nhưng coi nó là tử thù. Con người và cái bi-đát là hai kẻ thù xứng đôi » (p.34). Xứng đôi, vì con người tự biết mình không thể thắng nổi cái chết ; cái chết cũng không thắng nổi con người, bởi vì con người bi-đát không chịu coi cái chết là sự kết liễu hợp lý của đời mình, nhưng chỉ coi nó là cái phi-lý và mình không thể nào hòa-giải với cái phi-lý đó được.

b) *Bi-đát là cái không thể có trách-nhiệm.* — Rosset coi đây là một đặc-tính quan trọng nữa của cái bi-đát. Không thể có trách-nhiệm, irresponsable. Đứng trước cái bi-đát, chúng ta tự nhận thấy vô trách-nhiệm, bởi vì chúng ta không có quyền chọn. Chẳng hạn tôi bị cụt một chân, thì tôi không có « tự do » để chạy ; nếu tôi sinh ra trong một gia đình nhà quê nghèo nàn, thì tôi không có « tự do » để chọn học làm bác-sĩ, làm giáo-sư. Những dữ-kiện về thân-thể, về gia-đình và xã-hội đó đã đặt điều kiện cho sinh-hoạt của tôi : tôi không có một chút chi « tự do » đối với chúng (p.39). Nói thế nghĩa là chúng ta chỉ có « tự do » đối với những việc không quan trọng mấy, tức những công việc ta không tha-thiết gì mà thôi (p.38). Còn đối những việc quan trọng cho vận mệnh của ta, thì sự tự do của ta thực là mong manh. « Triết-lý bi-đát vén màn cho ta thấy rằng lãnh vực của tự do thì vô cùng

hẹp hòi, và nói đúng ra thì ta không có chút tự do nào đối với lãnh vực *các giá trị*. (p.40). Tác giả viết thêm : « Tôi không bao giờ có khả năng chọn điều chi hợp hay là ngược lại các giá trị. Giá trị là cái bao giờ cũng hoàn toàn vô thưởng phạt, và chúng ta có thể quyết rằng lãnh-vực của sự chọn là lãnh-vực ít quan trọng hơn đối với con người, bởi vì khi đó con người không có nghĩ chi đến các giá trị ». (p.40 « *Je ne saurai jamais choisir pour ou contre la valeur. Celle-ci est toujours parfaitement imméritée, et nous pouvons affirmer que le monde du choix est un monde de moindre importance pour l'homme, puisqu'il est étranger à sa représentation de valeurs* »).

Muốn hiểu những câu của Rosset trên đây, cần nhớ rằng nhiều triết-gia ngày nay đã coi danh từ « giá trị » như đồng nghĩa với « Chân, Thiện, Mỹ », nghĩa là coi Giá-trị như Ý-nghĩa cao siêu nhất mà ta có thể có về những công việc và những sự vật. Thành thử khi nói rằng tự do của ta không có một chút khả năng nào đối với những Giá-trị, Rosset chỉ có ý nói rằng ta hoàn toàn vô trách nhiệm về tính chất thiện hay ác của đời ta : nếu tự do là tự chọn, thì chúng ta không được phép chọn sinh ra bởi cha mẹ thế nầy hay thế nọ, trong xã hội nầy hay xã hội khác v. v. Cho nên, theo Rosset, tôi đã không chọn làm kẻ sát nhân trộm cướp, cũng như Rodrigue trong kịch *Le Cid* đã không chọn nghĩa và bỏ tình. Đối với Rodrigue, « tự do của chàng đã bị tan vỡ ngay tự đầu : *cán cân đã lệch hẳn về phía Nghĩa, và sự chọn của chàng đã bị chi phối bởi Danh-dự.* Người anh hùng cảm thấy *nhất thiết* mình *phải chọn* thái độ ấy » (p. 41).

Viết đến đây, Rosset sợ ta nghĩ rằng con người bi-đát của ông không còn có tự do và trách nhiệm nào nữa chăng, cho nên ông nói thêm ngay rằng : « Con người bi-đát khám phá ra *một trách nhiệm mới*. Trách nhiệm mới đó là gì ? Là tư cách của một con người biết can đảm chấp nhận cuộc đời vô ý nghĩa của mình. Anh có bằng lòng làm người với sự hủy bỏ tất cả những quan niệm về trách nhiệm chăng ? Anh có can đảm để nhìn thẳng vào sự ác và tự coi mình hoàn toàn không có tội chi để đáng đau khổ như thế chăng ? Nếu anh có can đảm đó, thì lúc đó anh mới tìm thấy cái thực thể của đời anh » (p. 46-47). Như vậy, theo Rosset, trách nhiệm của con người bi đát là nhận ra rằng mình không có trách nhiệm chi về những điều thiện hay ác của đời mình.

c) *Bi-đát là cái cần thiết.*— Rosset cho rằng đặc tính thứ ba này của bi-đát nhằm chống lại Luân lý Thiên-Chúa-giáo, cũng chính là luân lý của Socrate xưa : hai nền luân lý nầy cho rằng những đau khổ của ta đều do tội lỗi của ta gây nên. Trái lại, triết lý bi-đát chủ trương rằng đau khổ là cái *tất nhiên*. Hơn nữa, đau khổ là cái làm cho đời ta có ý nghĩa : không có đau khổ là thù địch duy nhất của con người, thì sẽ không có tranh đấu nữa ; không còn tranh đấu, cuộc đời không còn ý nghĩa chi nữa. Theo Nietzsche, Rosset cho rằng các nền luân lý đã tạo

ra quan niệm tội phúc để « an ủi » ta, như kiểu người ta dỗ trẻ con ; triết lý bi-đát không cần đến những lẽ an ủi thiếu nền tảng đó. Khi con người đã trưởng thành về tinh thần, « nghĩa là khi đã nhận ra sự thật trần truồng của cuộc đời, thì con người chỉ toàn thấy những ghê tởm và phi lý của cuộc đời mà thôi : sự chán ngán trào lên ngập cổ họng nó » (p. 52).

Như vậy con người bi-đát coi tất cả những cảnh đời bằng đôi mắt mới : thiện hay ác, phúc hay họa, không cái chi có căn do cả : mọi sự đều « nhất thiết » như thế. Hay nói như Nietzsche, « mọi sự đều do Định mệnh » : *fatum*. Tai vạ không do tội, và hạnh phúc không do thiện tâm. Mọi sự đều *như thế là như thế*. Đó là ý nghĩa chữ « *tất thiết* ».

Đến đây, Rosset đưa ra hai hình ảnh, biểu lộ thái độ của người bi-đát trước cái bi-đát của cuộc đời. Cuộc đời có bản-tính bi-đát, nghĩa là nó phi-lý và tất-thiết, và con người thì không thể hòa giải và không thể có trách nhiệm về nó. Khi đã nhận định như thế, con người chỉ còn có một thái-độ là : *cười*. Không cười vui, nhưng cười khanh khách như các cụ nho-gia khi chứng kiến những trò chơi kỳ quặc của Con Tạo, bắt người tài và đức độ phải gian truân, lại để những kẻ tiểu-nhân và bất tài được tâng lên hàng mũ miện. « Người ta cười nhiều trong những cuộc đô hội ; người ta cười nhiều vì không còn tin ở những ý-nghĩa luân-lý thiển-cận của hành - vi con người nữa. Người ta đã nhận ra rằng con người không tự-do và bởi thế không thể có ý-nghĩa luân-lý của những hành-vi ta : ở điểm này, cái bi-đát và cái hài-hước hoàn toàn giống hệt nhau. (Sur ce point fondamental, tragique et comique sont exactement identiques. Ils éclairent l'homme avec la lumière enivrante de la *nécessité*). Chúng soi cho con người thấy tính-chất *nhất-thiết* của cuộc đời ». (p.56).

Một thái - độ nữa của con người trước cái bi-đát là : *ca vũ* (dance). Rosset tô lại những nét mà Nietzsche đã vẽ về ca-vũ như sau : « Chúng ta thích thú nhìn những người quay cuồng ca vũ, và chúng ta thấy hãnh-diện để sống. Chúng ta hãnh-diện vì, nhìn vào sự hoan-lạc bi-đát của những người ca-vũ, chúng ta thấy rằng hoan-lạc không phải là gia-nghiệp của con người. Vì biết rõ điều đó, họ càng quay cuồng trong vũ-nhạc : hành-động của họ vén màn cho ta thấy chính lúc ca-vũ là lúc con người tỏ ra mình là giống phù-dung chóng chết. Chúng ta vui hội, vì chúng ta đã khám phá ra ý-nghĩa *bi-đát* của cuộc đời. Chúng ta không còn mong ước *hạnh phúc* như xưa nữa : vì thế chúng ta vui đùa ». (p.62)

Con người không mong chờ Hạnh-phúc, nhưng nhìn thẳng vào cái bi-đát của cuộc đời. Con người luân-lý là con người tin ở Hạnh-phúc, hoặc đời này, hoặc đời sau : hạnh phúc sẽ là lúc trả lại thế-quân-bình cho vạn-vật, báo ân và báo oán đầy đủ, cho nên khi đó Công-bình được phục-hồi hoàn toàn, và mọi sự đều hợp lý. Trái

lại con người bi-đát không tin vào Hạnh-phúc, nghĩa là không tin có bao giờ « cứu vãn » được những cảnh-huống đau-thương : như ta đã thấy, con người bi-đát cho rằng cái bi-đát (cái chết) là cái không thể nào hòa-giải được, không thể nào cứu - vãn được, không thể có trách-nhiệm về phía ta, cho nên nó là cái định-mệnh tất-thiết. Vì quan-niệm cuộc đời như vậy, con người bi-đát phá lên tiếng *cười* và buông mình theo nhịp điệu *ca-vũ*, cho đê-mê, cho tan nát, cho cạn chén hiện-sinh...

Đó là quan-niệm của Rosset về cái bi-đát. Ý-nghĩa bi-đát của cuộc đời, cùng là cách xử - dụng cuộc đời của con người bi-đát.

⁂

Phần II : Tội lộng-ngôn của luân-lý

(Le blasphème moral)

Vừa đọc lên cái đầu đề, chúng ta đã thấy ngay tư-tưởng then chốt của Nietzsche trong cuốn *L'Origine de la tragédie* (Nguồn gốc của bi-kịch). Rosset không giấu điều đó, ông còn lấy những ý chính của sách đó làm tài liệu để xây dựng Phần II này. Chúng ta ai cũng biết, theo Nietzsche, thì Socrate là kẻ đã đang tay giết chết nền *bi kịch* của Hy-Lạp : Socrate là người đầu tiên nêu lên thuyết luân-lý. *Chính Luân-lý là cái giết chết bi-đát.*

Vậy chủ đích của Phần II là chứng minh rằng luân-lý là cái đối-lập với bi-đát, và như vậy « *bi-đát là cái phi-luân* ». Rosset bắt đầu bằng nhận định này : « Tính-chất phi-luân là *đặc-tính thứ bốn của cái bi-đát* » (p.105). Rồi để phá đổ Luân-lý, Rosset đã lần lượt bàn về Hạnh-phúc, về Tai-họa và ông kết thúc bằng Định - nghĩa luân-lý. Chúng tôi xin lược qua mấy ý-tưởng chính của ông.

1. — Hạnh-phúc. Rosset không đưa ra những luận-chứng nào tích-cực để phá đổ cái mà ông gọi là Luân - lý Hạnh-phúc, ông chỉ có thể đối chiếu *luân-lý* đó với cái triết-lý *bi-đát* của ông mà thôi. So-sánh với triết-lý bi-đát, Rosset nhận thấy luân-lý tỏ ra đối-lập ở ba điểm này :

— a) *Quan-niệm Hạnh-phúc đối-lập với quan-niệm «không thể hòa giải» và lấy quan-niệm « tốt hơn » để thay thế vào đó.* Con người bi-đát cho những đau khổ thất bại là phi-lý và không thể cứu vãn được; trong khi đó con người luân-lý tin rằng nếu hiện nay chưa giải-quyết được vấn-đề Hạnh-phúc, thì sau này thế nào cũng giải-quyết được. Theo Rosset thì, về phương diện này, Hégel và Marx hoàn toàn đồng ý nhau, cũng như đạo Thiên Chúa và triết-lý vô đạo của Voltaire cũng là một : Họ chia xẻ một tin tưởng là con người *có thể đạt tới hạnh phúc*, không bằng cách này thì bằng cách khác. Những đau khổ hiện tại sẽ mặc một ý-nghĩa là mở đường cho những cái « tốt hơn » đang đến sau.

— b) *Quan-niệm Hạnh-phúc chống lại quan-niệm «vô trách-nhiệm» và lấy quan-niệm tội phúc thay thế vào.* Khi thấy những tai-vạ xảy đến trong trần gian, con người luân-lý đã bịa ra quan-niệm « tự-do của con người » và « Thiên-hựu nơi Thượng-đế » : nghĩa là, về phần

con người, những hạnh-phúc và tai-vạ đều do tội phúc con người. Có tội thì mắc tai-vạ, và có làm điều thiện thì được thần-linh ban cho hạnh-phúc. Còn chẳng may nếu người lành mắc tai-vạ, thì đó là vì Thiên-hựu (la Providence) đang chuẩn-bị cho người đó một cái Phúc lớn hơn. Tóm lại, nền Luân-lý hạnh-phúc chủ-trương rằng : mọi sự đều có duyên do. Trái lại, như ta biết, triết-lý bi-đát chủ-trương rằng : lành dữ đều do định-mệnh, và con người hoàn toàn «vô trách-nhiệm».

2. — *Tai-họa*. Đây là quãng mà chúng tôi thấy Rosset lúng túng hơn cả. Những trang ông bàn về Hạnh-phúc trên đây đã là những chắp nối và lặp lại những tư-tưởng mà người ta đã gặp nhiều lần trong Phần I, khi ông bàn về tính-chất « vô trách-nhiệm » và « nhất-thiết » của cái bi-đát ; bây giờ bàn về Tai-họa, ông lại lặp lại một lần nữa những ý-tưởng mà ông vừa trình bày về Hạnh-phúc ! Người đọc có cảm-giác đi bước đi trong một mê-cung. Rosset chia chương này làm hai tiết :

— a) *Quan-niệm Tai-họa lấy lại y-nguyên những ý-tưởng của quan-niệm Hạnh-phúc, nhưng biến đổi đi.* Con người Đau-khổ cũng chính là con người Hạnh-phúc, nhưng là con người Hạnh-phúc bị đặt trước sự thực phũ phàng của bi-đát. Rosset gọi ý-thức của con người Bất-hạnh là *ý-thức khổ-não*. Khổ-não, vì nó chạy theo quan-niệm Hạnh-phúc, nhưng giờ đây nó bị cầm chân bởi thực-tế đau-khổ. « Chúng tôi định-nghĩa ý-niệm đau-khổ là niềm tin vào hạnh-phúc giữa lòng cái bi-đát. *Nous définissons l'idée du malheur par la croyance au bonheur au sein du tragique* » (p. 127). Người đau-khổ là nạn-nhân của quan-niệm Hạnh-phúc : họ chạy theo Hạnh-phúc, nhưng chỉ luôn luôn vấp phải Đau-khổ, Tai-họa. Vậy mà họ vẫn không tỉnh-ngộ ! Theo Rosset, thì họ đã lấy những liều thuốc luân-lý để làm dịu những đau thương đó : họ tự nhủ rằng sở dĩ họ chưa đặng Hạnh-phúc là vì họ vẫn chưa sạch tội.

— b) *Quan-niệm Tai-họa, hay là cơn điên của Luân-lý.* Rosset xướng lên đầu-đề đó, rồi thay vì giải-nghĩa cho ta nghe lý sự, ông quay ra nhận xét trường hợp thuyết luân-lý của Rousseau và nhạc của Beethoven. Rosset cho rằng Rousseau « là người hết sức luân-lý và hết sức đau-khổ, cho nên Rousseau là điển hình của Đau-khổ, xét như Đau-khổ chỉ là Hạnh-phúc luân-lý bị rứt ra bởi cái bi-đát » (p. 137). Theo Rosset, thì Rousseau là điển-hình của con người phản-bi-đát, tức là con người luân-lý : Rousseau đau-khổ, chỉ vì ông ta muốn dùng luân-lý để giải-nghĩa những cảnh đau-thương của trường đời. Nhưng Rosset đã dành những lời thóa mạ nặng nề nhất cho Beethoven mà ông gọi là « nhạc-sĩ khốn nạn », là « sự thóa mạ nặng nề nhất đối với âm-nhạc ». Rosset đã để tám chín trang vào việc lên án cho Beethoven, viện cớ rằng nhạc-sĩ này đã chối bỏ tính-chất bi-đát của cuộc đời. Theo Rosset, thì Beethoven « đã kết án tất cả những đau-khổ thường ám hại con người : cô đơn, chết chóc, bi-đát » (p. 143). Beethoven là con người tuyệt vọng, gần như mê sảng trong đau-khổ của mình. Rosset viết : « Chúng tôi

định-nghĩa cái bản-năng phản-bi-đát và đẩy chất luân-lý của Beethoven là: ý-chí muốn quyết một bất-hạnh vô cùng lớn lao, để rồi hy vọng có thể may ra kiếm được hạnh-phúc cỏn con » (p. 144). Nghĩa là coi cuộc đời như hoàn toàn thất vọng, sẵn sàng đón nhận tất cả những đau thương vô kể, như vậy thì khi thấy khổ ít, ta có cảm-tưởng như là hạnh-phúc rồi!

Những trang trên đây của Rosset, đã không còn giọng tin tưởng lại thiếu cả nền tảng triết-lý.

Chương cuối cùng của cuốn sách, nhan-đề là « Định-nghĩa luân-lý », quanh đi quẩn lại, Rosset vẫn chạy quanh câu định-nghĩa kỳ-khôi này: « *La morale est* « **l'inconnu au tragique** », *le refus de le reconnaître pour sien, le refus d'accepter le don tragique* » (p. 148). Xin dịch là: « Luân-lý là cái không biết đến bi-đát, là sự từ chối không truy-nhận cái bi-đát là phần riêng của mình, không nhận lấy hồng-ân bi-đát ». Tựu trung, Rosset chỉ nói được một điều này: luân-lý là cái phản bi-đát, là cái từ chối không chấp nhận cái bi-đát, và từ chối bằng cách cố tình *tìm ra một ý-nghĩa cho những hành-vi của con người*. Luân-lý cho rằng hạnh-phúc và bất-hạnh đều có duyên-do; luân-lý không coi mọi sự là « không thể giải-quyết », « vô trách-nhiệm » như chủ trương của triết-lý bi-đát. Kết cục, Rosset đã đặt vào miệng người luân-lý câu này: « Hỡi cái bi-đát, ta biết mi có đấy, nhưng đối với ta mi không có. Ta nhất định từ chối không nhận mi là của ta » (p. 152). Và cũng thế, Rosset lên tiếng tuyên-ngôn rằng: « Chúng ta trả lời và chỉ nói rằng: chúng ta không chấp nhận luân-lý, chúng ta từ chối luân-lý vì luân-lý là cái đối-lập với cái bi-đát, nghĩa là luân-lý là cái trái nghịch với sự nhận xét của chúng ta » (p. 161).

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Kỳ tới: Vài nhận xét của chúng tôi.

✱ Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ. (Cách ngôn)
Kẻ nào đã trồng được một cái cây lúc sống, kẻ ấy không sống vô-dụng.

Cách-ngôn Ấn-Độ

✱ Chúng ta là những người thừa-kế của tất cả những người đã chết, là những kẻ đồng-hội của những kẻ đương sống, là ân-nhân cho tất cả những lớp đến sau.

Edmond About

✱ Chúng ta khá hơn và sung sướng hơn những bậc tiền-bối của chúng ta; vậy hãy làm cho đoàn hậu-sinh của chúng ta được khá hơn và sung sướng hơn chúng ta.

Edmond About

PASTILLES : { VANCO MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tấn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

mỗi ngày
trái đất nặng thêm
3000 tấn

TRỌNG-KHANG

KHOA học ngày nay quan niệm rằng trái đất không phải là một thế giới biệt lập bưng bít hẳn đối với vũ trụ, nhưng có những sự trao đổi thường xuyên giữa vũ trụ và trái đất. Trái đất phóng một phần thể chất của mình ra ngoài vũ trụ và thu vào những vật thể khác.

trái đất mất dần khinh khí

Vệ tinh nhân tạo cho biết rằng trên thượng tầng không khí, khinh khí là chất nhiều nhất.

Từ năm 1959 các vệ-tinh Lunik và Pioneer đã khám phá ra ở cách mặt đất 20.000 cây số, khinh khí làm thành những cái « đai », vì không khí thưa thớt quá nên những nguyên tử khinh khí tự do di chuyển với tốc độ trung bình là 4 cây số/giây. Nói tốc độ trung bình, vì có những nguyên tử khinh khí di chuyển với tốc độ từ 1 đến 2 cây số/giây, lại có những nguyên tử khinh khí di chuyển với tốc độ từ 6 đến 7 cây số/giây. Nếu hướng di chuyển của chúng đưa chúng ra xa trái đất thì chúng sẽ thoát hẳn ra ngoài vũ trụ không hy vọng trở về.

Theo ước lượng của các bác học, cái đai khinh khí của trái đất mỗi ngày mất đi độ 100 tấn khinh khí, một số lượng không phải nhỏ. Nếu không có một hiện tượng quân bình bù lại số mất đi đó ắt là trái đất đã phá sản về phương diện khinh khí từ lâu rồi.

Người ta nghĩ rằng có một loại hiện tượng biến dịch làm tái sinh khinh khí. Chính các đại dương cung cấp khinh khí cho vùng khí quyển. Nước biển nhờ tia nắng mặt trời bốc thành hơi nước, rồi trong giai đoạn thứ hai, khi hơi nước lên cao tới 100 cây số, tia tử ngoại của mặt trời phân hóa hơi nước ra khinh khí và dưỡng khí. Dưỡng khí trở về không khí làm quân

bình thành phần của không khí còn khinh khí bốc lên cái « đai » khinh khí nói ở trên.

Rút cục các đại dương gánh chịu phí tổn về hiện tượng di chuyển tinh lực đó, vì bị rút bớt khinh khí lần lần. Theo nhịp di chuyển tinh lực ngày nay, người ta ước lượng mực nước các đại dương đã hạ xuống mất vài phân từ xưa tới giờ.

Chúng ta biết rằng vào thời kỳ nguyên sơ trái đất có nhiều khinh khí và đã mất nhiều khinh khí trong thời kỳ sau đó. Trước người ta tưởng rằng gần đây trái đất giữ được khinh khí, không mất ra ngoài nữa, nhưng nay mới hiểu trái đất vẫn để mất khinh khí. Đành rằng vũ trụ tuyền có đưa khinh khí vào dưới hình thức proton, nhưng không quân bình được sự mất đi.

khối lượng vẫn thạch bị hút vào trái đất

Nhưng nếu lập một cái cân chi phó so sánh cái xuất ra với cái thu về, thì trái đất vẫn có lời trong cuộc trao đổi, vì trái đất hút vào một số vẫn thạch đáng kể ở ngoài không gian.

Đã từ lâu người ta nghiên cứu hiện tượng vẫn thạch và biết rằng những khối lớn rơi vào trái đất rất hiếm, chỉ biết có 4 trường hợp vẫn thạch khổng lồ rớt xuống đào thành hầm hố lớn. Nhưng vẫn thạch cỡ trung, có đến 1600 trường hợp để lại vết tích. Chỉ những khối trên 5 kí mới đến được mặt đất, còn nhỏ hơn sẽ bốc thành hơi khi xa vào vùng khí quyển. Đến như vẫn thạch nhỏ như cát thì hằng hà xa số, đó là hiện tượng sao đổi ngôi, vẫn thạch cọ xát với không khí nên cháy sáng bốc thành hơi.

Tuy nhiên khoa thiên văn ngày trước chưa ước định được số lượng vẫn thạch bị hút vào trái đất. Năm 1950 phương pháp cổ đưa ra con số 5 hay 6 tấn mỗi ngày.

Từ khi có vệ tinh nhân tạo người ta mới biết con số ước lượng ấy sai sự thật rất nhiều, nhất là đối với số vẫn thạch nhỏ như bụi. Ngày nay, số vẫn thạch bị hút vào tính theo mức tối thiểu là 3.000 tấn một ngày. Nhiều chuyên gia còn đưa ra những con số 10.000, 15.000 và 20.000 tấn.

Chỉ căn cứ vào con số tối thiểu là 3:000 tấn một ngày, ta làm con tính nhỏ sẽ thấy một năm là 1 triệu tấn, một ngàn năm là 1 tỷ tấn. Tuổi trái đất phải tính hàng tỷ năm. Mỗi tỷ năm trái đất đã lớn thêm hàng triệu tỷ tấn! Ấy là chỉ tính theo giả thuyết bụi vẫn thạch rớt vào đều đặn ngày nào cũng như ngày nào. Nhưng ta phải nghĩ rằng trước kia vẫn thạch nhiều hơn bây giờ. Trong nhật thống hệ trước kia có những đám mây mờ họp thành bởi bụi vẫn ở quanh mặt trời, bây giờ bụi đó bớt đi nhiều.

sắt và kền ở trời rơi xuống

Bụi vẫn thạch nêu lên một vấn đề quan trọng. Vẫn thạch phần lớn là sắt và kền. Vậy người ta phải nghĩ đến

nguồn lợi kim khí khổng lồ đó từ trên trời rơi xuống.

Năm 1874, nhà địa chất học Nordenskiold Thụy-điển đã phân chất tuyết rơi ở quanh Stockholm. Ông phải kinh ngạc khi thấy trong tuyết có thứ bụi mầu sẫm thành phần hóa học là sắt, còn thêm bạch kim, kền, cô-ban. Ông đưa ra giả thuyết bụi vẫn thạch là nguyên do hiện tượng ấy và đã tính ra con số 1 triệu tấn vẫn thạch mỗi năm Bấy giờ người ta cho là viển vông, nhưng ngày nay ta biết con số ấy đúng với điểm ghi nhận của máy móc đặt trong vệ tinh.

Kế đấy John Murray khảo cứu đáy biển và không khí cũng ngạc nhiên trước sự hiện hữu của chất sắt, chất manganèse. Ông cũng đi đến kết luận là sắt ở ngoài không gian do vẫn thạch đưa vào. Nếu ta để ý đến số lượng sắt ở trong nước biển, ở trong máu ta, thì ta phải nghĩ rằng số lượng sắt do vẫn thạch đưa vào trái đất không phải ít. Người ta mang trong thân thể mình vết tích của vũ trụ.

Mới đây hai nhà lý học Mỹ Pettersson và Rotski nghiên cứu lớp đất bồi dưới đáy biển Thái-Bình-Dương, họ ngạc nhiên về phân lượng kền rất cao. Phún thạch ở các hỏa diệm sơn không bao giờ chứa đựng kền đến 0,01 % trong khi đất bồi ấy chứa từ 0,01 đến 0,05 %. Tìm hiểu lý do, người ta nghĩ rằng nham thạch không thể mang lại số lượng kim loại ấy được, vậy thì nguồn gốc chất kền đó phải ở ngoài không gian và do nước mưa làm trung gian.

Từ năm 1957, với sự tiến triển của không gian học, đã có những ngành khảo cứu địa chất học ở Ha-waï, và hai đài quan sát trên núi gần Honolulu chuyên nghiên cứu không khí và những yếu tố tạo thành không khí.

Lần thứ nhất người ta dùng đến những phương pháp khảo cứu chắc chắn. Từng hệ thống máy quạt dồn từng khối lượng lớn không khí vào những máy phân tích. Kết quả: người ta lượm được tới 14,3 phần triệu gờ-ram kền trong 1.000 thước khối không khí.

Kết quả này đem đối chiếu với kết quả ghi nhận bằng vệ tinh phải đưa đến kết luận là bụi vẫn thạch hút vào vùng khí quyển ở độ cao 120 cây số, luôn luôn rơi xuống dưới đất như một thứ sương mù, trộn vào nước mưa và chui vào buồng phổi ta để rồi biến dịch vào máu.

mưa vẫn thạch làm mưa... ra nước

Những điểm suy luận trên đây căn cứ vào trường hợp vẫn thạch rơi xuống đều hòa. Nhưng thật ra việc trời không biết đến chừng mực. Hàng năm có những thời kỳ trái đất đi qua những vùng rất nhiều vẫn thạch, số lượng hút vào trái đất tăng lên kinh khủng. Ngày 15 tháng 5-1958. trái vệ tinh Spoutnik II ghi một số bụi vẫn thạch gấp 50.000 lần số lượng ghi độ một tuần lễ sau. Ta phải ví như một trận mưa rào đối với một cơn mưa phùn.

Những thời kỳ vẫn thạch rơi xuống nhiều như thế có ảnh hưởng gì đến vùng khí quyển không ? Chúng có phải là nguyên nhân làm cho mây đọng lại thành mưa không ? Mưa đóng vai trò quan trọng về khí tượng học.

Lần thứ nhất nhà lý học Bowen ở Úc-Đại-Lợi đặt câu hỏi này vào năm 1953. Ông tìm hiểu sự liên lạc giữa mưa vẫn thạch và những biến chuyển khí tượng quan trọng, và tìm ra rằng : 30 ngày sau những trận mưavẫn thạch trên thượng tầng không khí thì có những trận mưa... ra nước rất lớn.

Thuyết của Bowen không có ai tán thành, những đến kỳ hội nghị La-Mã tháng 10 1961 về thời tiết học, người ta đưa ra dẫn chứng cụ thể. Phi cơ U-2 của Mỹ bay cao từ 10.000 đến 30.000 thước trên Ấn-Độ dương và địa phận Úc-Châu để thâu lượm thứ bụi ngờ rằng làm cho mây biến thành mưa. Sau khi phân tích, các chuyên gia quả quyết rằng đó là bụi vẫn thạch.

Hình như ngày nay người ta đã công nhận rằng bụi vẫn thạch ảnh hưởng trực tiếp đến những hiện tượng khí tượng ở vùng khí quyển gần trái đất và những hiện tượng giao hoán giữa trái đất và không gian đem vào thêm số lượng kim khí cho trái đất.

một minh chứng cho thuyết của Shmidt về nguồn gốc trái đất

Bụi vẫn thạch làm tăng thêm khối lượng trái đất còn nêu ra một vấn đề nữa. Trên kia ta đã tính trong khoảng một tỷ năm trở lại đây trái đất có thêm ít nhất là 1 triệu tỷ tấn bụi vẫn thạch. Nếu căn cứ vào con số 15.000 tấn một ngày mà tính thì ta có một khối bằng một phần triệu trọng lượng trái đất, một khối lượng quan trọng nếu đem so sánh với khối lượng vỏ trái đất.

Ngày nay, nguồn gốc trái đất còn là một sự bí mật cho khoa học. Rất nhiều thuyết được đưa ra, trong đó có thuyết của Schmidt có vẻ cách mạng hơn cả. Ông tưởng tượng ra một khối hình tròn dẹt xoay chung quanh mặt trời. Cái khác thường trong thuyết này là khối đó mới đầu lạnh chứ không nóng (sức nóng trung tâm phát sinh vì những chất có phóng xạ tính bị giam hãm, đè nén). Khối lạnh đó hút lần lần những chất ở ngoài không gian vào và lớn dần thêm, như một cục tròn nặn bằng tuyết rồi cho lăn trên tuyết. Trái đất càng lớn thì lại cang hút được nhiều vật liệu ở ngoài không gian. Hiện tượng này còn tiếp diễn khi không gian kề cận quỹ đạo của trái đất còn có vẫn thạch để nó thu hút.

Schmidt lập một thuyết toán học giải thích nhật thống hệ. Nhưng thuyết của ông có một khuyết điểm là nếu theo những phương trình ông đưa ra mà tính thì tuổi của trái đất sẽ cao quá. May mà Schmidt đã thất lộc năm 1953 nên không phải nghe một lời chất vấn nào.

Ngày nay, đưa khối lượng bụi vẫn thạch thu hút hàng năm vào phương

trình của Schmidt, người ta thấy tuổi trái đất xấp xỉ 5 tỷ năm, gần với con số của thiên văn học.

Tuy bằng chứng này chưa đủ biện minh cho thuyết của Schmidt, nhưng người ta cũng có thể nói rằng nhiều dự kiến trước đây chỉ hiện ra lờ mờ, bây giờ được xác định lần lần.

thượng tầng khí quyển là một lò lửa

Trái đất thâu nhận tự ngoài vũ trụ vào một số chất liệu quan trọng về phẩm cũng như về lượng. Ngoài ra còn phải kể đến tinh lực dưới hình thức nhiệt độ do bụi vẫn thạch làm phát sinh.

Vẫn thạch vốn là chất nguội, nhưng chúng bay vời tốc độ từ 10 đến 40 cây số/giây nên hóa ra nóng. Khi xa vào vùng khí quyển bị cọ xát thì nhiệt độ tăng cao đến nỗi vẫn thạch bốc cháy và biến thành hơi. Nhiệt độ đó làm nóng thượng tầng không khí. Hàng ngàn tấn vẫn thạch một ngày hẳn là phải tỏa ra một nhiệt lượng đáng kể.

Hiện tượng ấy có thể giải thích được tại sao nhiệt độ tăng khi bay lên cao, điểm mà khoa học không gian chưa tìm được lối giải thích. Những dụng cụ đo lường phóng lên cho biết từ độ cao 100 cây số trở đi, nhiệt độ không khí tăng lên một cách kinh khủng. Từ 1958 người ta đã ước lượng rằng lên cao 1000 cây số nhiệt độ lên tới 800 độ, đến nay người ta cho rằng muốn ước lượng nhiệt độ ở trên cao 2000 cây số phải dùng đến con số vài ngàn có khi vài chục ngàn độ.

Phải một công trình nghiên cứu khó khăn mới biết hết được ảnh hưởng của vẫn thạch. Những vẫn thạch bị lùa vào vùng khí quyển rất nhiều thời kỳ nên đã biến thượng tầng không khí thành những lò lửa khổng lồ; bằn là hiện tượng đó phải ảnh hưởng đến những hiện tượng khác.

Các nhà bác học ngờ rằng không gian kề cận trái đất rất phức tạp, có lẽ sự phức tạp đó còn gấp bội ý niệm phức tạp người ta có thể nghĩ đến.

Thuật tài liệu khoa học của
ALBERT DUCROCQ
TRỌNG-KHANG

✱ Ta không thể nói : « Tôi chỉ làm hại tôi ».

Marion

✱ Tôi dám nói rằng chỉ trong một ngày một người đã tiêu-thụ những sản-vật mà có lẽ, tự y, y không thể sản-xuất được trong 10 thế-kỉ.

Bastiat

✱ Cái máy luôn luôn nhắc nhở cho ta những kẻ hợp-tác vô-danh trải qua các thế-kỉ, đã thêm một chút gì cho Khoa-học và Sức-mạnh của loài người.

Georges Séailles

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

✶

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC
38, Bishopsgate, London E. C. 2

✶

SAIGON CHI - CỤC
CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy
CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất
(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

✶

NAM - VANG CHI - CỤC
10, Phlauv Preah Kossamac

✶

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIỄN-ĐÔNG

✶

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

TRẦN-VĂN-KHÊ

Lá thư La-Mã

La-Mã mùa thu năm 1962,

Ng. xa cách,

LẦN đầu tôi đến La-Mã vào mùa hè năm 1950 — Năm ấy là « năm thánh », người đi hành hương dập-dìu khắp phố. Trời hè oi-bức mà quang-cảnh náo-nhiệt tưng-bừng.

Lần này tôi đến La-Mã vào đầu thu, trời mát dịu mà đường phố vắng người hơn 12 năm về trước. Nhưng nhờ thế mà lâu đài đình thự, vòi nước ở công-viên, công-trường, hay mấy hàng cột không-lồ tại Tòa Thánh Va-ti-căng hiện rõ hơn trước mắt người du-khách. Lần trước tôi đi theo đường bộ. Xe lửa vào đến nhà ga Termini, to gấp mấy lần nhà ga lớn nhứt bên Pháp.

Lần này, tôi đi đường hàng không. Lúc người ta loan báo phi-cơ sắp hạ, tôi cố tìm phong cảnh quen thuộc ngày xưa, nhưng khi nhìn qua cửa sổ tôi chỉ thấy biển trong xanh : thì ra phi trường La-Mã ở gần duyên hải. Muốn vào đến trung-tâm thành-phố phải đi xe hàng đến gần ba mươi cây số, mà tiền vé là 800 lires hoặc 1 đồng ba các tiền Mỹ. Tiền Mỹ có lẽ được thông-dụng tại nước Ý lắm chăng mà ngay tại phi-trường có chỗ riêng mua vé trả bằng « đô-la ». (Bạn bên nhà muốn biết 800 lires trị giá là bao nhiêu thì cứ tính một đồng bạc, tại thị trường hối-đoái tự do, ăn 6 đồng « lia » (lires). Nhưng anh bán hàng rong gặp du khách muốn khoe mình bán rẻ cũng cho giá bằng « đô-la ». Tiếng ngoại-ngữ thông dụng nhứt trong các sở công tư, các khách sạn, hiệu ăn hay nhà hàng là tiếng Anh — hay đúng hơn là tiếng Mỹ — Và vào vào đến thành-phố là thấy nhan nhản nhiều tấm quảng-cáo to tướng khuyên dân Ý nên uống « Coca-cola ».

Xe « ca » đưa tôi đến nhà ga. Mà từ đấy về khách-sạn Clodio là chỗ tôi sắp trú ngụ chẳng biết bao xa. Hỏi thăm, họ bảo rằng đi xe tắc-xi thì độ mươi phút là tới. Tôi yên lòng, ra cửa ga, gọi một chiếc xe tắc-xi. Bên ngoài xe « tắc-xi » sơn màu đen và màu xanh lá cây, tuy bề ngoài trông nhỏ hơn mấy xe Pháp, xe Mỹ, nhưng bên trong rộng rãi vô cùng : 6 người kể cả tài xế ngồi cũng vừa — Nhìn « công tơ » thấy số 130 lires, mình biết rằng đã gọi xe mà dầu không đi xa cũng phải trả tối thiểu số tiền ấy (20 đồng). Ngoài đường xe cộ tấp nập, đa số là xe Ý hiệu Fiat đủ cỡ, nhiều nhất là xe nhỏ vì « phố phường chật hẹp người đông đúc » mà đường sá từ thời vua La-Mã, đi không vỉa hè, lại kém bề ngang. Ra khỏi nhà ga chánh Termini một quãng, một bức tường di tích của thời xưa, nhắc tôi nhớ rằng thành La-Mã là một quyển sử mà cứ đi một đoạn đường là đọc được một trang. Xe điện, xe ô-tô-buýt xe ngựa loại xe song mã chớ không phải như xe thổ-mộ, chen với xe ô-tô buýt nhà, làm cho sự đi lại có vẻ khó khăn lắm. Xe lại phải đi ngang một vùng có nhóm chợ chiều. Người ta che trại bán hoa quả thực phẩm như bên ta nhóm chợ Tết, họ bán cả dưa hấu, dưa gang, và nho tươi cho khách ăn tại chỗ điều mà bạn không gặp được trong các nước khác ở Tây Âu Hai bên đường, các hiệu buôn chưng đủ các món hàng. Hiệu tiệm hay những câu quảng cáo viết bằng tiếng Ý. Nhưng nếu bạn chỉ biết tiếng Pháp, cũng đoán được như thường. Đây là một hiệu thuốc Farmacia gần bên có tiệm hình Foto, và một hiệu bán xe hơi, xe máy dầu Auto — Moto mà họ đọc là Ao tô mô-tô. Kia là một tiệm cơm Ristorante và phòng nha y-sĩ Dentista. Xe phải quẹo qua một con đường đi một chiều Senso unico. Trước một hiệu bán hàng ghé quảng cáo rằng họ làm ăn sạch sẽ, cẩn thận, có một tấm bảng đề « fabricazione propria ». Nhưng bạn đừng tưởng là muốn nói tiếng Ý cứ việc tấy tiếng Pháp mà thêm chữ i vào như thuốc lá Pháp gọi là tabac thì Ý gọi là tabac hi, hay chữ O như cơm tiếng Pháp riz tiếng Ý riso, xe lửa tiếng Pháp « train » tiếng Ý treno hay là a như đầu xe lửa tiếng Pháp « locomotive » tiếng Ý « locomotiva », cái tách tiếng Pháp « la tasse » tiếng Ý « la tazza » Nhiều tiếng nghe giống như tiếng Pháp mà nghĩa khác hẳn. Như chữ Sinistra không có nghĩa bất tường, ghê gớm hay hiểm ác như chữ Sinistre của Pháp mà có nghĩa là bên trái Fermare, hay là fermata không phải là đóng, khép như chữ fermer mà có nghĩa là đậu là dừng lại. Chữ piano không những dùng để chỉ cây đàn mà có nghĩa là chầm chậm. Và nhà nào có hai ba piano tức là hai ba từng lầu. Segnore không phải là một ông hoàng (seigneur) mà chỉ là tiếng xưng hô thường. Lộn xộn thêm cho người ngoại quốc một chút nữa là segnora chỉ người đàn bà số ít mà segnore tiếng chỉ người đàn ông số ít lại dùng chỉ người đàn bà số nhiều ; muốn chỉ người đàn ông số nhiều phải dùng tiếng segnori. Thành ra khi nào đi vào các nơi tiểu tiện phải coi chừng là để cho phụ nữ.

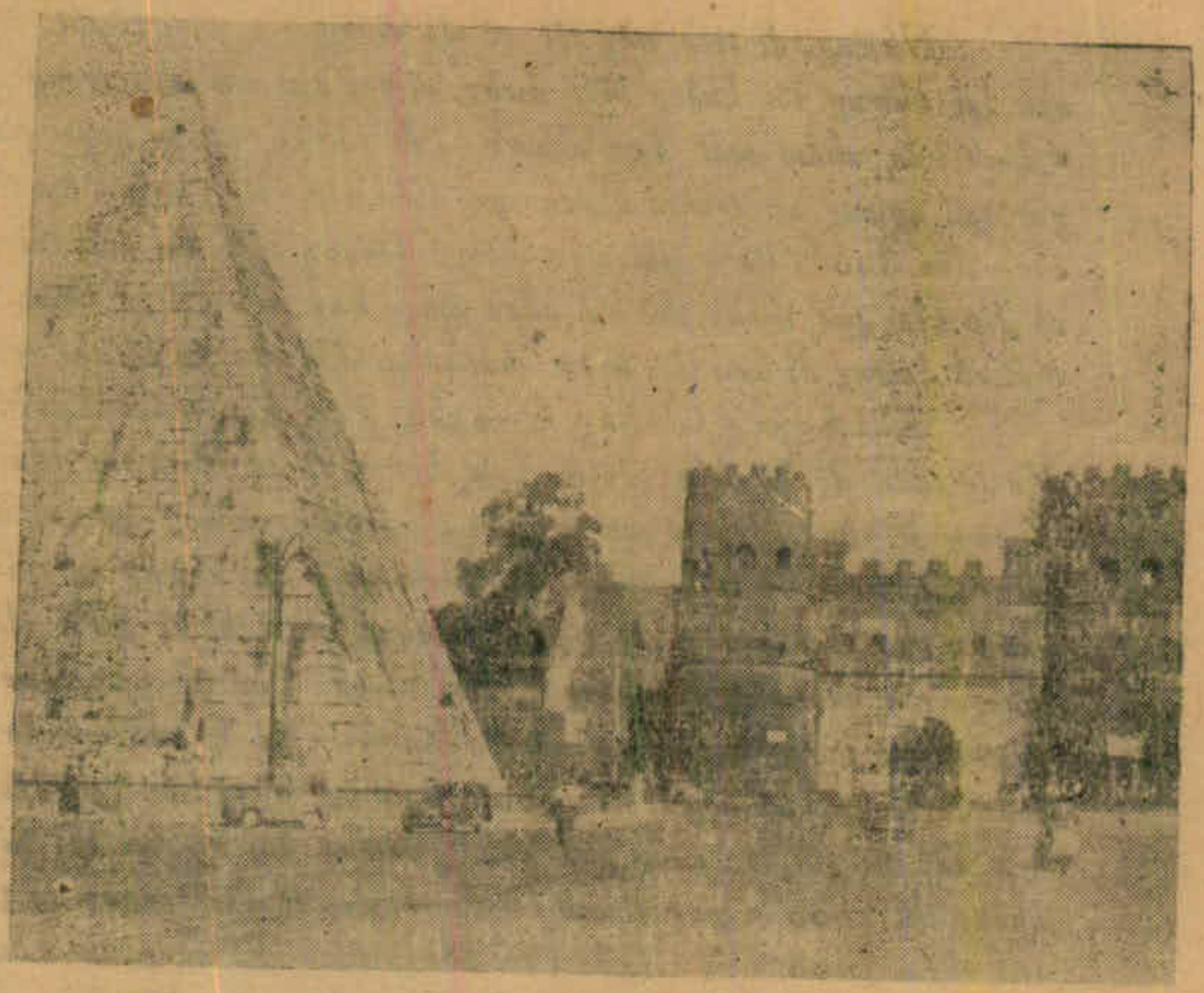

Kim-Tự tháp và một di-tích của vòng thành La-Mã ngày xưa

Nói chuyện dài dòng với bạn về ngôn ngữ nước Ý mà xe « tắc-xi » vẫn chưa tới khách-sạn Clodio. Tôi hỏi anh tài-xế coi anh có biết chỗ ấy chăng thì anh gật đầu. Trong nhà ga người ta bảo đi độ mươi phút thì tới mà xe tắc-xi chạy đã hơn hai mươi phút rồi. Xe đi ngang qua nhà Colisée một nhà hát lớn cất từ thế kỷ thứ nhứt (từ năm 72 đến năm 80). Ngày xưa những tội nhân thường bị đưa ra đấy đấu với tội nhân khác hay với mãnh thú cho các vua La-Mã và dân chúng xem. Nhìn phía tường còn lại cao đồ sộ mà tôi vững lòng. Đại hí-trường ấy to đến có thể chứa hơn 50.000 khán-giả — có người cho rằng có thể chứa đến hàng trăm ngàn người — bị con người và thời-gian tàn phá và theo tương truyền ngày nào hí trường ấy còn đứng vững thì La-Mã còn. Nếu hí-trường ấy sập thì La-Mã tiêu mà loài người cũng đến hồi tận thế. Nhớ lại ngày xưa bên ta có cây trụ đồng mà hễ Đồng trụ chiết ; giao chỉ giệt ». Ngày nay hí-trường Colisée coi mòi còn vững thì ngày tận thế chắc cũng còn xa. Xe lại đi qua một kim-tự-tháp mà người ta bảo rằng ngày xưa Caius Cestius bắt chước theo truyền-thống Ai-Cập bảo xây kim-tự-tháp trong 330 ngày. Có người cho rằng đây là mồ chôn Rémus. Rémus và người anh em cùng sanh đôi là Romulus lúc mới chào đời đã nhờ một con chó sói cái cho bú tại bờ sông Tibre và sau lớn lên, Romulus đã lập thành La-Mã và tên La-Mã cũng do Romulus mà ra.

Những di-tích nầy tôi có đi viếng 12 năm trước, nay đi ngang thì nhớ lại nhưng tôi không biết được vị-trí của mỗi nơi trong thành phố. Phải « đánh liều nhắm mắt đưa chơn », anh tài-xế tắc-xi quẹo qua quanh lại, nửa giờ sau ngừng xe trước khách sạn. Công-tơ chỉ 700. Vừa tiền xe, tiền nước cũng đến 800 « lia » (lối 130 đồng) (chẳng biết tại anh tài-xế muốn cho tôi có dịp xem qua thành phố mà chạy vòng, hay là vì lẽ gì khác, chớ hôm khác tôi biết rõ đường đi hơn tôi đi từ khách-sạn đến nhà ga mà chỉ mất có 500 « lia »).

Khách-sạn « Clodio » ở về phía Tây châu thành La-Mã cách Tòa-thánh Va-ti-căng độ ba bốn cây số. Các hội-nghị cử hành tại Đài phát thanh nước Ý cũng ở vùng đó, nên ban tổ-chức thuê phòng không xa nơi họp để tiện việc đi lại. « Clodio » là một khách-sạn thuộc hạng nhì nhưng sự chiếu-đãi thì vào bực nhứt » theo lời quảng cáo của họ (Second class hotel first class service). Cầu thang, sàn nhà đều lót bằng đá cẩm-thạch. Ban tổ-chức thuê cho chúng tôi mỗi người một buồng ngủ có cả buồng tắm. Và vừa ăn sáng và ăn một buổi — trưa hoặc chiều — vừa ở mất đi 5000 « lia » một ngày (lối 830 đồng bạc Việt). Theo bên nầy thì giá đó, cũng phải chăng nhưng hồi kỳ lại thì nếu thuê phòng ngủ không thì 2000 « lia » thành ra dầu bạn có tắm một ngày 2, 3 lần đi nữa số tiền trả thêm 1000 « lia » (gần 170 đồng) cũng khá nặng, và 2000 « lia » tiền ăn sáng và ăn trưa không phải là rẻ. Nhiều hiệu ăn nhỏ mà họ gọi là Trattoria hay Pizzeria bán những món đặc-biệt mà rẻ tiền. Dầu cho bạn vào hiệu ăn lớn nhỏ, chắc bạn không tránh khỏi món mì. Hồi trước tôi chỉ biết có ba loại là mì sợi : Spaghetti và mì ống : macaroni và ravioli : loại hoành thánh. Lần nầy không hỏi trước mấy anh hầu bàn cứ gọi thử một món lạ để coi bất ngờ mình gặp món gì. Quả chạy trời không khỏi mì. Gọi tagliatelle họ đem một tô mì nước, gọi tortellini gặp mì tròn mà có dồn một chút thịt, nhỏ miếng hơn ravioli. *Hôm khác gặp* Fettucine, *mì lớn, Papardella mì lớn gấp đôi Fettucine. Ăn mì nước hay mì khô họ thường gia vị thêm phó mách cà nhỏ như bột. Ăn thịt bò bích-tết thì họ nặn chanh, và chiên hột gà họ có nhiều cách, chiên không, chiên với rau, với thịt jambon, với phó-mách và với mứt Thứ sau nầy, tôi chịu thua và nếu bạn có hiếu kỳ thì cứ thử. Tương đối thì người Ý nấu ăn đậm đà hơn người Đức, người Anh và đặc biệt nhứt là cà-phê ở Ý pha vừa đậm vừa thơm. Máy pha cà-phê của họ nhờ thế mà xuất cảng bán khắp thế giới.*

Trong buổi ăn, nếu bạn có gặp một vài con mèo đến nhìn bạn như van lơn hay quấn quít theo chân anh hầu bàn, bạn đừng lấy làm lạ. Tại La-Mã có hơn 120.000 con mèo có chủ hoặc vô chủ, loại mèo sau nầy thường lảng vảng ở mấy thành quách điêu tàn.

Ăn xong, tôi cùng ông B., nhạc-sĩ Đan-Mạch đi dạo phố. Ông có một tấm địa đồ thành phố La-Mã, tôi có một tấm mà hai tấm đều khác hẳn nhau. Nhìn kỹ lại thì thấy dưới gốc bên trái, họ có vẽ hướng Bắc của thành phố. Nhưng

hướng Bắc trong tấm địa đồ của tôi ở trên, còn phía Bắc trong địa đồ của ông B. ở về phía bên mặt. Đó chỉ là một trong vài điểm lạ mà người du khách nên để ý. Cũng như ở nhiều nơi cầu tiêu không có bảng đề mà chỉ có hai chữ OO *nhỏ viết trên đầu cửa. Cũng như muốn mua cò gởi thư vào sở bưu điện chưa chắc có. Phải đến mấy hiệu bán thuốc lá thì có đủ thứ cò để gởi thư đi trong nước hoặc ngoài nước. Muốn đi tàu hỏa, tại nhà ga chánh Termini không có nơi bán giấy. Phải biết trước, lại chỗ anh bán báo, mua đồng tiền kẽm để bỏ vào khe cái cửa xoay mới có thể vào trong. Phải biết trả giá khi mua một món gì vì bao giờ người bán cũng « nói thách » như bên nhà. Và người Ý đã mách cho tôi một « mánh lới » để mua đồ thật rẻ là cứ sáng đợi tiệm mới mở cửa mình vào trả giá « kèn cựa » rồi làm bộ đi ra không mua. Người bán sẽ theo mình cố nài nỉ bán mắc bán rẻ, cốt cho người « khách mở hàng » phải mua một món thì cả ngày mới buôn may bán đắt.*

Đấy! Hôm nay chỉ ghi lại vội vàng vài nhận xét đầu tiên của một du khách lúc mới tới châu thành La-Mã vạn cổ. Về những buổi viếng thăm các dinh thự giáo đường, ngắm xem danh lam thắng cảnh, về những hôm thảo-luận trong hội nghị, những cuộc gặp gỡ chuyện trò, ngoài hành-lang với các nhạc-sư nhạc-sĩ ngoại-quốc, xin hẹn bạn lần sau.

xa xôi,

TRẦN-VĂN-KHÊ

✶ Không có gì còn để lại trong lịch-sử một dấu vết rực-rỡ hơn là số hiếm người tiêu-biểu do nhân-phẩm trong những giai-đoạn mà lịch-sử đầy sự hèn-đốn.

Lacordaire

✶ Mong rằng khi người ta bảo « *phải* », thì tất là phải; bảo « *không* », tất là không.

Kinh Thánh

✶ Nếu bất cứ một kẻ nào chứng-minh cho tôi thấy tôi làm quấy, tôi sẽ vui lòng sửa chữa, vì tôi tìm Chân-lí.

Marc-Aurèle

✶ *Người nói dối* không những xứng-đáng bị khinh khi, họ còn tạo một cuộc sống khó khăn, rắc rối và nhọc nhằn. Để che đậy lần nói dối trước, họ phải tạo ra những lần nói dối khác, rồi những lần nói dối khác nữa để che đậy những lần này... Càng đi xa, họ càng đi sâu vào sự gian-dối, và họ luôn luôn lo sợ, bồn chồn.

Paul Doumer

Màu, hương, nắng phai rồi
không mượn nữa
Nhịp trả cho đàn, bóng gửi mây

Vào thơ bao năm ngâm khản gió
Tìm đẹp, chỉ quen vay
Hát mãi lời trong sách
Trách tình sao vẫn thấy chưa hay

Thơ chưa hay tại lòng chưa sáng
Lối quanh đầy nghĩ vẩn
Muốn ôm chặt thực, ngại phơi trần
Ý lạnh se vui trùng dây ca
Chiều cao lên thiếu mức
Chút sống nghèo lọc dối chẳng nuôi hoa
Nơi kia phiền uống bụi
Trở lại trời riêng, rỗng chứa vang
Biết lấy chi xây
hòa-hợp khác

Mở khu yên sóng bên ngày tháng
Trải qua các điệu, tới ngang bằng
Ngấn vàng giả, nét cuồng, khuôn đóng sẵn
Đời ráng bông rừng, lụa mộc
Khóm cỗi chờ măng
Xanh-trắng mát của ngây-lành sắp ngó
Khối đương thành mang vết lửa sao băng

Hòa-Âm XV
Đ. T.

Alain Robbe Grillet

người và truyện của hôm nay

THEO Ý ALAIN ROBBE GRILLET

TRÀNG-THIÊN

ĐỨNG đầu hàng ngũ những người chủ trương thứ tiểu thuyết «khô khan» (theo lời Truman Capote), ấy là Alain Robbe-Grillet.

Kể ra «tiểu thuyết mới» không có hẳn một trường phái hẳn hoi, mỗi người một vẻ, không hề có ai tôn ai làm thầy. Tuy thế, dư luận thường xem Robbe-Grillet là tiêu biểu : ông có những tuyên ngôn quan trọng đánh dấu sự ra mắt của quan niệm mới, ông là giám đốc văn học của nhà xuất bản Minuit, nơi qui tụ các tiểu thuyết gia «mới». Ở hội đồng chọn giải Formentor năm nay, gồm những tác giả và phê bình gia quan trọng cả Âu cả Mỹ, người ta đã suýt chọn ông, với ý nghĩa công nhận khuynh hướng «tiểu thuyết mới».

Ngay sau quyển tiểu thuyết đầu tay ra đời (quyển Les Gommes), Alain Robbe-Grillet đã tuyên bố ngay cái chủ trương kỳ khôi, không tiền của mình :

Trong sách tôi, sự việc diễn ra ở ngoài vòng tâm lý, cái này vốn là công cụ quen thuộc của các tiểu thuyết gia. (1)

Quả vậy, xưa nay khen chê tiểu thuyết, người ta hay chú ý tới chỗ tâm lý nhân vật đúng hay sai, sâu hay cạn, tinh tế hay thô sơ... Tới đây thì rồi đời tâm lý ! Robbe Grillet loại nó ra, không đèm xỉa tới nó nữa.

Và quan niệm văn nghệ ấy xuất từ một quan niệm triết học :

... Cuộc đời không có ý nghĩa mà cũng không phi-lý. Nó có đó, thế thôi.

(1) Phỏng vấn của Jean Carlier trên báo *Chiến Đấu* (*Combat*) số ra ngày 6-4-1953.

Dì sao, chính đó là chỗ quan trọng nhất. Vì thình lình sự thực hiển nhiên ấy xúc động ta với một sức mãnh liệt làm ta đành thức thủ. Đùng một cái, tất cả công trình xây dựng đẹp đẽ bị sụp đổ : đột nhiên mở mắt ra, chúng ta lại bị đụng chạm mạnh vào cái thực tại ương ngạnh ấy, cái thực tại mà chúng ta từng làm như là đã giải quyết xong... (2)

Cuộc đời đã được nhận định như vậy, thực tại đã xuất hiện dưới mắt ông như vậy, thì trong tiểu thuyết ông không thể trình bày nó như lối người ta vẫn trình bày xưa nay, nghĩa là gán cho nó ý nghĩa này ý nghĩa nọ. Thay vì đưa ra một thế giới có ý nghĩa (hoặc tâm lý, hoặc xã hội v. v...), ông trình bày một thế giới trong đó mọi vật, mọi cử chỉ *có mặt đó*, chỉ *có mặt* đó mà thôi, vượt lên trên mọi giải thích.

... Trong vũ trụ tiểu thuyết tương lai, cử chỉ và đồ vật chúng nó sẽ « có đó » trước khi nó là « cái gì » ; và rồi chúng nó sẽ cứ có đó mãi, cứng ngắt, bất biến, chúng nó sẽ có mặt mãi mãi và bất chấp ý nghĩa của mình, cái ý nghĩa này uổng công tìm cách hạ chúng nó xuống vai trò những đồ dùng nhất thời, giữa một dĩ vãng không thành hình dạng và một tương lai chưa được xác định. (2)

Đó là đồ vật, còn nhân vật thì sao ?

... Còn các nhân vật tiểu thuyết, thì chính họ sẽ có thể có nhiều cách giải thích ; họ sẽ có thể được bình giải theo đủ mọi lối, tâm lý, thần kinh bệnh lý, tôn giáo hay chính trị, tùy theo sự quan tâm của mỗi người. Nhưng chẳng bao lâu người ta sẽ nhận thấy rằng các nhân vật tiểu thuyết ấy rất thờ ơ đối với những ý nghĩa phong phú được gán cho như thế. Trong khi nhân vật truyền thống (3) luôn luôn bị các lối « giải thích » của tác giả lũng đoạn, xúi dục, phá hoại, không ngớt bị ném vào một « đâu đó » vô hình và bất ổn, mãi mãi xa xôi, mãi mãi mờ mịt, thì trái lại, nhân vật tương lai sẽ cứ ở « đó ». (2)

Người và vật trong quan niệm tiểu thuyết của ông xuất hiện một cách khác hẳn xưa nay : tác giả không được mang tình ý của mình mà gán vào. Như vậy sẽ không có những lối nói : nắng *chói chang*, gió *rên rỉ*, chiều *tê tái sầu* v. v... Nói nắng chói chang là đã chú ý tới cái tác động của nó đối với người, là lấy người mà xét nắng, chứ tự nắng đâu có ý nghĩa, trước tiên nó chỉ là « có đó », thế thôi. Còn nói chi tới sự *rên rỉ, tê tái sầu* nữa !

Nói gió rên rỉ, người ta không chịu ngừng lại ở những điều có thể trông thấy được về gió, người ta có tham vọng hiểu nó, đi vào cốt tủy tạng phủ nó, đối chiếu, so sánh nó với tiếng kêu rên của chính mình, giải thích nó bằng loại suy.

Tiểu thuyết mới không chấp nhận những lối nói như vậy, thế thì nó cần có một ngôn ngữ mới chăng ? Đúng thế :

---

(2) *Một con đường cho tiểu thuyết tương lai*, đăng trên tạp chí *N. R. F.* số tháng 7-1956.

(3) Tức nhân vật của tiểu thuyết viết theo truyền thống cũ (chú thích của dịch giả).

... Vậy thì tất cả ngôn ngữ văn chương phải thay đổi, nó đã thay đổi. Chúng ta nhận thấy càng ngày những kẻ có ý thức càng ghét cái ngôn ngữ có tính cách tạng phủ, loại suy, phù chú. Trong khi ấy thì thứ ngôn ngữ của thị giác, mô tả, thứ ngôn ngữ biết dừng lại ở sự trắc lượng kích thước, qui định vị trí, chỉ định giới hạn, xác định đặc tính, thứ ngôn ngữ đó chắc chắn sẽ hướng đến con đường khó khăn của một nghệ thuật tiểu thuyết mới mẻ. (2)

∴

Những lời lẽ trên đây, Alain Robbe-Grillet đăng báo hồi 1956. Rồi ông tiếp tục xuất bản « tiểu thuyết mới ». Giới phê bình thi nhau nhận định, Dần dà, người ta đi tới một dư luận gồm mấy điểm chính yếu này :

— Phái « tiểu thuyết mới » đang đặt các nguyên tắc cho tiểu thuyết tương lai ;

— Phái « tiểu thuyết mới » không dùng lối mô tả người và vật như cũ, không dùng ngôn ngữ cũ v. v... Vậy tức là họ hoàn toàn phủ nhận dĩ vãng văn học, vứt bỏ hết những cái cũ ;

— Phái « tiểu thuyết mới » đã trục xuất nhân vật ra khỏi tác-phẩm, đã tẩy chay tâm lý, thế thì đích thị là họ đuổi con người ra khỏi thế giới của họ rồi, (nói cách khác, thế giới của họ vắng bóng con người rồi) ;

— Phái « tiểu thuyết mới » dùng một lối mô tả tỉ mỉ mà chỉ trình bày cái bề ngoài của sự vật, như đo như đạc, như chụp bóng..., mà không hề đi sâu vào ý nghĩa của cử chỉ, của sự việc nào hết (trong tác phẩm của A. Robbe-Grillet, người ta thấy những đoạn kê khai cặn kẽ từng cái chân rít, kích thước của từng khung cửa, bức tường v. v...) ; thế thì phái này nhằm tiến tới một thái độ khách quan tuyệt đối rồi ;

— Phái « tiểu thuyết mới » viết hiểm hóc, khó khăn, chắc là họ không đếm xỉa tới quần chúng đông đảo mà chỉ nhắm vào một thiểu số trong hạng sành sỏi thôi.

Tháng 9 năm 1961, trên tờ *Ba-lê tạp chí (La revue de Paris)*, trong một bài báo nhan đề là *Tiểu thuyết mới, người mới*, Robbe-Grillet nêu lên đủ năm điểm dư luận đó, rồi ông bảo :

... Cứ mỗi lần hoặc dư luận công chúng hoặc một nhà phê bình chuyên môn nào đó phản ảnh và tiếp dưỡng thêm sự phát triển của phong trào tiểu thuyết mới mà gán cho chúng tôi một dụng ý, mỗi lần như thế ta có thể chắc chắn không sợ sai lầm mấy rằng dụng ý thực của chúng tôi là trái ngược hẳn lại.

Để chứng minh sự trái ngược đó, Robbe-Grillet trả lời cái thành kiến kia từng điểm một.

1.— Trước hết phái « tiểu thuyết mới » không hề đưa sẵn một cơ sở lý luận, hoạch định các nguyên tắc. Nó đang đi tìm kiếm lý thuyết, nguyên tắc.

Vậy nó không đặt ra luật lệ nào hết. Do đó mà ở đây không hề có một trường phái văn học theo nghĩa hợp của danh từ. Chúng tôi là những kẻ đầu tiên biết rằng giữa tác phẩm của chúng tôi — của

Nathalie Sarrante, của Claude Simon và của tôi, chẳng hạn — có nhiều khác biệt lớn lao, và chúng tôi nghĩ rằng như thế rất tốt. Nếu chúng tôi đều viết giống như nhau thì có lợi gì mà cả ba đều viết?

Nhưng những điều dị biệt ấy chẳng phải vẫn có trong bất cứ « trường phái » nào đó sao? Cái điểm gặp nhau giữa các cá nhân, trong mỗi phong trào văn học của lịch sử chúng ta, trước hết là cái ý chí thoát khỏi một tình trạng ngạnh kết, là sự cần thiết một cái gì khác.

Bao giờ cũng vậy, nghệ sĩ mà tập hợp nhau lại có vì lẽ gì khác đâu, nếu chẳng phải vì cái ý phản đối những hình thức lỗi thời mà người ta cứ tìm cách ép họ dùng? Các hình thức phát sinh ra rồi lại mai một đi, trong mọi lãnh vực của Nghệ thuật, và ở thời nào cũng thế, phải luôn luôn cải biến nó: hình thức xây dựng tiểu thuyết kiểu thế-kỷ XIX, nó là cái sinh động trước đây trăm năm, ngày nay nó chỉ còn là một công thức rỗng tuếch, chỉ dùng làm những trò nhại đi nhại lại nhạt phèo.

Vì thế, không hề có ý đặt ra qui tắc, lý thuyết, luật lệ, bất cứ hoặc cho kẻ khác hoặc cho chính mình, chúng tôi trái lại, đã gặp nhau trong cuộc chiến đấu chống lại những luật lệ cứng ngắt. Trước đây đã có, và hiện đang còn có, đặc biệt là ở nước Pháp, một lý thuyết về tiểu thuyết được mọi người hay hầu hết mọi người mặc nhiên thừa nhận, và đem ra đặt chắn như một bức tường trước tác phẩm của chúng tôi. Người ta bảo: « Các anh không xây dựng được nhân vật, vậy cái các anh viết không phải là tiểu thuyết chân chính », « các anh không kể một câu chuyện, vậy thì không phải các anh viết tiểu thuyết chân chính », « các anh không đi sâu vào một tính tình, một hoàn cảnh, các anh không phân tích các tình cảm say mê, vậy thì các anh không viết tiểu thuyết chân chính », v.v..

Nhưng còn chúng tôi mà người ta vẫn buộc oan cho là những lý thuyết gia, thì trái lại chính chúng tôi không biết một quyển tiểu thuyết, quyển tiểu thuyết chân chính nó phải ra sao; chúng tôi chỉ biết rằng thứ tiểu thuyết hôm nay nó sẽ là cái mà chúng tôi đang làm, hôm nay đây, và biết rằng chúng tôi không cần phải tìm cách làm giống hình thức hôm qua của nó, mà chúng tôi phải tiến xa hơn.

2.— Thứ đến « tiểu thuyết mới » không hề đoạn tuyệt với dĩ vãng. Nó tiếp tục một cuộc tiến hóa liên tục không ngừng. Robbe-Grillet nói rằng từ thế kỷ XIX tới nay, tiểu thuyết vẫn luôn luôn biến đổi. Trận đánh nhau ở Waterloo do Stendhal kể lại khác hẳn trận đánh theo lối kể của Balzac. Rồi từ Flaubert, Dostoïewski, Proust đến Kafka, Joyce, Faulkner. Beckett... tiểu thuyết tiến luôn. Những nhà « tiểu thuyết mới » chỉ có tham vọng tiếp tục sự tiến hóa đó. « *Không phải là làm hơn trước, điều đó không có nghĩa gì cả, nhưng là chúng tôi kể tục họ, hôm nay, vào cái giờ lúc của chúng tôi* ».

Ông bảo rằng trong khoảng hai mươi năm nay, sự tiến hóa càng nhanh chóng, không phải riêng trong phạm vi nghệ thuật, mà bất cứ ở địa hạt nào. Nếu người độc giả thỉnh thoảng có cảm thấy khó chịu, lạc lối trong « tiểu

thuyết mới» đó chẳng qua cũng như họ vẫn rất có thể ngẩn ngơ trước những biến đổi không ngờ ở ngoài đời vậy thôi.

3.— Về điểm « tiểu thuyết mới » có người hay không có người, ông nói :

Vì trong tác phẩm chúng tôi không có « nhân vật » theo cái nghĩa truyền thống của nó, cho nên người ta kết luận khá vội vàng rằng không hề gặp thấy con người trong ấy. Thế là không hiểu kỹ. Trong những tác phẩm ấy, con người có mặt ở bất cứ trang nào, hàng nào, chữ nào. Mặc dù là trong đó có nhiều vật thể (objet), mô tả tỉ mỉ, nhưng luôn luôn và trước hết phải có cái nhìn để trông thấy các vật thể ấy, có tư tưởng để kiểm lại chúng, có tình cảm để biến dạng chúng đi chứ. Vật thể trong tiểu thuyết chúng tôi không bao giờ có mặt ngoài tri giác của con người, hoặc có thực hoặc tưởng tượng; đó là những đối tượng có thể ví với các đối tượng trong cuộc đời hàng ngày của chúng ta, đúng như chúng vẫn làm bận trí ta bất cứ lúc nào.

Và, nếu người ta hiểu chữ objet là đối tượng theo nghĩa rộng (đối tượng, theo tự điển : tất cả những gì xúc cảm đến các giác quan) thì trong tác phẩm chúng tôi chỉ toàn có đối tượng, đó cũng là lẽ thường vậy : trong cuộc sống của tôi thì đó chính là đồ đạc trong phòng tôi ở, là những tiếng nói mà tai tôi nghe, hay là người đàn bà mà tôi yêu, một cử chỉ của người đàn bà ấy, v. v... hiểu theo một nghĩa rộng hơn (đối tượng, vẫn theo tự điển : tất cả những gì mà trí đang nghĩ tới), thì kỷ niệm (do nó tôi trở về những đối tượng quá khứ), dự định (do nó tôi tiến tới những đối tượng tương lai : nếu tôi định đi tắm, thì trong trí tôi đã thấy ngay biển và bãi cát) cùng là các hình thức tưởng tượng khác đều là đối tượng cả.

Còn những thứ mà người ta gọi rõ ràng hơn là đồ vật ấy, thì trong tiểu thuyết bao giờ lại chẳng có. Hãy nghĩ tới Balzac xem ! Nhà cửa, đồ đạc, áo quần, trang sức, vật dụng, máy móc, tất cả đều được mô tả cẩn thận không có tác phẩm tân thời nào sánh bằng. Nếu những đồ vật ấy mà có được tính chất « người » hơn đồ vật trong tác phẩm chúng tôi, như người ta vẫn nói, thì đó chẳng qua là vì hoàn cảnh của con người trong thế giới ngày nay không còn giống như cách đây trăm năm trước đó thôi. Chớ tuyệt nhiên không phải vì cách mô tả của chúng tôi quá vô tình, khách quan, bởi chính nó không phải thế.

4.— Bây giờ đến thái độ khách quan.

Theo Alain Robbe Grillet, nếu nói tác phẩm của ông khách quan, theo cái nghĩa là vô tình, lạnh lùng, trung lập, thì đó là một sự phi lý.

Trong các tiểu thuyết của tôi chẳng hạn, chẳng những là một người đã mô tả mọi vật, mà là một người ít vô tình, ít trung lập nhất : một người luôn luôn lâm vào một mối say mê tha thiết nhất đến nỗi khiến cái nhìn của hắn thường bị sai lệch và khiến cho hắn có những lối tưởng tượng gần như mê sảng.

Robbe-Grillet quả quyết rằng đáng lẽ phải nói Balzac khách quan hơn

ông mới phải. Bởi vì đọc tiểu thuyết của Balzac người ta có cảm tưởng tác giả ở mọi nơi cùng một lúc, tác giả trông thấy bề mặt bề trái, bề trong bề ngoài của mọi sự mọi vật, tác giả biết cả dĩ vãng hiện tại và tương lai. Được như vậy họa chăng chỉ có Thượng-đế.

Chỉ có Thượng đế là có thể tự xưng khách quan. Còn trong tác phẩm chúng tôi thì trái lại, chính là một con người *đã trông, đã cảm thấy, đã tưởng tượng, một con người ở trong không gian và thời gian, đầy những tình cảm say mê, một người như các bạn và tôi. Và tác phẩm chẳng mang lại điều gì khác hơn là kinh nghiệm của nó, một kinh nghiệm có giới hạn, không lấy gì làm chắc chắn. Sau cùng đó là một con người, ở đây, một con người của lúc này, đang tự mình kể chuyện.*

5.— Rốt cuộc, về chỗ quan tâm đến quần chúng độc giả hay không, Robbe-Grillet tin rằng độc giả có rất thể hiểu mình không khó khăn gì, miễn là có thiện chí và nhất là họ chịu bỏ những thành kiến lỗi thời từ nửa thế kỷ rồi. Chẳng hạn, tại sao lại đòi hỏi sự việc trong truyện phải diễn ra đúng theo thứ tự thời gian máy móc của chiếc đồng hồ trong khi sự việc hiện đến trong ký ức con người không hề đếm xỉa tới thứ tự ấy ? Tại sao cứ thắc mắc hỏi nhân vật trong tiểu thuyết nọ tên gì trong khi ở ngoài đời hàng ngày ta vẫn tiếp xúc với nhiều người mà không hề biết tên biết tuổi ?

Hãy cứ rũ bỏ thành kiến, đi thẳng vào « tiểu thuyết mới », hồn nhiên và đầy thiện chí, lúc ấy ai cũng có thể hiểu được nó.

Nhưng có thực vậy chăng ? Ta đã thấy Truman Capote ngờ vực điều đó lắm. Vừa rồi, trong số báo *Figaro Văn học* ra ngày 15 tháng 9 năm 1962, Pierre Mazars có đăng mấy câu giải thích thêm của Robbe-Grillet về chỗ đó. Ông không chịu rằng mình bất cần công chúng.

Văn sĩ nào lại không đoái hoài tới công chúng ? Văn sĩ muốn tiếp xúc với một công chúng. Họ in sách chẳng phải là vì lẽ đó sao ? Hy vọng lớn lao của họ là mong cho cái công chúng ấy càng đông đảo càng tốt.

Nhưng như vậy không phải muốn bảo rằng văn sĩ viết ra là tùy thuộc vào cái công chúng mà họ ước mong đông đảo nhất. Nếu tác phẩm mà mới mẻ, rủi thay, nó lại hướng về một công chúng chưa có. Nếu tác phẩm ấy có giá trị nào đó thì nó sẽ dần dần gây ra cái công chúng của mình. Ngay lúc viết, tiểu thuyết gia cần phải biết rằng mình không có sẵn một công chúng rộng rãi đâu.

...Mỗi tác phẩm là một lời gọi kêu về một công chúng tương lai :

Lại hỏi một cách cụ thể về những bằng chứng tỏ rằng «tiểu thuyết mới» quả có dần dà tạo ra một quần chúng cho mình, Robbe-Grillet trả lời.

— Bằng chứng rất dễ, và nếu ông cho phép nói về tôi, thì tác phẩm đầu tay của tôi : quyển Les Gommes *đã xuất bản trong loại sách bỏ túi* (Le livre de poche) *và đã được in ở Đức và Mỹ đến hăm lăm nghìn cuốn rồi.* Les Gommes

in ở nhà xuất bản Minuit *mười lăm nghìn cuốn. Cũng cuốn đó lại do* Hiệp hội sách Pháp *in mười nghìn cuốn, và do* Guilde de Lausanne *in mười nghìn cuốn nữa. Còn cuốn truyện phim* Năm vừa qua ở Marienbad *thì đã in gần hai chục nghìn cuốn.*

Có điều khó biết trong những con số chục ngàn đó có chừng bao nhiêu kẻ tò mò và bao nhiêu người thực sự thưởng thức tác phẩm. Bởi vì con số những kẻ tò mò thường lên chóng mà xuống cũng chóng.

⁂

Cuối cùng hẳn là chúng ta còn một điều thắc mắc nữa : người chủ trương trường phái văn học mới nhất này quan niệm sứ mệnh văn nghệ của mình ra sao ?

Người ấy trả lời :

Muốn dùng tiểu thuyết để phụng sự một mục phiêu chính trị là không hợp lẽ, dù là một mục phiêu mà chúng ta cho là đúng đắn, dù trong đời sống chính trị ta đang chiến đấu cho nó thành công. Hoạt động chính trị luôn luôn bắt buộc ta phải coi như là có những ý nghĩa chắc chắn : ý nghĩa lịch sử, ý nghĩa đạo lý. Nghệ thuật thì khiêm tốn hơn — hay là tham lam hơn : đối với nó, không có gì là chắc chắn trước cả.

Trước khi có tác phẩm, không có gì cả, không có một xác tín nào, không có luận đề, không có điệp văn nào cả. Tưởng rằng tiểu thuyết gia có « cái gì cần phải nói », rồi sau đó họ mới tìm cách nói thế nào, ấy là điều sai lầm nặng nề nhất. Bởi vì chính cái « thế nào » ấy, cái cách nói ấy làm ra dự định sáng tác của họ, dự định mơ hồ trong mọi cái mơ hồ, và rồi sau này nó sẽ thành ra cái nội dung lờ mờ của tác phẩm. Thế nhưng có lẽ, rốt cuộc, chính cái nội dung lờ mờ của một dự định hình thức mơ hồ đó lại sẽ giúp ích đắc lực hơn cả cho mục phiêu tự do.... Nhưng biết đến bao giờ ? (4).

TRÀNG THIÊN

(4) *Tiểu thuyết mới, người mới* trên *Ba-Lê tạp chí* (*La revue de Paris*) số tháng 9 năm 1961.

Bà CHI - LÊ
(con cụ Lê-Chí-Thuần)

TRỊ BỊNH THEO

KHOA CHÂM CỨU

(SUYỄN, NHỨC ĐẦU KINH NIÊN, ĐAU THẬN, NHỨC MỎI, MÁU HUYẾT...)

6/28, DUY - TÂN

SÀI - GÒN — TÂN - ĐỊNH

t h ơ

Người khách nhỏ

Hãy vào đây, em ơi, người khách nhỏ
Tôi âm-thầm nằm bệnh suốt mùa đông
Chín mươi ngày con chim trời nhớ gió
Từng khuya vơi theo lệ nến tuôn giòng.

Em vào đây hé giùm tôi cánh cửa
Chiều ngưng mưa, đêm chắc có trăng mờ
Tôi còn yếu, nhưng em đừng rót sữa.
Lại bên giường ngâm khẽ một bài thơ.

Và em hát lên, em reo, em nghịch
Tôi nằm nhìn giây lát sẽ lây vui.
Sách nhiều lắm, nếu quyển nào em thích
Tôi cho em để được ngắm em cười.

Tôi muốn đạp tung bốn bề vách xám
Nhớ, chao ơi, từng dáng núi, hình sông!
Buồn đã dứt một mùa đông ảm-đạm
Nhoài mình ra kịp đón nắng xuân hồng.

Em đừng bỏ tôi, hỡi người khách nhỏ
Nụ cười em rạng-rỡ những chiều mưa
Em đứng đó, tôi tưởng mình đứng đó
Vì ngỡ mình gặp lại tuổi thơ xưa.

T. L.

★

Kim-yến

I

Thôi về giũ áo phong sương
Bàn tay tắm gội bụi đường ký-sinh
Tuổi thơ chảo lũ tâm tình
Dưới chân ẩm-mốc trên mình rong rêu

II

Xin em xõa tóc che lều
Cho anh trải rộng cỏ-liêu giữa trời
Xin em làm giọt nắng rơi
Cho anh sưởi ấm cuộc đời phù-vân

III

Nỗi trôi vào kiếp phong trần
Cái tâm ngờ-nghệch cái thân dại khờ
Ghì em chạy trốn bơ-vơ
Sóng vây đảo nhỏ vỗ bờ thâu đêm

IV

Thôi về úp mặt áo em
Khóc như con trẻ khát thèm thương yêu
Còn đây bọt nước thủy-triều
Với khoang thuyền trống và nhiều cô-đơn

H. L.

Bãi biển chiều

Xám tê đá, lối về ơn ớn lạnh
Bóng trơ đài lạt lẽo gắn cành khô
Nâu sẫm ấy, chút linh hồn mỏng mảnh
Ngày xa xưa đất lạnh góp trên mồ

oOo

Trắng rợn buốt, sương pha ngoài sóng nước
Buồm căng tròn u-uất nắng hoàng hôn
Vàng đau đớn cựa mình trên cát ướt
Bãi cồn phơi thành xác chết chưa chôn

oOo

Cây héo tóc, gục đầu buồn mặc tưởng
Thu muộn màng rắc gió nhẹ muôn nơi
Vừa tỉnh giấc, thủy triều vừa thấp xuống
Muôn sao mờ ném ánh lửa ma trơi

oOo

Mây lẽo đẽo, bước dò trong ẻm ả
Sắc khói thu trống rỗng đón trăng mờ
Núi cô độc, tưởng linh hồn buốt giá
Thấm chậm vào trong góc kín giấc mơ

oOo

Khép lại cả ! từng bức tranh nham nhở
Chút niềm vui tê-điếng giữa hoang liêu
Mà bóng tối tưởng chừng như ngạt thở
Len vào sâu đáy thẳm buổi trăng chiều.

H. T. A.

☆

hoàng khanh

Con đường

Trên con đường lát nhớ thương
Từng năm tháng đã chán chường xót xa
Với xe hàng cũ đi qua
Với làn bụi đỏ, mình ta trở về

Mưa ngàn

Mưa rơi trắng xóa tràng giang
Núi cao ngạt thở, rừng hoang lạnh lùng
Bầy chim rũ cánh phiêu bồng
Suối cao đổ nhạc oai hùng ngàn thiêng
Gió gầm trời ngả mây nghiêng
Sàn cao đón chớp dại điên giật mình
Bỗng đâu lại bỏ kinh thành
Lên đây mới thấy tâm tình hoang sơ
Trời còn nổi trận gió mưa
Rừng xanh lạnh buốt, núi bơ vơ buồn
Khát khao ánh lửa cho hồn
Bắc loa tay gọi vào buôn vội vàng
Tiếng kêu lạc lõng trên ngàn
Hãi hùng bỗng tưởng ma hoang trả lời.

H. K.

Cuộc Triển-lãm Mỹ-thuật quốc-tế lần thứ nhất tại Saigon

THÁI-TUẤN

TRONG lúc bộ môn Hội-họa ở Việt-Nam đang phát triển thì công việc tổ chức một cuộc triển lãm mỹ thuật quốc tế thật là hợp thời và hữu ích. Vả chăng đây cũng là một dịp để giới yêu tranh được biết đến các họa phẩm của các nước bạn và có thể so sánh với các họa phẩm của Việt-Nam. Về phía các nghệ sĩ Việt-Nam thì đây là một cuộc họp mặt về nghệ thuật để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau và cũng là cơ hội để kiểm điểm lại mức tiến bộ của mình.

Bước chân vào phòng triển lãm, trước hết người thưởng ngoạn trông thấy một số tranh bày ở căn phòng tiếp tân. Trong đó có họa phẩm của ông Lê-Văn-Đệ giám đốc trường Mỹ-thuật Sài-Gòn, của nhà kiến trúc Ngô-Viết-Thụ, giải thưởng La-Mã hạng nhất về kiến trúc, nhà điêu khắc Nguyễn-Văn-Thể, giải thưởng La-Mã hạng nhì, về nặn tượng, ông Thanh-Lễ, giám đốc hãng sơn mài và đồ tiểu công nghệ Thanh-Lễ, Họa sĩ Nguyễn-Văn-Phương, Nguyễn-Chí-Minh, v. v... Ngoài ra các họa sĩ Việt-Nam ở ngoại quốc có họa sĩ Võ. Lăng, Lê-Phổ.

Bức tranh lụa của họa sĩ Lê-Văn-Đệ, cho người ta thấy một kỹ thuật chín chắn và ông luôn luôn trung thành với đường lối riêng của ông đã theo đuổi từ lâu năm Nhà kiến trúc Ngô-Viết-Thụ có hai bức ; tranh của ông nói lên được những hình thức mới về nghệ thuật duy đường nét và bố cục vẫn bị ảnh hưởng nhiều ở kiến trúc nên đã trở thành khô khan ; tranh của nhà điêu khắc Nguyễn-Văn-Thể có những nét mềm mại, uyển chuyển, tỏ ra ông ưa thích cảnh vật thiên nhiên, người thưởng ngoạn trung bình có thể rất ưa tranh của ông. Song đối với giới

hội họa thì tranh ông không đưa lại được sự gì mới mẻ cả về hình thức lẫn tinh thần. Lối vẽ đó rất thịnh hành ở thời kỳ ấn tượng vào thế kỷ 18.

Bức sơn mài của ông Thanh-Lễ, treo ở đây rất lạc lõng, có lẽ nên dành cho những cuộc triển lãm riêng về đồ tiểu công nghệ. Họa sĩ Nguyễn-Văn-Phương, Chí-Minh mỗi người có một bức mà giới thưởng ngoạn đã quá quen thuộc ở các phòng triển lãm. Tranh của họa sĩ Võ-Lăng có hai bức, cả hai đều có một kỹ thuật đáng chú ý, nhất là bức tranh nhỏ, lối nhìn rất táo bạo, thể chất của sơn đẹp duy đường nét rất yếu. Họa sĩ Lê-Phổ, vẫn trung thành và nhẫn nại với mong muốn đưa vẻ đẹp của tranh lụa vào địa hạt sơn dầu. Tranh của ông cho thấy rõ, ông rất nhiều kinh nghiệm về cách pha màu, về bố cục: đó là những bức tranh đẹp, chỉnh, nhưng chỉ có thể làm thỏa mãn phần thị giác. Ngoài ra ở phòng này còn có một bức tranh rất lớn mà giới yêu nghệ thuật rất chú ý. Đó là bức họa trừu tượng của họa sĩ J. Halpern. Bố cục và hình thể rất vững vàng song màu sắc đã tạo ra một không khí nặng nề, ngột ngạt bởi thể chất sơn dầu của họa sĩ còn quá nghèo nàn, nhất là ở những khoảng có những màu vàng chói.

Phòng tranh được ban Giám khảo quốc gia tuyển lựa, cũng là nơi mà giới nghệ thuật chú ý hơn cả. Tổng cộng có 17 tác phẩm của 17 họa sĩ. Và một công trình điêu khắc của Lê-Ngọc-Huệ.

Nhìn chung số tranh này, tranh sơn dầu có 9 bức. Lương-Văn-Tỷ có bức số 344 nhan đề là « Ba nhơn » bức họa này nặng nề về bố cục, đường nét thì ngần ngừ lưỡng lự, màu sắc chẳng có một công dụng nhất định nên trở thành nghèo nàn.

Bức tranh số 347 của Nguyễn-Hữu-Phước hình thể, đường nét và bố cục rất táo bạo; nhưng rất tiếc màu sắc còn nghèo và nhất là về chất sơn đã làm hỏng hết toàn thể bức họa.

Bức 350 của Vị Ý nhan đề « Xứ không màu », bức tranh này có những góc cạnh phá đổ toàn thể bố cục, những đường chéo góc cắt nát bức họa ra từng mảnh, gây nên sự khó chịu cho người xem và làm cho bức tranh trở nên rời rã, sộc sệch. Về màu sắc họa sĩ chưa biết tiết chế đến mức cần thiết mà phung phí quá độ; Nguyễn-Tăng với bức số 352 có một ý thức mới về hình thể; cũng những đường nét và hình thể ấy; nếu họa sĩ xử dụng màu sắc và thể chất sơn một cách vững hơn, thì bức họa có lẽ sẽ thành công.

Bức tranh « Nhà thờ » số 352 của Đinh-Cường là một bức tranh lưỡng lự giữa xu hướng thể hiện và trừu tượng. Về bố cục đường nét của bức họa rất được, song màu sắc và thể chất sơn rất yếu. Bức số 354 của Lâm-Huỳnh-Long, màu sắc và thể chất sơn rất quý. Họa-sĩ rất có nhiều triển vọng trong đường lối này. Ngoài ra, bức số (351) của Nguyễn-Văn-Liễu là bức họa đạt nhất trong gian phòng này. Màu sắc, ánh sáng bố cục cùng hình

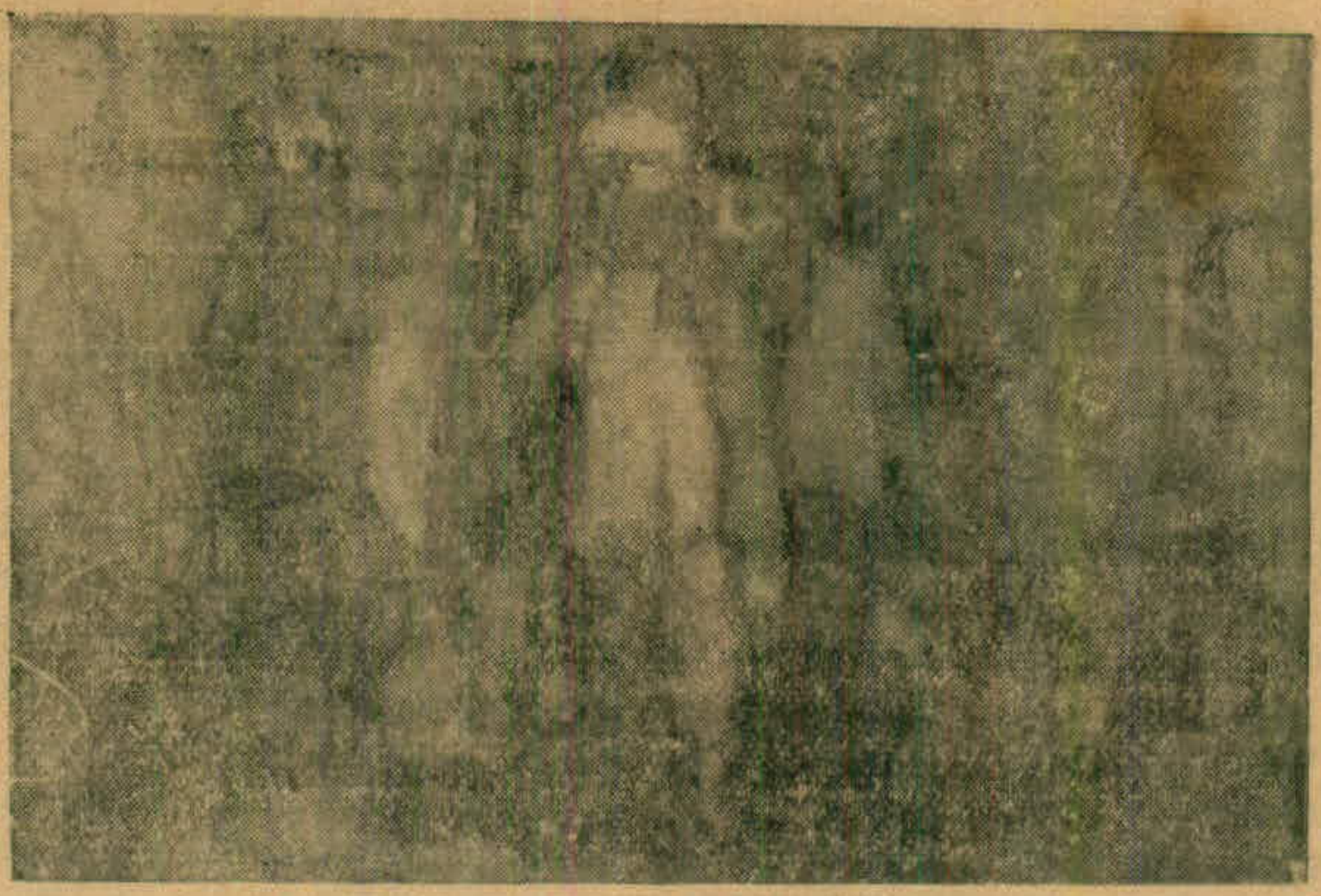

Mùa thu tuổi nhỏ — tranh sơn dầu của Nguyễn-Văn-Liễu

thể và đường nét đã hòa hợp nhau cùng cực. Ở đây, kỹ thuật và nghệ thuật chỉ còn là một. Qua tác phẩm này, họa sĩ có nhiều triển vọng ở tương lai. Số tranh còn lại là những bức sơn mài thiếu kinh nghiệm nghề nghiệp, và một số tranh lụa gò gẫm.

chặt chẽ để tạo nên một sự thuần nhất vững vàng cho bút pháp. Hơn thế nữa, tất cả ưu điểm về kỹ thuật ấy đã tạo ra một không khí mờ ảo, ẩn hiện hợp với đề tài và tinh thần nội dung. Những khuôn mặt, những dáng điệu của các nhân vật trong bức « Mùa Thu tuổi nhỏ » đã thoáng hiện ra với người thưởng ngoạn, như một kỷ niệm, một ám ảnh quen thuộc và thường trực. Có những vừng trán sáng chói nổi lên và cũng có những khuôn mặt, những hình vóc mờ biến vào nền vải như những di tích hóa thạch. Các nhân vật mà họa sĩ thả vào trong cái không khí ác mộng chỉ còn là bóng hình của niềm vô tư ngây dại đang ủ ấp cho nhau. Trong cái khung cảnh ảo não ấy thỉnh thoảng điểm một vài ánh màu chói lọi càng tăng thêm sự bi thảm đến

Tất cả những bức tranh ở gian này quá chênh lệch nhau.

Trong số các họa sĩ ngoại quốc và Việt-Nam được ban tổ chức mời tham dự, người ta phải chú ý tới họa sĩ Vĩnh-Tư với bức tranh « tĩnh vật » số 424. Bức họa này màu sắc rất đẹp, những trái cây và đồ vật trong bức tranh dưới nét bút phóng túng của họa sĩ đã trở nên linh động ; một điều đáng tiếc là chiếc ngăn kéo bàn quá nặng nề đã làm giảm vẻ đẹp và hỏng cả bố cục. Bức tranh số 410 vẽ một thiếu nữ Việt-Nam của họa sĩ Kormendi nằm

Tranh sơn dầu của Nguyễn-Tăng (Phú phàng)

trên vách một cách vô cùng lạc lõng và trơ trẽn. Đó là một bức vẽ của những bài học vẽ đầu tiên về người. Bức tranh số 359 của Michel Piclin là một bức sơn dầu rất non nớt, có thể là một thí nghiệm của một người thích vẽ mà không muốn biết kỹ thuật là gì ; dù là những luật lệ tối thiểu và sơ đẳng về họa.

Sang đến các gian phòng trưng bày tranh ngoại quốc. Người yêu tranh chú ý nhiều nhất tới những bức tranh sơn dầu của xứ Á-Căn-Đình. Bức tranh số 181 bis của họa sĩ Carlos Alonso vẽ về chân dung đã đạt tới một độ tuyệt kỹ về nghệ thuật tạo hình, đường nét của họa sĩ vừa chín chắn vừa bay bướm sự chính xác của hình thể và bố cục được gói ghém tế nhị trong những nét vẽ hết sức phóng túng và tự nhiên. Nói một cách khác kỹ thuật của bức họa này không chọc vào mắt người xem, họa sĩ sáng tác chứ không đem kỹ thuật xuống ra phô trương. Bức tranh trừu tượng số 186 và 186 bis của họa sĩ Victor Chab, là 2 tác phẩm hội họa biệt tác.

Nếu xét về kỹ-thuật ; thì hai bức họa đó có một bố cục hết sức táo bạo mà vững chắc. Đó là một trường hợp ít thấy ; bởi vì ít có họa sĩ dám dùng tới một bình diện vuông, một khuôn khổ vuông để sáng tác. Việc bố cục trong một hình vuông là một trường hợp « khó khăn » ; phải nhiều kinh nghiệm và nắm vững kỹ-thuật mới làm nổi. Về mặt hình khối và màu sắc, họa sĩ đã tiết chế đến mức cần thiết tối thiểu, nhưng không vì vậy mà bức họa trở nên nghèo nàn ; trái lại màu sắc và hình khối trong bức họa đã trở nên quý giá bởi sự gạn lọc đúng mức. Tất cả về đơn giản và thuần nhất về màu sắc và đường nét là một chủ trương, một đường lối mà họa sĩ sử dụng để mong khám phá được bản thể của sự vật thiên nhiên.

Lối vẽ trừu tượng của Victor Chab là một đường lối độc đáo, bút pháp của ông tách biệt và nổi lên rõ ràng giữa hàng trăm bức họa trừu tượng khác treo trong phòng triển lãm. Trường hợp của ông là một trường hợp mà các nhà chuyên môn phê bình về trừu tượng sẽ phải nghiên cứu và tìm hiểu. Xét toàn thể gian phòng Á-Căn-Đình, các họa sĩ khác có một hiểu biết, và những kinh nghiệm thấu đáo về nghề nghiệp. So với các gian phòng khác. Hội họa của xứ Á-Căn-Đình đứng vào loại hàng đầu.

Gian phòng của Pháp quốc cũng là gian phòng được giới yêu hội họa để ý hơn cả. Bởi vì Pháp Quốc đã nổi tiếng là kinh đô của Nghệ thuật và

đã có nhiều ảnh hưởng đến nền hội họa ở đây.

Gian phòng này có tất cả chín họa phẩm toàn là sơn dầu và vẽ trên khổ lớn. Phần nhiều đó là những họa sĩ có tên tuổi trong giới hội họa ở Pháp một đôi lần, người ta đã từng thấy tranh của họ qua những tạp chí nghệ thuật như tờ «Prisme», «L' œil». Nhìn chung tất cả các họa phẩm ở gian này, người ta nhận thấy một điểm rõ rệt : sự thận trọng và già dặn về kỹ thuật.

Bức tranh số 250 của họa sĩ Legueult Raymond nhan đề là « La chambre ensoleillée » khuôn khổ, 89 x 116 cm, là một họa phẩm tiêu biểu nhất cho hội họa Pháp. Với một sắc độ rất nhẹ nhàng họa sĩ đã diễn tả những làn ánh sáng tràn ánh sáng tràn ngập bao trùm gian phòng. Thoạt nhìn người xem bị hoa mắt vì những sắc độ gần đồng đều, nên chưa phân biệt rõ được hình thể và mầu sắc. Nhưng, ngắm lâu thêm và lùi xa ra đôi chút, tất cả hình thể, màu sắc sẽ hiện lên rõ rệt, những ánh nắng chan hòa, những màu sắc dịu dàng tạo nên một không khí vui tươi của căn phòng trong buổi bình minh.

Bức tranh số 252 của họa sĩ Planson André nhan đề là « Saint Paul de Vence » cũng là một tác phẩm ca tụng cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Nhưng với một bút pháp khác, họa sĩ chú trọng vào những đường nét nhịp nhàng của cảnh vật ; những đường nét bay bướm, uyển chuyển làm cho cảnh vật trở nên vô cùng linh động. Nếu bức tranh của Legueult là một « vũ khúc của ánh sáng » thì họa phẩm của Planson là một « vũ điệu của đường nét ». Ngoài ra còn bức số 251 của Oudot Roland, bức số 248 của Chapelain-Midy-Roger là hai bức họa vững vàng về kỹ thuật, nhưng khô khan đến độ lạnh lùng, và bởi quá uốn nắn trong vòng luật tắc nên mất hết vẻ phóng túng người xem chỉ còn nhận thấy có một thứ duy nhất, là kỹ thuật.

Bức tranh số 246 của Aujame Jean (Aubusson) nhan đề là « La chevelure couronnée » với một xu hướng tiến bộ hơn đã tạo ra một lối nhìn tương đối mới. Màu sắc và thể chất sơn ở bức họa này đã cùng với những đường nét tạo ra một hòa hợp duyên dáng, trang trọng.

Nhưng lối nhìn và quan niệm về hội họa tiến bộ hơn cả phải kể tới bức tranh số 249 của họa sĩ Humblot Robert nhan đề là « Les Mantes ». Họa sĩ chỉ dùng đề tài sự vật như một cái cớ để thể hiện một ý niệm về cái đẹp. Chất sơn, đường nét màu sắc được sử dụng không phải để ca tụng vẻ đẹp của thiên nhiên, sự vật, nhưng họa sĩ dùng tất cả như là phương tiện để chính những yếu tố đó ca tụng lẫn nhau.

Nhìn chung phòng tranh này, trừ bức số 249. Tất cả các họa phẩm khác tuy có nhiều bức sáng tác gần đây, nhưng vẫn đóng khung và đứng lại ở thời của những đại Bonnard những Vlaminck. Những tác phẩm ấy có giá trị nghệ thuật của nó, song chẳng

đem lại cho chúng ta sự gì mới mẻ; những xu hướng, những khám phá của hội họa Pháp hiện đại. Đó là một điều đáng tiếc.

Phòng tranh của Úc-Đại-Lợi với bức 133 của họa sĩ John Brack rất nghèo nàn về màu sắc, còn về hình thể thì lối vẽ ấy không phù hợp với tranh sơn dầu mà chỉ có thể dùng để minh họa hay dùng trong lối tranh hoạt họa.

Charles Blackman có hai bức tranh lớn, bức số 131 nhan đề « Passing in the street » khá hơn bức kia, nhưng rất nặng nề về bố cục và gò bó về hình thể.

Tuy nhiên, phòng tranh này còn có bức số 139 của họa sĩ Thomas Gleghorn là đạt hơn cả, tranh ông với xu hướng trừu tượng rất chín chắn về bố cục cũng như màu sắc. Hơn nữa thể chất sơn rất đẹp.

Gian phòng của Đức Quốc có bức tranh số 31 của họa sĩ Emil Schumacher vẽ theo lối trừu tượng. Bức họa này là bức khá nhất trong gian phòng Đức Quốc. Kỹ thuật về bố cục và đường nét rất vững chãi, thể chất sơn rất lạ. Người xem nhận thấy rõ họa sĩ chỉ chú trọng vào thể chất sơn hơn cả. Lối trừu tượng này ngả về xu hướng « vãn thạch ».

Hoa-Kỳ và Anh-Quốc, chỉ gởi tới trưng bày một số mộc bản và ấn bản khắc trên kim khí.

Riêng Hoa-Kỳ có bức 41 của Léonard Edmondson đường nét mạnh mẽ.

Bức số 46 của Hank Heuler lối chạm chìm rất xuất sắc và bức số 55 của George Miyasaki với cách bố cục và màu sắc đơn giản phóng túng. Bức số 68 cũng là một bức mộn bản có những màu sắc đơn giản nhưng quý.

Anh-Cát-Lợi, với bức số 267 của Richard Beer theo lối chân phương, nhưng rất đạt. Bức 272 của Dennis Hawkins màu sắc thật hòa hợp và bố cục táo bạo với một ý thức mới về mộc bản.

Sang phía các nước Á đông. Ấn-Độ có hai họa phẩm đáng chú ý; bức thứ nhất của Baburao Sadwelkar số 288 vẽ theo lối trừu tượng. Bức họa này toàn thể rất đẹp nhất là về màu sắc. Họa sĩ đã tạo một nền đỏ đậm nhưng rất tươi trên đó kết hợp nhịp nhàng những đường nét đen sẫm mạnh mẽ như những nét phá của bút mực tàu. Bức 289 của Paritosk Sen ảnh hưởng lối vẽ của hối đầu lập thể. Song họa sĩ đã có những nét bút già dặn để tạo nên những hình thể rất tân kỳ. Về màu sắc cũng như đường nét; những màu đằm xuống một cách chín chắn và chắc. Bức 290, màu và chất sơn rất đẹp, tuy nhiên gần với lối trang trí về ngành thảm.

Thái-Lan tuy số tranh rất ít, nhưng có hai bức khá độc đáo bức số 218, và 219 cùng của một tác giả, lối vẽ rất mới về hình thức với một vẻ đẹp nhẹ nhàng nhưng thiếu phần sâu sắc.

⁂

Nhìn chung lại phòng tranh, có một điều rõ ràng nhất là: nếu đem so sánh số tranh của Việt-Nam trưng

bày tại đây, người ta sẽ nhận thấy rất kém về kỹ thuật và thiếu nhiều kinh nghiệm so với các nước khác nhất là loại tranh lụa vẽ theo lối nhà trường đã bỏ mất những vẻ đẹp khả ái của loại tranh lụa cổ. Kỹ thuật vẽ tranh lụa cổ, cốt nhất ở sự phóng túng, bay bướm của nét bút và chú trọng vào sự tập trung tinh thần để thông cảm với cảnh vật ; cũng bởi vậy mà những họa sĩ Trung-Hoa trước kia vẫn đặt nét bút thẳng trên mặt lụa không cần phác họa trước và không cần phải đứng trước vật mẫu. Trái lại lối tranh lụa nhà trường hiện nay, nét bút rất gò gẫm, tỉ mỉ mất hết vẻ phóng túng bay bướm. Những nét bút chỉ còn là những nét vẽ cẩn thận tô lại những nét phác họa sẵn. Hơn nữa những đề tài chỉ quanh quẩn ở nếp áo và mái tóc phụ nữ, nên dễ đưa đến sự nhàm chán. Nguyên tắc căn bản của lối tranh lụa Trung-Hoa về đường nét là : mềm mại nhưng mạnh mẽ. Nét hút ở loại tranh lụa ngày nay chỉ là : mềm yếu non dại, ngập ngừng và thiếu sinh lực.

Về loại tranh sơn dầu chúng ta cũng cần phải thận trọng về phương diện kỹ thuật. Nếu không nắm vững được mặt khoa học (science) của hội họa, thì không thể nào đạt tới mặt nghệ thuật. Những tác phẩm bất hủ và những bậc thày bao giờ cũng gồm đủ hai phần đó.

THÁI-TUẤN

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIEM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nghánh : *PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO*

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Một sự « *quật mồ* » lí thú ?

Một cuộc « *phiêu lưu* » lạ kì ?

Một « *thái độ* » của kẻ cầm gươm thời đất nước chia đôi ?

Một « *nợ thơ* » mà nửa thế kỉ qua, một hồn thơ mới trả được ?

Bạn sẽ rõ sự thật khi, trước đèn, bạn lần dở :

TRUYỆN SONG-TINH

một diễn ca của đầu thế kỉ XVIII.

Thể thơ lục bát, dài 2.216 câu, nguyên văn chữ Nôm của tướng *Nguyễn-Hữu-Hào,* theo bản phiên âm quấc ngữ của *Hữu-Lân-thị, Đông-Hồ* khảo cứu và sao lục, *Bốn-Phương* ấn hành.

BẠN MÊ THƠ ? BẠN MẾN HỌA ? BẠN THÍCH TRUYỆN XƯA ?

THÌ MỜI BẠN GHÉ

hiệu sách KHAI-TRÍ

62, Lê-Lợi, Sàigòn (Đ. T. S.G. 116, 23.789)

nơi gặp gỡ của tao nhơn mặc khách Thủ-đô

Đây : *Tây-Du-ký, Việt-điện u linh, Lĩnh-Nam chích quái,* dịch rất cẩn trọng.

Đây : *Tìm hiểu Hội-họa,* soạn rất công phu.

Và đây : *Thơ Tuệ-Mai, Thư-Sinh* và *Trương-Chi* tiếng lòng của cô Tuệ-Mai Trần-Gia và cô Minh-Đức Hoài-Trinh, người sống trong nước, người lang thang hải ngoại, nhưng đều là những người thơ chân-thành và tha-thiết cả hai.

Truyện ngắn LÊ-TẤT-ĐIỀU

Sinh đôi

HAI Bừng hấp tấp dắt chiếc xe đạp vào nhà. Trên tay lái xe lủng lẳng chiếc gà-mên bằng nhôm, trống rỗng. Hai đứa trẻ bu lại quanh xe, đứa lớn gỡ chiếc gà-mên, đứa nhỏ nghếch lên, bấm chuông kêu kính coong.

Bà cụ từ trong bếp chạy ra:

— Sao? Trai hay gái?

Hai Bừng gác chân phải lên khung xe, tay trái căng gấu quần, tay phải búng cho hết những vết bùn nhỏ lấm tấm. Anh không quay lại, giọng mệt mỏi, chán nản:

— Nó sanh đôi. Hai đứa là gái hết.

— Hai đứa?

— Hai.

Bà cụ buông xuôi cánh tay đang cầm đôi đũa, tay trái dơ lên quệt mồ hôi, mắt vẫn không rời nhìn Hai Bừng. Thằng bé con sau khi bấm chuông đang sửa soạn leo lên khung xe. Hai Bừng lầm lỳ cầm chiếc yên xe lắc mạnh một cái làm thằng bé hoảng hồn, luống cuống tìm cách tuột xuống cho nhanh:

— Đừng phá. Xuống.

Bà cụ hỏi:

— Bao giờ đón nó về?

— Sớm mai. Ở trên đó không có sung sướng gì. Hai người một giường nằm chật thấy mồ. Nó lại mắc hai đứa, đêm đâu có ngủ được.

— Ờ phải, đón nó về rồi tao bồng cho một đứa. Tổ bà chúng nó, chúng lộn vô nhà nghèo làm gì những hai đứa lận.

Bà quay lại nói với hai đứa cháu nhỏ:

— Mai tụi bay được coi hai đứa em tụi bay rồi đó.

Miệng bà cụ hơi nhếch lên, nhưng đôi mắt thì cười hẳn hoi, làm hằn những vệt nhăn ở đuôi mắt. Bà cụ quay vào bếp, hai đứa trẻ chạy theo líu tíu hỏi thăm về hai nhân-vật mới sắp sửa xuất hiện trong nhà. Hai Bừng cởi chiếc áo cánh trắng mỏng, treo lên chiếc đinh đóng ở vách ván, rồi với lấy chiếc áo ka-ki dầy, rộng như một chiếc áo mưa khoác vào mình. Anh thay chiếc quần dài bằng một chiếc quần cụt, rồi hấp tấp xuống bếp, vừa đi vừa nói:

— Má bới cơm cho tôi đi. Lát má đưa trả anh Năm cái xe máy cho tôi. Má nhớ nói cái thằng sau đứt từ trước, không phải tôi mới làm đứt.

Vừa kéo ghế ngồi xuống cửa bếp, Hai Bừng vừa lầm bầm phê-bình cái xe đạp tồi tàn của anh Năm, trán anh cau lại cho đến khi bà cụ bới xong cơm đưa cho anh.

Chị Hai đi nằm chỗ nên bà cụ phải thay chị giữ việc bếp nước. Bà cụ làm bếp không dở nhưng luộm thuộm và bẩn. Khắp trạn ăn chỗ nào hình như cũng có dây nước mắm, có cơm gạo vãi Những bát ăn của mấy đứa trẻ rửa không kịp vì bà cụ cho chúng ăn luôn mồm, để nằm lung tung rên nóc trạn ruồi bâu đen kịt.

Trên nền đất, ngay cạnh chân Hai Bừng có đến năm sáu cái đầu tôm rang vàng đang được một lũ kiến vừa đen vừa đỏ xúm xít khiêng đi. Một vài con đi lang thang, lạc ra khỏi đàn chui vào kẽ hai ngón chân anh. Chỉ một lát sau, hai Bừng phải rẫy chân khó chịu. Anh dáng mạnh bàn chân lên mấy chiếc đầu tôm có những cái râu nhỏ cứng. Lũ kiến chạy toán loạn Nét mặt Hai Bừng đang bình thản trong lúc nhai cơm chợt lại trở nên cau có.

Ăn xong, Hai Bừng đẩy chiếc xích lô, ra sân sau. Trời mưa làm cho cả khoảng sân này ngập nước. Rêu xanh và đen nổi lều phều. Nước màu vàng đục phản chiếu bầu trời xanh nên khó phân biệt chỗ nào nông chỗ nào sâu. Ngang khoảng sân ngập nước ấy Hai Bừng có để những khúc cây, những viên gạch vỡ làm một con đường giao thông từ bếp ra cầu tiêu. Nhưng vì thiếu vật liệu nên con đường này không được dài trọn vẹn. Ở quãng cuối cùng những viên gạch bị đặt rời rạc đến nỗi người lớn muốn vào cầu tiêu cũng phải nhoài người bám vào một thân cây chuối to, lá xanh tốt. Nhờ điểm tựa này người ta mới có thể truyền sang một viên gạch khác mà ít sợ bị hụt cẳng hơn. Trong những đêm trăng sáng, nước yên lặng, khi rón rén đi trên những viên gạch đặt ngang quãng sân ngập nước này, mấy đứa trẻ thường có cảm giác rờn rợn là đang đi trong một không gian vô tận hình tròn, trên đầu chúng là trời, dưới chân chúng cũng là trời, chỉ xẩy chân là chúng có thể bị rơi vào một chiều sâu không có đáy. Trong cái chuồng lợn bỏ trống ở cạnh cầu tiêu có nhiều cóc, nhái, ễnh ương, những con vật này thường gây những tiếng động khiến hai đứa trẻ con anh Bừng hoảng sợ. Mỗi lần cần ra cầu tiêu chúng thường ngừng lại ở giữa đường và có khi làm liều luôn ra sân. Nhiều khi rêu xanh che dấu những vết tích của sự bừa bãi ấy.

Hai Bừng đẩy chiếc xích lô xuống một chỗ nước có vẻ trong trẻo nhất. Cái sân ngập nước đối với Hai Bừng cũng trở nên có ích đôi chút. Nệm xe dầy, trắng tinh được tháo ra. Hai Bừng nghiêng một bên xe, quay tít cái vành, nước rào rạt bắn tung tóe, bùn rơi lả tả. Chỉ một loáng, cái vành xe đầy bùn đã trở nên sạch sẽ, trơ lớp mạ sáng loáng. Hai đứa trẻ ngừng nhai cơm, nhìn chăm chú những tia nước tung lên. Bao giờ ba chúng rửa xe chúng cũng chịu khó đứng xem từ đầu cho tới cuối. Đôi khi chúng cũng được Hai Bừng cho dự phần vào công việc quay tít cái bánh xe.

Bà cụ lúi húi sửa soạn căn phòng nhỏ, sát bếp. Những miếng vải màn rách, vải nhựa răn rúm cộng với một chiếc chiếu nhỏ được bà cụ căng lên thành một cái màn che gió. Căn phòng tối om lại, đôi mắt bà cụ lại sáng lên, những vết nhăn đuôi mắt luôn luôn biểu hiệu một nụ cười. Bà cụ lầm bầm :

— Mấy bữa trời mưa dột rồi làm sao đây...

Hai Bừng đẩy xe ra cổng, bà cụ nói với theo :

— Nhớ mua cho chúng mấy hộp sữa bò. Nuôi một lúc hai đứa đâu được. Người chớ có phải heo đâu mà chịu nổi.

Hai Bừng không trả lời, bà cụ nghe loáng thoáng tiếng con nói với người hàng xóm :

— Chị Hai sanh chưa ?

— Rồi.

— Trai hay gái ?

— Hai đứa gái.

— Trời đất ! sanh đôi hả. Số dách ta.

— Số dách mẹ gì, nghèo sát đất...

***

Sáng hôm sau, Hai Bừng đạp xe đi đón vợ về. Chiếc xe che vải nhựa kín như gặp ngày mưa chậm chạp đi vào ngõ. Vài người đàn bà đi chợ cất tiếng hỏi thăm, Hai Bừng đều nhếch mép trả lời thay cho vợ.

Bà cụ và lũ trẻ ra tận cổng đón. Hai đứa trẻ định vạch miếng vải che ra để nhìn ngay trong lúc xe đang chạy khiến anh Bừng phải quát to chúng mới chịu quay ra cổng lưng đẩy vào chiếc chắn bùn phía sau.

Bà cụ vừa đón lấy hai đứa trẻ mới sinh, vừa lẩm bẩm .

— Nào coi... nào coi... tổ mẹ tụi bây chớ nhà tao nghèo mà lộn vô làm chi những hai đứa lận.

Chị Hai Bừng chậm chạp xuống xe, mỉm cười ngượng nghịu. Da chị xanh mướt, chân bước như còn chưa vững. Cái khăn quấn quanh đầu to quá khiến khuôn mặt chị nhỏ hẳn lại, gầy guộc một cách thảm hại. Hai đứa con lớn thấy chị đổi khác quá thì đâm ngán, chúng túm lấy những bàn chân đỏ hồng, bé tí teo của hai đứa trẻ sơ sinh, luôn miệng phê bình :

— Ngộ quá ha.

Bà cụ trao lại cho chị Bừng một đứa khi chị bắt đầu bước vào nhà, và hỏi :

— Con nào là chị, con nào là em.

— Má bế con chị đó.

Đứa bé cựa quậy trong tay bà cụ, đôi mắt nó vẫn nhắm nghiền :

— Tao coi hình như chị nhỏ hơn em.

Vào đến giường, chị Bừng buông màn và lom khom phát những con muỗi còn đậu ở những góc màn. Hai đứa bé được đặt nằm song song với nhau, trong lúc ngủ chúng càng có vẻ giống nhau, cái mũi, cặp mắt chúng hình như cùng một kích thước. Hai đứa con lớn của anh Bừng cũng leo tót lên giường ngồi xổm ngắm nghía chúng. Chị Bừng mỉm cười hỏi :

— Tụi bây coi đứa nào ngộ ?

Thằng anh phân vân chưa kịp trả lời thì thằng em đã láu táu chỉ vào một đứa :

— Đứa này ngộ.

Rồi nó lại chỉ luôn đứa kia :

— Đứa này cũng ngộ.

Nói xong nó quay sang thằng anh :

— Bàn tay tụi nó nhỏ xíu, coi kỳ quá ha.

Hai đứa quỳ xuống giường định mon men nắm lấy bàn tay nhỏ xíu đang quờ quạng một cách yếu ớt, người mẹ vội bảo :

— Thôi tụi bây đi chơi cho các em ngủ.

Hai đứa trẻ miễn-cưỡng chui ra khỏi giường, nhưng suốt ngày hôm ấy, mỗi khi nghe tiếng ọ ẹ của hai cô em, chúng lại chạy đến, dí mũi vào màn để ngó qua làn vải mỏng.

Đêm hôm ấy đôi trẻ sinh đôi bắt đầu làm cho cả nhà Hai Bừng hoạt động bằng cái khả năng đòi ăn thiên phú của chúng. Chúng khóc như mèo kêu, gọn gàng, đều đặn nhưng dai dẳng. Hết đứa nọ lại tới đứa kia khóc. Có lúc tiếng khóc của đứa này làm đứa kia tỉnh ngủ. Hai cái miệng nhỏ xíu lắm

úc đã làm cho chị Bừng phải luống cuống. Chị bế đứa này lên ru vài cái, nhấc đứa kia lên kiểm-soát tã lót. Anh Bừng vốn ngủ say muốn đánh thức anh giữa giấc ngủ thì phải lay anh ít nhất là hai lần, thế mà cũng đành chịu thua sự ồn-ào của hai cái miệng nhỏ xíu ấy. Bà cụ mỗi lần bị đánh thức dậy để pha sữa đều lầm bầm than thở to và dai không kém gì hai đứa nhỏ. Lúc gần sáng, khi trở dậy rờ rẫm cái bình thủy bà cụ cau có:

— Hết nước rồi.

Hai đứa nhỏ vẫn thi nhau khóc, chị Bừng bế từng đứa lên cho bú. Bà cụ càu nhàu:

— Con cái gì mà dữ vậy. Phải tụi nó đói không hay tại đái ướt lót rồi la đó?

Bà cụ cầm chiếc đèn dầu chậm chạp xuống bếp. Tiếng hai người đàn bà nói chuyện, tiếng trẻ khóc và tiếng đụng chạm nồi niêu lỉnh kỉnh làm Hai Bừng không sao ngủ lại được. Anh vùng dậy lôi xềnh xệch cái ghế vải ra hiên nằm.

Sáng hôm sau Hai Bừng dậy muộn hơn thường lệ, uể oải đạp xe ra cái quán ở đầu ngõ. Anh chỉ ăn một khúc bánh mì điểm tâm. Không có ly cà-phê hoặc mấy miếng thịt bò kho như mọi lần, anh bấu từng miếng bánh nhỏ và nhai có vẻ khó khăn.

Hàng xóm tới thăm sản-phụ và đôi trẻ, phần nhiều vì muốn xem hai đứa bé giống nhau thế nào. Bà cụ vừa tiếp khách vừa nói về tật khóc đêm của chúng Chị Bừng ngồi dựa vào vách ván. Mỗi lần người ta thưa hỏi đến chị, chị lại lơ mơ ngủ gật.

Thực ra bà cụ không cần quảng cáo, lối xóm cũng sẽ được thưởng thức tiếng khóc của đôi trẻ. Càng ngày chúng càng khóc to hơn. Ban ngày chúng ngủ li bì, ngoan ngoãn, hiền lành. Hai thằng anh có vào rờ chân rờ tay chúng cũng không khóc. Ban đêm thì trái lại, cứ chốc chốc lại có một bứa o oe; nếu không được săn sóc kịp thời nó sẽ khóc to hơn để đánh thức đứa kia dậy giúp sức.

Có đêm, một đứa thình lình thở khò khè như lên cơn sốt. Tiếng khóc của nó cũng yếu đi khiến cả nhà Hai Bừng hốt hoảng. Bà cụ và chị Hai phải thức suốt đêm, mỗi người bế một đứa. Anh Bừng thì ngủ không yên, chốc chốc lại lên tiếng hỏi. Sáng hôm sau, tự nhiên đứa nhỏ trở lại nhịp thở bình thường, ngủ ly bì.

Bây giờ bà cụ sinh tật ngủ ngày: Vào buổi trưa, sau bữa cơm, bà cụ ngủ thẳng một mạch tới chiều. Mở mắt lúc nào bà cụ cằn nhằn lúc ấy.

Nhiều đêm không ngủ được hai Bừng dậy đạp xe đi. Bốn giờ sáng anh mới về, và phải ngủ bù hàng nửa ngày chưa hết mệt.

Một buổi tối, vừa chợp ngủ lại bị tiếng khóc của lũ trẻ đánh thức, Hai Bừng dụi đôi mắt thâm quầng, cay xè lầm bầm:

— Cứ vầy rồi làm sao ngày mai còn sức đi làm chớ.

Bà cụ được dịp nhắc lại một điều mà bà đã đề nghị từ lâu:

— Tao đã nói là phải cho bớt một đứa đi. Nhà nghèo làm sao nuôi hết hai đứa được. Người ta bảo sanh đôi hai đứa gái khó nuôi lắm mà.

Chị Bừng cũng tỏ ra bực bội. Chị để mặc cho hai đứa nằm song song nhắm mắt há mồm khóc vang nhà, và chị quát hai đứa con lớn:

— Cho phứt hai đứa đi cho rảnh. Ăn no rồi còn làm sao? làm sao mà khó dữ vậy nào? Thiệt quá sức. Chắc tao chết với tụi bây quá.

Vẫn giữ vẻ giận dữ, chị Bừng cúi xuống vừa chửi vừa nhẹ nhàng bồng cả hai đứa lên tay.

Hai Bừng thở dài lẩm bẩm :

— Mình nghèo quá đi...

*
* *

Bà cụ đội nón đi buổi sáng, buổi trưa trở về dẫn theo một bà ăn mặc sang trọng. Bà khách cao hơi quá khổ nên có vẻ gầy. Khuôn mặt dài và nhỏ, gò má nhô ra, nước da tái xám khiến những nụ cười của bà ta không lúc nào có vẻ hoàn toàn tươi vui.

Lúc ấy anh Bừng đi làm, đôi trẻ song sinh nằm ngủ. Chị Bừng đang ngồi trong bếp giúp hai đứa con trai lớn đuổi những con kiến độn nhập hộp sữa dùng dở. Lần nào bà cụ pha sữa chị Bừng cũng nhắc bà pha đặc hơn, nhưng sữa vẫn loãng. Thế rồi chỗ sữa còn bà cụ lại để không cẩn-thận, kiến vào đen nghịt. Hộp sữa còn chừng một nửa thì không thể dùng cho những đứa sơ sinh được, chị Bừng phải nậy hẳn cái nắp ra, nhặt những con kiến chết. Sau đó hai đứa con lớn của chị xúm lại tiêu-thụ chỗ sữa hỏng một cách khá nhanh chóng. Gia-đình anh Bừng từ ngày có thêm hai mạng người nào cũng gầy đi trông thấy, chỉ có mấy đứa nhỏ là mập ra.

Mời người khách ngồi xong bà cụ vội chạy xuống bếp :

— Tao kiếm được người muốn nuôi con nhỏ rồi đó. Bà này giàu lắm.

Chị Bừng ngẩn người, cúi nhìn chăm chăm vào hộp sữa đang cầm trong tay. Cho đến khi bà cụ dục chị mới chậm chạp đứng dậy. Hai đứa con trai đón lấy hộp sữa còn lác đác mấy con kiến, chia phiên nhau nhấm nháp, chúng cười với nhau.

Hai người lên giữa lúc bà khách đang loay hoay tìm chỗ để hộp bánh. Căn nhà được chia hai nhờ cái rèm chắp nối, vá viu của bà cụ, phần ngoài chỉ để mấy món đồ lặt vặt. Cái bàn nhỏ đã được di chuyển vào cạnh giường của chị Bừng, trên đó để những dụng cụ pha sữa cho lũ trẻ. Bà khách ngồi trên chiếc ghế đẩu, hộp bánh chưa có chỗ đứng còn nằm trong tay.

Chị Bừng cúi chào bà khách, tay chị phân vân cạy những mảnh vỏ cây gỗ dùng làm cột nhà. Bà cụ nói với khách :

Con mẹ tụi nhỏ đây.

Sự yên lặng của chị Bừng, vẻ mặt lầm lì của chị khiến bà cụ hơi ngạc-nhiên, chính chị đã đồng ý với bà trong việc gọi cho đứa nhỏ. Bà khách tươi cười :

— Trời ơi! chị gầy quá, chắc bị hai đứa nhỏ quấy dữ lắm phải không.

Bà nghiêng người đi một chút nhìn về phía bếp :

— Thế còn mấy cháu lớn đâu cả rồi?

Bà cụ vội gọi tên hai đứa bé. Chị Bừng lẳng lặng quay vào leo lên giường. Có tiếng cặp trẻ sinh đôi o oe khóc; tiếng chị Bừng ru nhè nhẹ. Bà khách trao hộp bánh cho đứa con trai lớn nhất và chạy đến trước tiên :

— Đây quà của bác đây. Có hai cậu thôi phải không. Nhờ chia cho đều nghe.

Băng giấy bóng đỏ chói quấn quanh hộp bánh khiến đôi mắt thằng bé sáng lên.

Bà cụ kể lể .

— Thằng Hai đi mần từ sáng sớm. Hồi này nó ốm quá, coi tội nghiệp hết sức. Hồi chưa sanh con vợ nó đi bán sôi cũng kiếm được chút đỉnh.

Bà cụ chỉ những gồng gánh thúng mẹt, xếp ở một góc nhà :

— Mấy thứ kia giờ bỏ đó. Cứ coi hai đứa nhỏ cũng đủ mệt.

— Vâng, hai đứa chúng thi nhau quấy khóc thì đến khổ, không còn làm ăn gì được hết. Cứ nuôi một đứa cũng bận rồi.

Tiếng khóc ngặt nghẽo của một đứa từ trong giường vọng ra khiến hai người cùng yên lặng. Bà khách mỉm cười, nụ cười làm cho khuôn mặt bà ta có vẻ cân đối hơn :

— Chà, nhỏ người mà tiếng lớn quá.

Bà cụ thở dài :

— Ăn thua gì. Mấy đêm rồi tụi nó la mới dữ chớ. Tôi thức sáng đêm không sao ngủ nổi. Nghe tụi nó khóc thiệt ngán hết sức. Thằng Bừng không dám ngủ trong nhà, con vợ nó thì phải ngồi bế hai đứa, suốt đêm như vậy đó.

Đột nhiên chị Bừng quát :

— Giờ mà còn khóc còn la nữa..

Tiếng chi nghèn nghẹn như tiếng của một người trong cơn tức giận cực độ. Bà cụ và bà khách cùng đứng lên vào đứng cạnh giường chị. Bà khách vạch màn ngắm nghía cái miệng tí xíu của đứa bé đang khóc. Bà ngồi ghé xuống giường :

— Ông trời thật cũng oái oăm quá. Tôi không giàu có nhưng cũng đủ ăn đủ tiêu, mong mãi một mụn con thì chẳng được. Tôi với cụ nhà đây cũng là chỗ quen biết, thấy cụ nói có một lúc những hai cháu nhỏ mà lại nuôi nấng chật vật quá nên tôi muốn, trước là bớt một gánh nặng hộ chị, sau là tôi cũng có được đứa con cho thêm vui cửa vui nhà. Nói thật với chị, tôi thương tụi trẻ nhỏ hết sức, mà ông trời ổng ấy bắt tội hiếm hoi thì phải chịu vậy... Thôi thì, cũng là cách mình giúp đỡ an ủi nhau.

Đôi mắt chị Bừng đỏ hoe, chị nhìn mấy quả bóng màu xanh đỏ, cái trống bỏi đặt trên chiếc bàn gỗ. Đó là những đồ chơi anh Bừng đã mua về cho hai đứa con trai trong hai lần sinh nở trước của chị. Đứa đầu lòng đã làm anh vui mừng cuống quýt đến quên cả ăn. Đứa thứ hai chưa biết gì cũng được anh mua cho một đống đồ chơi. Nó mới được nửa tháng anh đã dí con vịt bằng cao su vào mũi nó bóp chim chíp khiến nó phát ho sặc sụa. Chỉ có đôi trẻ này là vào nhà chị mà không được sự đón tiếp nồng-hậu. Hai hôm nay anh Bừng không vạch cửa màn ngó đến chúng nó một lần nào. Chị lầm bầm một ý nghĩ của bà mẹ chồng :

— Tao nghèo quá mà tụi bay đến với tao làm gì...

Bà khách mỉm cười. Hai đứa trẻ đã nằm ngủ, mắt chúng nhắm nghiền, môi nhỏ xíu hơi nhệch xuống. Bà cụ nhìn đôi má bầu bĩnh của chúng :

— Coi tụi nó ngủ dễ thương không chớ. Vậy mà đêm đến là báo cả nhà mất ngủ.

Chị Bừng quay lại chăm chú nhìn hai con :

— Bà ở đâu ạ?

Bà khách trả lời :

— Tôi ở đường Trương-Minh-Giảng, cũng không xa lắm.

Chị Bừng gạt nước mắt :

— Nói thiệt với bà, tui thương tụi nó hết sức.

Bà khách mở cái làn mây lấy ra một miếng trầu nhét vào miệng, Bà xoay người đi một chút, bắt chân chữ ngũ, nhìn mơ hồ về một góc nhà :

— Ai chả thế. Đẻ con ra thì thương con là lẽ tất nhiên. Nhưng khi mình không nuôi nổi nó mà để nó sống dở chết dở thì cũng tội nghiệp cho nó. Để nó sống thiếu thốn nó sẽ bệnh hoạn luôn, đâm ra lại khổ cả mẹ lẫn con. Chị đừng sợ, tôi nuôi nó thì tôi phải cẩn thận chứ không như người ta mà bảo con mình thì quý con người thì thờ ơ đâu.

Chị Bừng yên lặng một lúc rồi lại hỏi :

— Bà ở đường Trương-Minh-Giảng, vào quãng nào ?

Bà khách cau mày rất nhẹ, miệng nhai trầu liên tiếp khiến bà che được sự lúng lúng và khó chịu, bà liếc nhanh người mẹ chồng chị Bừng:

— Tôi ở gần cầu đó.

Cả ba người cùng yên lặng. Miệng bà khách phồng lên, bà đứng dậy tiến ra sau nhà để nhổ cốt trầu. Bà cụ nhân lúc đó ghé tai chị Bừng nói rất nhanh:

— Người ta muốn mình cho là cho luôn. Nếu để mày đến thăm hỏi nó thì khi nó lớn nó sẽ về với mày phí công nuôi nấng của người ta đâu có được. Ai người ta nuôi giùm cho như vậy.

Bà cụ liếc nhìn về phía sau nhà rồi hậm hực:

— Mấy đêm rồi tụi nó làm thật muốn chết. Nhà người ta giầu, người ta sẽ nuôi tử tế, sung sướng gấp mấy lần ở nhà. Đừng có làm khó!

Bà khách đã trở lại. Mặt chị Hai Bừng đanh lại. Hình như chị không nghe thấy câu nói của bà cụ. Vách ván mỏng bị nắng buổi trưa hun nóng làm cho không khí trong giường có vẻ ngột ngạt. Một đứa bé cựa quậy chân tay. Chị Bừng vội nhặt cái quạt nan phe phẩy cho nó.

Bà khách đã trở lại, vẻ vội vàng:

— Không biết mấy giờ rồi?

Bà cụ ngơ ngác không biết trả lời thế nào. Chị Bừng quen lệ ngó lên mặt bàn để tìm cái đồng hồ báo thức mà anh Bừng đã bán đi để mua sữa cho con. Chị lại cúi xuống. Bà khách tự trả lời:

— Chắc cũng muộn rồi.

Bà lại ngồi xuống cạnh giường, vẻ miễn cưỡng:

— Thôi thì cũng là chỗ quen biết. Chị nuôi nó hay tôi nuôi nó cũng vậy, mà chị lại đỡ mệt đủ hơi sức mà lo cho đứa kia. Người ta bảo sinh đôi là gái cả thì khó nuôi lắm, phải nhờ người khác nuôi bớt một đứa mới hòng được cả hai.

Bà cụ phụ họa:

— Đúng vậy. Nếu tham lam nuôi cả thì thế nào cũng bỏ mất một đứa.

Chị Bừng bỏ quạt, gạt một giọt nước mắt vừa tràn ra, rón rén cúi xuống định bế một đứa lên. Nhưng chị lại đặt nó xuống ngay, giọng nói của chị nghẹn lại, hình như chị sắp bật khóc to:

— Biết cho đứa nào bây giờ?...

Và chị nói lớn:

— Thà rằng nó chết lại đỡ khổ...

Bà khách lúng túng nhấc cái làn mây lên rồi lại đặt xuống, bà cụ thì mím môi, tay bà run run khi vạch mạnh cái cửa màn:

— Rồi làm sao? Rồi làm sao mà nuôi cả hai đứa đây?

— Má khỏi lo, thây kệ tôi... chết đói thì chết tôi cũng nuôi cả hai đứa.

Chị gục mặt lên hai đầu gối, khóc tấm tức, tay vẫn phe phẩy quạt cho hai đứa nhỏ. Bà cụ quờ quạng, rờ rẫm từng đứa một, đôi tay bà phân vân không biết dừng lại ở đứa nào. Khuôn mặt đầy nét nhăn nheo của bà cụ không có vẻ đau khổ thêm với những nếp nhăn nhó mới ở đôi mắt, ở trán, nhưng nước mắt bà cụ cũng trào ra. Đôi dòng nước như gợn một vết ướt trên đôi má già nua, khô cằn chẳng khác gì đáy một con suối khô cạn từ lâu.

Cuối cùng bà cụ cũng lẫy bẫy bế được đứa bé, ở gần tay bà nhất, lên, lom khom đưa nó ra khỏi giường, chăm chăm nhìn vào mặt nó như muốn biết mình đang bế đứa chị hay đứa em. Chị Bừng có vẻ không thấy bà cụ bế đứa nhỏ, nhưng vừa lúc bà cụ đứng thẳng người, chị quay phắt lại:

— Má để tôi cho nó bú đã.

Bà cụ vừa trao đứa cháu cho con dâu, vừa nựng:

— Ờ, ờ, bú cho no rồi đi chơi, cưng.

Đứa bé bú cho đến lúc môi hé ra hờ hững ngậm vào đầu vú mẹ. Nó có vẻ no nê rồi, chị Bừng thẫn thờ trao nó cho bà cụ. Đột nhiên chị nín khóc và không nói một tiếng nào, Bà khách đứng dậy chào chị Bừng, giọng nói của bà cũng không được tự nhiên :

— . . . Thế nào rồi thỉnh thoảng tôi cũng đem nó lại với chị.

Bà cụ ôm đứa nhỏ ra tới cổng mới trao cho bà khách. Đứa bé cựa mình nhăn mặt nhưng không khóc, đôi chân nhỏ xíu của nó thò ra khỏi lót. Bà cụ loay hoay, một tay kéo chiếc khăn che đầu cho đứa bé, một tay vỗ nhẹ vào chân nó, bà nói như ru nó trong khi nước mắt vẫn trào ra :

— Thôi, đi ở với nhà giàu cho sung sướng nghe con. Đêm hôm ấy bà cụ được nằm yên ổn, không bị dựng dậy pha sữa. Anh Hai Bừng cũng không còn phải kéo cái ghế vải xềnh xệt ra nằm ngủ ở ngoài hè. Đứa trẻ còn lại thỉnh thoảng mới khóc o oe một cách bình thường. Tiếng nó nhỏ bé và yếu ớt không còn làm phiền ai.

Nhưng bà cụ và anh Bừng không tài nào ngủ được vì tiếng khóc của chị Bừng. Chị không khóc to, chỉ ấm ức như tiếng khóc của một người trong cơn tủi hổ, có lúc tiếng chị nhỏ hẳn đi và gần như lẫn vào tiếng côn trùng, ếch nhái rỉ rả than đêm. Thao thức trong thứ âm thanh ảo não ấy, thỉnh thoảng Hai Bừng lại cựa mình và thở dài.

LÊ-TẤT-ĐIỀU

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

Tiêu bạc giả

của *NGUYỄN-MẠNH-CÔN* (1)

CÂU chuyện sau đây đã xảy ra từ đầu tháng giữa năm đến cuối năm 1945.

Năm 1945, chúng ta còn nhớ cả, là một năm rất quan trọng, không những đánh dấu một khúc quanh lịch sử nước ta, mà còn mở đầu cho nhiều sự thay đổi gần như xoay ngược hẳn một cuộc sống của nhiều người. Tác giả mẩu hồi ký này — may mắn hay rủi ro ? — là một trong số người bỏ hẳn cuộc đời cũ để bắt đầu một cuộc đời mới.

Thành thật mà nói, quả không có gì đáng khen đối với một chàng thanh niên chỉ vì kiếm sống mà lọt vào con đường đi của cách mạng. Chàng thanh niên đã không có bất cứ một mảnh bằng nào mà lại có rất nhiều tham vọng, thì tất nhiên phải tìm đến những hoạt động mạo hiểm, với ý nghĩ thiếu thận thọng rằng « được ăn cả, ngã về không !»

Đời sống ở nước ta, kể từ năm 1939, chẳng bao giờ không có sẵn khá nhiều những công việc nguy hiểm cần đến người làm. Quân đội Pháp, rồi quân đội Nhật hình như không lần nào từ chối những phần tử tình nguyện làm mật thám, gián điệp, quân báo, ở các nơi đô thị cũng như ở các vùng đồng ruộng hay núi non.

Năm 1942, người Nhật lại cần đến một thứ tay sai có đôi chút chữ nghĩa, đủ để giải thích vì sao họ đề ra chủ trương thành lập khối Đại Đông Á. Tôi không nhớ câu chuyện đầu đuôi đã xảy ra như thế nào, mà rút cục, tôi không có ai giới thiệu cũng vẫn được tuyển dụng vào một đơn vị chính quy của «Thần-Cộc bộ đội» (2).

Từ bấy giờ, theo gió đưa đi, tôi đã làm nhiều việc có thể tạm gọi là mạo hiểm. Sự mạo hiểm thiếu suy tư cũng chẳng có giá trị gì. Tuy nhiên, cuộc

đời giống như con đường giốc. Tôi đã bắt đầu rồi, thì sau đó cũng không kịp suy nghĩ gì hơn, và tôi cứ đi sâu mãi vào sự liều lĩnh, phóng đãng về nếp sống thường ngày, gian nan về hành động nay ở đây, mai ở đó.

Tôi nhắc đến đoạn đời ba năm 42-45 của tôi là để giải thích vì sao, vào cuối tháng Sáu năm 1945, có người rủ tôi dự cuộc in giấy bạc giả cho một đoàn thể chính trị nọ là tôi nhận lời ngay, không do dự một giây một phút nào.

Một vài sự ngẫu nhiên đã làm cho tôi biết nghề in, một mặt khác lại gây tình quen biết cho tôi đối với gia đình họ Trần ở Hương-Cảng (3), cùng với mấy tên tướng thổ phỉ ở miền biên giới Hải-Ninh, Lạng-Sơn, cho nên tôi được lựa chọn và đối xử một cách tương đối khá. Tôi được tuyên thệ vào đảng ngay hôm nhận lời, và được giao phó ngay nhiệm vụ hợp tác với một nữ đồng chí trong công việc tổ chức một cơ sở in giấy bạc giả.

Đến đây, tôi thiết tưởng cần phải nói ít lời về sự hiểu biết của tôi trong vấn đề bạc giả. Bạc giả, theo tôi biết, đã có từ lâu lắm trên đất nước ta. Năm 1935, 1936 gì đó đã xảy ra vụ họ Đinh ở Hòa-bình phát hành đồng bạc, đồng hào (các) giả, tiền giả nhưng do những luật lệ kỳ khôi về tài chính hồi bấy giờ, lại có nhiều chất bạc hơn tiền thật. Đến năm 1939, có vụ in giấy bạc giả, người chủ động đem giấy bạc phơi trên sân gác một ngôi nhà ở phố Duranton (sau đổi là Ngõ hàng Khoai). Giấy bạc mới in xong có một mặt nên do đó bị phát giác và phải tù.

Bước sang năm 1940, phong trào in giấy bạc bỗng trở nên thịnh hành. Nguyên nhân là loại giấy lụa in bên Pháp không sang được, nhà ngân hàng phải giao cho nhà in Viễn-Đông in đủ các loại giấy 500, 100, xuống đến 20 đồng, 1 đồng. Giấy bạc in trên giấy thường, tuy có «chỉ nước» nhưng vẫn dễ tìm hơn giấy lụa. Kỹ thuật in offset cũng không tinh vi lắm, nên có nhiều tay «tiểu công nghệ» sắm máy riêng, một mình làm tất cả mọi việc, kể cả việc tiêu thụ, mỗi tháng được chừng vài nghìn đồng (vàng bấy giờ giá 600 đồng một lạng ta).

Sự xuất hiện của giấy bạc giả cố nhiên không qua được mắt bọn công an Pháp, Nhật. Chúng nó lùng bắt (một ông già bị bắt lúc đang in đã bị hiến binh Nhật chém chết vì toan chạy trốn), nhưng không xuể. Vả lại, chúng nhận định thấy số tiền lưu hành không lớn lắm nên cũng không tận tụy hết khả năng với nhà ngân hàng Đông-Dương.

Nhưng đó là nói về số ít. Vào trường hợp số tiền giả tăng lên gấp trăm, gấp nghìn lần, mà, hơn nữa, số tiền đúng để mua võ khí cho một đoàn thể cách mạng, chúng tôi chắc chắn bọn hiến binh hay An-bộ-đội (An-ninh Quân-đội, chuyên trách về chính trị «bản xứ») sẽ không tha thứ cho chúng tôi, kể cả tôi dù sao cũng có công đối với khối Đại-Đông-Á của chúng cho đến ngày bị đuổi vào tháng Ba, đầu năm.

In và lưu hành giấy bạc giả, đối với tôi lúc bấy giờ, chỉ có phần nguy hiểm về phía người Nhật. Người Nhật tàn ác với tù nhân của họ gấp trăm lần người Pháp, nhưng sở công an của họ lại kém sở Mật thám của Pháp gấp trăm lần.

Sở Mật thám của Pháp về sau được giao trả cho chính quyền Việt-Nam. Một luồng gió mới bắt đầu thổi khắp trong nước, tôi tưởng tượng như nếu cơ sở của chúng tôi có bị anh em chỉ điểm người Việt vô tình tìm thấy, thì sau khi chúng tôi tự giới thiệu, họ chắc sẽ chấn bỏ qua cho chúng tôi. Điều may mắn nhất là sự tưởng tượng rất chủ quan của tôi không bị va chạm với thực tế lần nào. Tôi nhờ thế, vẫn giữ được nhiều thiện cảm cho các cơ quan công an, cảnh sát do người mình phụ trách.

***

Trở lại công việc in giấy bạc giả... Trong thâm tâm tôi, tôi quan niệm về công việc này một cách rất giản dị. Làm giấy bạc giả là trái luật, là làm hại đến nền tài chính trong tay Nhật, nhưng đồng thời cũng gây xáo động cho nền kinh tế của xã hội, tức là của đồng bào. Sự kiện in và lưu hành tiền giả, mặc dù xảy ra dưới một chế độ ngoại thuộc, vẫn có phần đáng tội. Nhưng tôi cho rằng tội đáng rất nhẹ, mà mục đích cao quý và có lợi cho dân tộc, nên sự kiện ấy, trong thời kỳ Nhật thuộc, không những đáng được tha thứ mà còn đáng được cảm phục, khen ngợi, vì dù sao cũng có phần hy sinh: nếu bọn *Yasubutai* bắt được chúng tôi, chắc hẳn chúng tôi mười phần khó có được một phần sống.

Con đường lý luận rành mạch cho phép chúng tôi yên tâm phóng thẳng tới đích. Nhờ nữ đồng chí của chúng tôi có sắc đẹp, có tài ăn nói bạt thiệp và thứ nhất là có tinh thần hy sinh bản thân, chúng tôi thu thập được các phương tiện kỹ-thuật một cách nhanh chóng. Viên kỹ sư L. ở nhà in Viễn-Đông gần như trở thành một thứ chuyên viên giúp chúng tôi công việc ấn loát. Hắn say mê chị P.L. của chúng tôi đến nỗi giá chúng tôi có đòi mượn máy của nhà in Viễn-Đông mà in, có lẽ hắn cũng tìm cách làm cho kỳ được.

Mọi sự dễ dàng. Trong mấy ngày đầu tháng Chín chúng tôi đã in được 3 nghìn tờ giấy bạc giả, loại 100 đồng. Số tiền 300 ngàn đồng này đem lên biên giới đổi được hơn 200 ngàn, mua được 15 khẩu súng trường của Nhật (rất dễ bắn) mỗi khẩu có đủ 150 viên đạn, 15 khẩu súng lục kiểu «Colt-quay» bắn đạn 8 ly dài, và sau hết 100 quả lựu đạn «chầy» của quân đội Trung-Hoa.

Một phần lớn số võ khí này được gửi lại ở biên giới. Nhưng theo chỉ thị của Trung-ương, Ủy viên thường vụ Thành bộ được phép giữ mỗi người một khẩu súng lục để tùy thân. Khẩu súng đẹp lạ lùng. Tôi ở trong quân đội Nhật, có nhiều lần được mang súng Mauser, Browning hay Chiêu-hòa, nhưng thật quả tôi chưa thấy có khẩu súng nào đẹp như khẩu Colt quay bắn

đạn 8 ly dài. Khẩu súng đẹp từ cái nhãn hiệu « con ngựa bay » bằng loài kim trắng, nét đúc thật tinh vi, cho đến mấu đen rất « khôn » của má súng, mấu xanh thép mát rượi cả ruột gan của nòng súng. Tôi yêu khẩu súng, suốt đêm không ngủ, nắm ngắm nghía nó trong tay mà cười một mình. Đến tôi, đã được bắn tập khá nhiều, còn mê mẩn như thế vì khẩu súng, thì còn nói gì các nhân viên khác trong ban thường vụ !

Hậu quả gián tiếp, nhưng rất chóng vánh, của việc phát súng cho chúng tôi là toàn thể ban thường vụ quyết định không « bán » giấy bạc in ra nữa, mà đem số bạc ấy giao cho mỗi người một ít để tiêu thụ và thu đủ cả trăm phần trăm số tiền về cho đoàn thể mua thật nhiều võ khí.

Tôi còn nhớ tôi đã nhiệt liệt tán thành đề nghị này của đồng chí ủy viên quân sự của chúng tôi. Tôi cũng nhớ chị T.L. rất sáng suốt, đã báo tôi rằng tiêu thụ giấy bạc giả ở Hà-Nội rất nguy hiểm vì dễ bị lộ, còn đem về vùng quê tiêu chắc dễ hơn, nhưng vừa được ít, lại vừa gây nhiều xúc động không có lợi.

Tôi ngu dại, nông nổi, không nghe lời chị T.L., viện lẽ về phương diện kỹ thuật, tờ giấy bạc của chúng tôi, nếu không bị tay ướt miết lên hình vẽ, có thể nói cả nghìn người không có một người biết là giấy giả. Như thế, sự lưu hành không có nguy hiểm gì cho chúng tôi. Còn về phần tiếng tăm đồn đại bất lợi cho cách mạng, tôi giải quyết bằng cách thắng bộ quân phục Nhật-Bản vào mỗi khi dự định « chi dùng » một số tiền lớn. Tôi lý luận một cách hê hả rằng « bắn một pháp được hai con chim », thì tội gì mà không đổ cho « các anh lùn » cái tội lũng đoạn nền tài chánh của... nước bạn Việt-Nam ?

Quyết định trên đây của chúng tôi được thi hành vào cuối tháng Mười. Chúng tôi có cả thảy sáu nghìn tờ giấy roo giả, giống hệt những tờ giấy thật.

⁂

Sáu nghìn tờ giấy bạc giả chia cho năm thường vụ ủy viên, mỗi người lĩnh một nghìn hai trăm tờ, tính thành tiền một trăm hai mươi nghìn đồng. Số tiền rất lớn đối với chúng tôi là những người không buôn bán và cũng không quen biết nhiều chủ nhân hiệu buôn quan trọng (lúc bây giờ các xí nghiệp lớn còn ở trong tay người ngoại quốc).

Chính vì số tiền lớn quá, đa số anh em chúng tôi lại vụng về và nóng nẩy, nên thẩm thoát chừng nửa tháng sau, trong số năm anh em chúng tôi đã có ba người bị bắt. Anh Ng. V. Ch. bí thư, ôm cả cặp tiền đi với chị T. L., cả hai anh chị cùng bị quân Cảnh bị Trung-Hoa giữ lại ở phố hàng Than. Anh Tr. H. D. bị một người thân trong gia đình theo Việt-Minh, báo cho Công-an Xung phong vây bắt, may anh không để tiền ở nhà. Chỉ còn anh M. T. T. và tôi. Anh T. cậy quen thân với Voòng-Chí-Sình, ôm gói bạc lên mạn núi tính chuyện đổi lấy thuốc phiện đem

về bán ở Thái-bình, rất có thể mười hai vạn lãi thành hai mươi bốn vạn. Nhưng anh T. ra đi rồi không thấy về. Đến gần Tết năm ấy chúng tôi được tin anh bị cướp giết, nhưng sau đó lại nghe nói anh đã theo Việt-Minh sau khi đánh bạc thua hết tiền ở Hà-Giang hay Lào-Cai gì đó.

Ban thường vụ Thành-bộ của chúng tôi thế là tan nát. Tôi còn lại một mình, phải trốn tránh ít lâu, nhưng nhờ những người bị bắt không chịu khai, nên chưa đầy ba tháng sau ngày anh T. ra đi, tôi đã dám tìm về trụ sở của chúng tôi ở ngõ Nam Ngư (Cửa Nam), một mặt liên lạc với Trung-ương ở Lạng Sơn để tổ-chức lại Thành bộ, đồng thời tìm biện pháp giải thoát cho mấy anh chị còn bị giam giữ, một mặt cố gắng tiêu thụ món tiền giả của tôi, cộng với món của chị T. L., của anh Tr. H. D. còn để lại.

Tôi khổ tâm suy nghĩ đã khá lâu ngày rồi mà vẫn không tìm thấy phương pháp tiêu thụ được một lúc lấy mười tờ giấy giả. Nguyên nhân sự khó khăn này là các cơ sở in bạc giả của mấy đoàn thể bạn đặt ở các phố Hồ-xuân Hương, Huyền-trân Công chúa, Thiền-cuông, ở làng Hoàng-mai và ở Vĩnh-yên, tất cả đều dồn cả về Hà-nội một số bạc giả tính tới hai mươi triệu đồng. Giấy giả được phân loại A, B, C, đáng lẽ theo một quyết nghị liên tịch giữa các đảng thì chỉ có loại A, với tỷ lệ giống giấy bạc thật từ 95 phần trăm trở lên, mới được đem tiêu dùng ở Hà-nội. Nhưng các đoàn thể quốc gia vốn nổi tiếng về sự vắng mặt của kỷ luật, cho nên hội nghị họp ngày 29 tháng 10, đêm mồng 1 tháng 11 ở riêng vùng Ngã tư Sở (xóm cô đầu) đã có tới ba, bốn vụ lôi thôi vì một số anh em « quân nhân cách mạng » mua thuốc lá, trả tiền ăn, chi tiền hát bằng tiền giả (trong mấy vụ này có một vụ tiêu tiền giả in bằng máy thạch bản quay tay, hãy còn ướt mực !). Bị đòi đổi tiền thật, anh em không có, các nạn nhân bảo nhau đi trình cảnh sát, anh em hoảng sợ lôi súng máy trong bụng ra, bắn tưới lên trần nhà rồi bỏ chạy.

Những vụ rắc rối này làm cho đồng bào ta chú ý một cách đặc biệt đến loại giấy bạc 100 đồng. Người có học và tinh mắt còn dám nhận, người kém mắt hay kém hiểu biết một chút không bảo nhau mà đồng thanh từ chối quyết liệt không tiêu loại giấy bạc 100 còn mới (vì giấy giả, đến lúc cũ, sẽ mờ hết màu mực xanh và đỏ).

Tình trạng càng kéo dài càng thêm nguy hiểm cho tôi. Sự kiện có cả một va-ly giấy bạc mới tinh đã khó giải thích, sự khó giải thích này lại càng thêm khó vì sang tháng 11, lỵ trấn Lạng-Sơn bị vây, anh Chủ-tịch của chúng tôi không về Lộc-Bình bán lúa lấy tiền tiếp tế cho Thành-bộ được... trong khi cả Thành-bộ còn có một mình tôi với một số bạn trẻ đã thoát ly gia đình để gia nhập hàng ngũ cán bộ chuyên nghiệp (4). Tôi có bổn phận lo liệu về sinh hoạt và

phí khoản danh dự (5) cho các bạn đó. Tôi bắt đầu vay mượn, rồi bán chác, trước còn bán đồng hồ bút máy của tôi, sau đến mượn cả tiền hồi môn và nữ trang của vợ tôi để chi vào « việc đ ·n thể ».

Cái cảnh huống của chúng tôi lúc bấy giờ thật là buồn. Hơn hai chục anh em rải rắc làm năm nơi. Tôi hàng ngày chạy từ nơi nọ sang nơi kia, khuyến khích anh em chịu đựng thiếu thốn và kiên nhẫn chờ đợi hoàn cảnh thuận tiện (chờ đợi ngày sang Trung-quốc, sau khi điều đình xong với bộ Tổng Tư lệnh Phòng quân Trung-hoa).

Ngoài mặt cố làm ra vẻ thản nhiên, vững chải, tôi thấy thật rầu như dưa ở trong lòng. Tình cảnh kéo dài, vô vọng. Giá có thêm một chút can đảm, tôi chắc chắn đã giải tán, và trả về gia đình lớp « Thanh Thiếu niên đoàn » đầu tiên này. Nhưng tôi không có được chút can đảm cần thiết ấy, nhất là một vài gia đình không giải thích được sự vắng mặt của con em, đã bị Việt-Minh điều tra, khủng bố. Như vậy, tôi cần phải giữ vững. Lệnh của Trung-ương gửi về cũng bảo phải giữ vững, chờ ngày một ngày hai, sẽ có người về bổ xung và đem tiền về.

Ngày một, ngày hai, thầm thoát đã bước sang tháng Chạp âm lịch. Từ Lạng-Sơn có hai ủy viên trung ương được rút về Thành bộ, cả hai đều bị Việt-Minh bắt giữ ở ga Đồng-mỏ, mặc dầu giữa họ với chúng tôi đã có thỏa ước tạm thời ngừng bắn. Từ Lạng-Sơn cũng có số tiền mười vạn gửi về cho tôi, nhưng viên Thiếu-Tá Phòng-quân giúp việc liên lạc đã ôm luôn cả võ khí, giấy tờ của y, với số tiền của chúng tôi, trở ngược ra biên giới theo thổ phỉ.

Ngày mồng 7 tháng Chạp, được một lúc hai tin nói trên, có lẽ là một trong những ngày buồn nhứt của đời tôi. Buồn không những vì tổ chức tan vỡ, vì thấy mình bất lực trước cảnh « xuống dốc » của đoàn thể mình, buồn không những vì tiền thức ăn đã hết mà tiền đong gạo cũng chẳng còn được mấy ngày... Buồn nhất là vì phải phụ lòng tin tưởng hơn 20 bạn trẻ: tôi không hề giấu giếm gì họ về tình trạng của Thành-bộ, họ vẫn một lòng xin ở lại, miễn ngày nào cũng có nồi hai bát cơm ăn với muối. Nghĩ đến họ, nhiều lần tôi muốn ứa nước mắt vì cảm động. Họ phần đông là con nhà khá giả, và tất có hơn hai mươi người đều có sức học kém nhất ở trình độ Cao đẳng Tiểu học (6).

Buổi tối ngày mồng 7 tôi nhất định sáng mồng 9 sẽ phân tán anh em làm nhiều tốp để cùng về ở nhờ thân phụ tôi ba hôm. Thân phụ tôi có một cái ấp khá rộng thuộc một vùng khuất nẻo ở huyện Cẩm-Giàng. Chúng tôi sẽ sinh hoạt tập trung ở đó trước khi chia tay. Một số lớn anh em sẽ vào Thanh-Hóa hay lên Vĩnh-Yên, xin gia nhập vào đoàn thể bạn. Một số nhỏ trở về với gia đình. Còn hai người sau cùng khẩn khoản xin ở lại với tôi. Chúng tôi đỡ lo về sự sống vật chất, sẽ cố gắng gây lại cơ sở ngay tại Hà-Nội. Nếu nhất đán công việc không thành, sẽ ba người ba khẩu súng với

ít lương khô, liều mạng vượt ruộng và xuyên rừng, phá vòng vây mà vào Lạng-Sơn.

Tình thế của chúng tôi đến như thế là tuyệt vọng. Tôi ngán ngẩm nhìn quanh căn phòng chỉ có vợ tôi nằm ngủ trên chiếc chiếu giải ở một góc, góc bên kia trơ trụi một chiếc va ly. Chiếc va ly đựng ngót bốn mươi vạn đồng bạc tiền giả.

Tôi giật mình đánh thót như bị người đánh mạnh vào bụng trên. Trong một thời gian không biết bao lâu, nhưng đối với tôi có lẽ dài bằng nhiều thế kỷ, tôi thấy có những cơn nóng rần rật khắp người và những cơn lạnh toát cả xương sống. Tôi nghĩ đến một việc... tôi muốn làm, nhưng lại hồi hận ngay vì ý muốn tàn nhẫn ấy, nhưng rồi lại muốn làm. Sau cùng tôi đứng dậy, mặc quần áo, xuống phố. Lúc bây giờ vào khoảng 6 giờ sáng ngày mồng 8. Tôi đi thẳng đến nhà cụ Phán N. ở phố Hàng-Da.

*
* *

Cụ Phán N. thân sinh ra Nh. Nh. là người yêu của tôi trước khi tôi lấy vợ. Tôi phải lấy vợ ngay hồi tháng Sáu giữa năm Nh. có biết. Nhưng mẹ Nh. mới mất được hai tháng, gia đình họ mạc về đằng Nh. lại rất nệ cổ. Cho nên dù đau khổ đến mực nào Nh. cũng vẫn phải lặng yên mà nhìn tôi đi cưới vợ Cụ Phán N. cũng biết chúng tôi thương yêu nhau và biết cả hoàn cảnh gia đình của tôi. Cụ đối với tôi hồi trước tháng Sáu, vẫn tự nhiên coi tôi như con rể. Sau khi tôi về quê cưới vợ rồi trở lên Hà-nội, cụ bảo tôi cứ đi lại như trước và coi Nh. như em.

Nhưng tôi cảm thấy tôi không thể làm một ông thánh. Và cả Nh. cũng không phải lúc nào cũng khôn ngoan, cũng làm chủ được lòng nàng. Tôi thưa dần sự đi lại. Cụ Phán Nh. có lẽ cũng hiểu ý tôi và hình như mỗi khi gặp, còn tỏ vẻ thương yêu tôi hơn trước.

Đến cuối tháng Sáu, tôi gia nhập đoàn thể, cũng nói truyện để cụ biết. Nếu tôi không nhầm thì cụ coi sự hoạt-động cách-mạng của tôi có phần nào là hậu quả của mối tình tuyệt-vọng của tôi. Rất có thể cụ có nhầm cũng không nhầm cả trăm phần trăm. Và có lẽ cũng vì thế mà cụ dặn tôi một câu tôi còn nhớ đến bây giờ. Cụ nói : « Tôi đã già rồi, không làm được việc gì cho dân cho nước. Bây giờ thấy nước được độc-lập, trong lòng tôi thật mừng. Nhưng cũng buồn vì còn nhiều sự chia rẽ. Tôi cũng không còn tỉnh táo để phân biệt được ai phải ai trái. Nhưng tôi tin ở anh. Anh cần thận lắm, tôi bằng lòng lắm. Tôi bằng lòng cúng vào đảng cái anh một nửa cơ nghiệp của tôi. (*Tôi giơ tay định phản đối, nhưng cụ gạt đi, cứ nói tiếp theo*) không, anh đừng lo, tôi già rồi, sống vài ba năm nữa rồi cũng chết. Con Nh. nó lấy chồng, tôi còn bao nhiêu cho nó cả. Còn các em — Trai, Chuyên, Trương, Chung — tôi đã nhất định chỉ cho chúng nó học mà không cho tiền. Giá con Nh. nó lấy được anh, thì tôi cho anh là cho nó. Nhưng

duyên số đã không thành, thì tôi cho anh một nửa, cho nó một nửa ».

Cụ Phán N. tuy hết sức thành thật nhưng tôi vẫn không dám động đến vấn đề ấy một lần nào khác. Trước hết vì tôi không nỡ để thiệt cho mấy chị em Nh. Thứ hai vì tôi có tin cách-mạng, nhưng tôi không tin tính chất vô tư kỳ của những người làm cách mạng đến độ có thể để cho họ — nghĩa là bất cứ ai — được hưởng thụ vào cái phần tài-sản dù sao cũng là mồ hôi nước mắt của cụ Phán. Thứ ba và sau cùng là, trái với các đảng khác, anh N. Q. L. chủ tịch Trung ương của chúng tôi, đã có lệnh rất nghiêm, tuyệt đối cấm anh em không ai được nhân danh đoàn thể, nhận bất cứ một số tiền, hay một tặng vật gì, dù nhỏ đến đâu mặc lòng.

Tôi đã cố giữ vững được huấn lệnh của Trung-ương. Trong thời gian chúng tôi bị thiêu thốn, tôi có nhờ Nh. đem cầm, rồi sau bán đứt hộ một chiếc vòng và một chiếc nhẫn của vợ tôi. N. hai lần đưa tiền và trả lại đồ, nói là tiền cụ Phán gửi cho riêng tôi. Tôi không nhận. Nh. khóc chán với vợ tôi rồi đành phải cầm vòng với nhẫn về. Từ bấy giờ trở đi, tôi sợ phiền không trở lại phố hàng D. lần nào.

Nhưng đến sáng hôm đó, sáng mồng 8, tôi cương quyết đến thẳng nhà cụ Phán N., trong đầu tôi đã có một kế-hoạch được ấn-định rõ rệt. Tôi sẽ nhờ cụ Phán tiêu thụ giúp số tiền giả. Tôi không có quyền nói cho cụ biết số tiền của tôi do chính tôi in ra, bởi tuy tay tôi làm, mà bí mật đã thuộc về đoàn thể. Mặc dù tôi tin tưởng ở cụ Phán cả trăm phần trăm, tôi vẫn không có quyền tiết lộ một điều bí mật không phải của riêng tôi.

Tôi sẽ nói đó là số tiền của một người Nhật lấy được trong ngân-hàng từ ngày đảo chính 9-3. Người Nhật này nhờ tôi dùng tiền mua vàng, ngọc, để đem về Nhật cho tiện. Câu truyện rất hợp lý, vì, từ sau ngày 18-9, người Nhật tòng sự ở các cơ quan lớn đã lấy hết tiền trong quỹ làm của riêng. Vụ thu hồi giấy bạc 500 đồng « con rồng » đã làm cho cả thành phố Hà-Nội sôi nổi vì loại giấy bạc này mất giá quá nhiều (7) mà sở dĩ mất giá quá nhiều vì người Nhật tung ra hàng trăm triệu giấy 500 để mua hàng hay để mua vàng hay để đổi lấy giấy nhỏ. Sự mua bán, đổi chác hoàn toàn diễn ra trong hai phố hàng Bạc, hàng Buồm : người Nhật đổi cho người Việt, người Việt đổi cho người Tầu, người Tầu đưa cho sĩ quan Phòng, quân vác súng lục đến Đông-Dương Ngân hàng đổi một lấy một.

Từ tháng mười, thu hồi giấy 500, đến tháng chạp thời gian còn gần lắm. Cụ Phán N. sẽ không lấy làm lạ khi thấy tôi có trong tay đến ngót nửa triệu bạc tiền trăm mới nguyên. Giá tôi không nói cụ cũng đoán là của người Nhật.

Vậy tôi sẽ nói là của người Nhật nhờ mua vàng, với điều kiện giữ kín cho họ thì họ cho tôi hưởng năm, ba phần trăm gì đó. Tôi sẽ có phần chừng vài chục ngàn. Đó là một lý

do chính đáng để cụ Phán giúp tôi. Tôi biết rõ trong nhà cụ có sẵn một sổ vàng thừa bán lấy bồn chục vạn (vàng bầy giờ đã lên hai nghìn đồng một lạng) Tôi sẽ giao tiền, lấy vàng, rồi tìm cách khôn khéo bảo N. cản cụ Phán đừng bao giờ đem tiền gởi vào Ngân-hàng. Miễn đừng qua tay bọn thủ quỹ nhà băng, loại giầy bạc chúng tôi in khó lòng có người biết là bạc giả. Tôi tính trước sẽ bảo Nh. rằng tình thế rất nguy ngập — mà tình thế quả có nguy ngập thật — nếu gửi tiền vào ngân hàng của Pháp, mà chiến tranh xảy ra thì chắc chắn sổ tiền sẽ không bao giờ được trả lại cho chủ nó. Tôi chắc chắn Nh., và cụ Phán N. qua Nh., sẽ giữ cả va-ly tiền mới để tiêu dần. Tôi chắc chắn không ai dám nghi ngờ những tờ giấy bạc được xuất ra từ một ngôi nhà đồ sộ, sang ttọng như nhà Nh. ở phố hàng Da Tôi sung sướng tìm được phương pháp giải quyết, bảo vệ được toàn bộ cơ sở của chúng tôi ở Thành-bộ Hà-Nội.

⁂

Công việc của tôi được giải quyết trong 5 phút. Cụ Phán N. nghe tôi nói xong, đưa chìa khóc cho Nh., và bảo tôi theo Nh. lên gác lấy 18 nén vàng lá vừa Sư-tử, vừa Kim-thành. Tôi cầm gói vàng, sung sướng lặng lặng thinh cả cảm giác. Bao nhiêu công việc tốt lành của chúng tôi đã được thành toàn nhờ cái gói nhỏ mà rất nặng ấy.

Tôi đem vàng về chia cho anh em cán bộ « Thanh Thiếu niên đoàn » mỗi người giữ bồn lạng làm phí khoản cho cuộc du học sắp tới. Sau khi trả lại cho vợ tôi 3 lạng, tôi còn hơn 70 lạng, đem bán ngay buổi trưa, được 150 ngàn. Tôi cất tiền ở trên Nam-Ngư, rồi trở về nhà tôi dưới Nam-Đồng. chờ đến 8 giờ tối, đem ngót một nửa thước giấy bạc giả đến giao cho cụ Phán N.

Đúng 8 giờ tối, tôi giao tiền xong, lại ngồi lại uống trà với cụ Phán N. đến 10 giờ. Nh. mở cửa tiễn tôi ra sân. Tôi đứng lại, cầm tay Nh. ngập ngừng :

— Anh phải phiền thấy như thế này là vạn sự bất đắt dĩ. Anh mong em không bao giờ biết được sự thật, nhưng nếu thấy biết, em biết, thì em cũng xin thấy tha tội cho anh...

Nh. cảm động, nhìn thẳng vào mặt tôi trả lời :

— Em biết từ lâu rồi, thấy cũng biết. Anh đừng lo, thấy không nói với ai đâu,

Tôi giật mình : thì ra Nh đã biết, cụ Phán N, cũng đã biết. Tôi giật mình mà bao nhiêu nỗi niềm ưu tư bay đi vời vợi. Tôi thấy không cần dặn thêm gì Nh. như đã định trước. Tôi kéo Nh. đến gần, hôn lên trán nàng, rồi lách mình qua cổng sắt qua vỉa hè. Tôi đứng ngoài, nhìn vào Nh đứng bên trong, chỉ thấy đèn ngoài phố phản chiếu ở mắt nàng thành hai chấm sáng long lanh, thân ái. Tôi giơ tay vẫy Nh. trước khi đi hẳn, trong lòng tôi tràn bầy sự mong mỏi cho nàng có một người chồng xứng đáng.

Tôi không ngờ đã vĩnh quyết với Nh. từ buổi ấy.

Nh. hiểu nhầm câu nói của tôi. Nh. nghe tôi nói thề, tưởng tôi thú thật món tiền ngót 40 vạn không phải của người Nhật mà là của chính tôi. Của tôi đã lấy được trong những vụ mạo hiểm với người Nhật — hồi tôi còn làm việc với họ — vào mấy cơ quan của người Pháp. Số tiền, nếu thật thề, thì dù sao cũng là tiền ăn trộm hay ăn cướp. Nh. tưởng tôi lấy thề làm xấu hổ, nên gửi lời xin lỗi cha nàng từ trước.

Nh. đã hứa không nói với ai là tôi có tiền. Nàng còn đi quá một bước nữa. Cụ Phán N. có biết nhiều chữ nho. Cụ thường giao dịch bằng bút đàm với một vài sĩ quan cao cấp của Phòng quân Trung-Hoa. Nh. nghĩ không gì bằng nhờ mấy viên tướng Tầu đó tiêu thụ số tiền lấy được của bọn tướng Tây, thì dù cho giấy bạc có ghi số cũng chẳng còn sợ hãi gì nữa.

Nh. đem lời tôi nói trình lại với cụ Phán. Cụ cũng cho nàng nghĩ chu đáo cho tôi như thế là phải. Cả số tiền tôi đưa đến, cụ bớt lại có 5 nghìn, còn đem gửi cả vào một viên thiếu hiệu (thiếu tá) của bộ Cảnh bị Tư lệnh, tên là Mee-chang-Ling. Tôi chỉ nghe nói tên Mee-chang-Ling có một lần, mà không quen, không biết y, tôi không thề nào quên được tên y về sau này.

Bởi cái tên Mee-chang-Ling sẽ là nguồn gốc của một tai nạn thảm thương cho gia đình Nh. là nguyên nhân của một niềm đau đớn vô cùng cho tôi. Mee-chang-Ling làm tề mục vụ quan trường của bộ Tư lệnh Cảnh bị Phòng quân. Mee nhận tiền gửi, lập tức cho đem ký thác vào chương mục của y trong nhà ngân hàng Trung quốc mới mở cửa được ít ngày. Sáu tiếng đồng hồ sau, Mee bị điệu lên trước mặt viên Tư lệnh trưởng quan. Y cố nhiên khai thật với đại tướng Chu-Phúc-Thành số tiền ấy từ đâu mà đến tay y.

Cả gia đình cụ Phán N. bị bắt ngay sau đó. Tôi được tiền, hốt hoảng chạy lên Quan-Thánh cầu cứu anh N. T. Ngoài tình đồng chí, anh N. T. lại còn có tình riêng với tôi vì, hồi còn trẻ, anh là một biên tập viên trong một tờ báo của cậu tôi. Anh N. T. chạy đi chạy lại suốt một ngày mới biết việc bị vỡ lở ra rất lớn.

Điều vô phúc nhất có thể xảy ra cho tôi là nhà ngân hàng Đông-dương đã bắt được nhiều món tiền giả, đã gửi cho chính phủ địa phương (chính phủ V. M.) Nhiều bức thư tố cáo và yêu cầu điều tra. Chính phủ Hà-nội đã không thèm trả lời nhà ngân hàng Đông-dương- nên nhà ngân hàng nầy kiện Chính phủ Hà-nội ở bộ Tổng tư lệnh Phòng quân. Bàn tay của đại tư bản hồi đó còn dài lắm. Chính phủ Hà-nội sợ việc lôi thôi đến Đồng-minh, có thể lung lay thêm địa vị của một chính quyền chưa được công nhận, nên được thông báo về vụ tiền giả nầy, đã nhất quyết đòi được thẩm vấn các bị can để tìm ra manh mối.

Thái độ quyết liệt của V. M. theo anh N. T., còn có thể vì mấy lần trước, những người bị bắt tiêu bạc giả đều là cán bộ của họ nên phải cắn răng làm ngơ. Đến lần nầy, V. M. biết không phải người của họ, nên cố gắng gây nên xúc động ồn ào, để bao nhiêu tội lũng đoạn tiền tệ từ trước đến nay, bây giờ đổ cả được lên đầu các đoàn thể quốc gia.

Anh N.T. cho tôi biết thêm anh đã gặp tướng Tiêu-Văn về việc nầy. Viên trung-tướng chính trị chủ đạo của Đồng-minh-Hội cũng không làm gì hơn được, ngoài việc yêu cầu bộ Tư-lệnh cảnh bị hoãn lại ba ngày nữa hãy giao các bị can cho V.M. xét hỏi.

Ba ngày ! Tôi không nhớ đã làm những gì trong ba ngày đó, cũng không nhớ làm sao sống được qua ba ngày đó. Ba ngày có lẽ đã dài như ba thế kỷ, nhưng bây giờ nhớ lại, tôi chỉ có cảm giác như vừa hôm qua, mới nằm mê một giấc hãi hùng.

Tôi đã chạy loạn lên trong thành phố. Nếu không có sự cấm đoán chính thức của Cụ N. H. T., có lẽ tôi đã chạy vào Bắc-bộ-phủ van xin Võ-nguyên-Giáp, hay Hoàng-hữu-Nam, hay bất ai. Lệnh cấm được trao cho tôi bằng giấy tờ cẩn thận. Cả trung ương Mặt trận Quốc-gia tin chắc, nếu tôi đến nói với bọn lãnh tụ V. M., chính tôi sẽ bị chúng bắt lại. Chúng sẽ không cần chứng cớ gì hơn để buộc tội cả mặt trận, vì tư cách của tôi là một trong những đại biểu của mặt trận đối với chúng. Mới gần đây, tôi lại được chính thức ghi tên vào sổ đại biểu quốc hội. Việt-Minh bắt được tôi, chỉ cần đăng lên báo Cứu-Quốc, là sự nghiệp của các đoàn thể quốc gia bị phá tan nát hết cả (đồng bào ta, hồi bấy giờ, có thể không kết án chúng tôi về phương diện pháp lý, nhưng rất nhiều đồng bào, nhất là giới tiểu thương, đã bị thiệt hại, có khi còn bị tai vạ khá nhiều).

Tôi chỉ còn có một con đường giải quyết : tôi phải nhận tội với bộ Tổng Tư lệnh Phòng quân. Với tư cách ủy viên thường vụ của một phân hội (Lạng-sơn phân hội) của Đồng-minh Hội, tôi có quyền « đòi được xử án theo pháp luật của Trung-quốc », bởi vì, theo lý thuyết tổ chức, Đồng-minh Hội, với một viên trung tướng Tầu làm chính-trị chủ đạo viên, chính là một thành phần của Trung-quốc Quốc dân đảng — chúng tôi, cán bộ trung-ương, đều có mỗi người một tấm chứng minh thư đảng viên Quốc-dân-đảng Trung-Hoa.

Tôi nhất định chọn con đường sau cùng này. Sau một đêm thảo luận với số anh em còn lại, và trần tình với người vợ mới cưới của tôi, tôi tìm đến Tiêu-Văn nộp mình. Tôi nhận tội với tư cách cá nhân, nói cả quyết việc tiêu thụ bạc giả chỉ do tôi làm để kiếm ít hoa hồng ăn tiêu phao phí mà thôi. Tôi cho rằng trên lập trường cá nhân như thế, tôi không cần phải xin phép lãnh tụ Đồng-minh Hội, và lại cũng không muốn phải nghe lời khuyên nhủ lôi thôi — ví dụ : phải coi nhẹ việc riêng để bảo đảm cho bản thân còn có thể có ích cho việc

công — nên tôi không tìm gặp cả anh N. T.

Tôi đinh ninh tướng Tiêu-Văn sẽ lập vi bằng lời khai của tôi, rồi cho dẫn giải tôi sang bộ Tư lệnh Phòng quân ngay. Nhưng công việc không đơn giản như tôi tưởng. Vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất là tướng Tiêu-Văn chịu trách nhiệm trước Thống chế Tưởng-giới-Thạch, có bổn phận tìm hiểu và ngăn ngừa mọi ý định hoạt-động trái với pháp luật (của Trung-quốc) của chúng tôi, nếu bây giờ để tôi nhận tội rồi mới báo cáo, thì chính tướng Tiêu-Văn, nếu không có tội tòng phạm, thì cũng bị coi là bất lực. Theo chỗ tôi biết, Tưởng Thống chế đối xử rất nghiêm khắc đối với các cán bộ cấp tướng (có lẽ vì loại cán bộ này làm bậy nhiều hơn cả). Lẽ thứ hai là, mặc dầu cụ N.H.T. được cả Chính phủ và Đảng bên Trung-Hoa mặc nhiên công nhận là lãnh tụ Đồng-minh Hội, nhưng trên lý thuyết, quyền lãnh đạo Đ. M. H. thuộc vào ban Thường vụ trung ương. Ban Thường vụ này về đến Việt-Nam còn có 5 người, thì 3 người là đảng viên cộng sản, còn 2 người nữa thì một làm bộ trưởng, một làm Cục trưởng cục Quân huấn của Việt-Minh. Như vậy, nếu tướng Tiêu-Văn chấp nhận sự sự đầu thú của tôi, chính ông ta sẽ không có quyền quyết định bằng cả ban Thường vụ, nếu cả 5 ủy viên đều đồng ý giao trả tôi cho chánh quyền địa phương.

Tướng Tiêu-Văn không chịu lấy lời khai của tôi vội. Ông ta gọi điện thoại đến trụ sở Đồng-Minh-Hội mười phút sau, cụ N. H. T. tất tả đến ngay. Người cụ thấp và rất chắc tóc húi «móng lừa» bạc phơ; da cụ trắng hồng nhưng mắt cụ đã kém lắm, Cụ xuống xe, bước lên thềm tay vịn lên vai anh N. T., cụ vừa đi vừa quát tháo nửa bằng tiếng Việt nửa bằng tiếng bạch thoại (tiếng Tầu) — vì khắp các hàng tướng tá của Phòng quân, nói về uy tín đối với Tưởng-Thống-Chế, đều nể sợ cụ, kể cả Lư-Hán và Chu-Phúc-Thành. Theo thói quen trong đoàn thể, cụ mắng tôi vừa như cha mắng con, vừa như chủ nhà mắng bầy tớ. Bình thường, cụ đã quên nhiều tiếng mẹ đẻ (vì ở ngoài nước cả một nửa thế kỷ) nên giữ ý, nói chậm để chọn chữ, nhưng đến lúc tức giận quá độ, cụ chỉ còn nhớ đến những tiếng rủa tục tằn của anh em thủy thủ người Việt họa hoằn ghé bến Hoành-Tân, Thượng Hải.

Đã ở trong cảnh huống tinh thần của tôi lúc bấy giờ mà còn phải nghe những lời nói quá đáng của cụ N.H.T. tôi chỉ muốn chết ngay đi cho đỡ khổ. Nhưng sự uất ức của tôi cũng thoáng qua như sự giận dữ của cụ Nguyễn. Cụ quát to một lúc rồi, sau khi nghỉ mệt, cụ bỗng nuốt nước mắt bảo tôi : — *Anh không thương tôi hay sao ?*» Tôi nói có, nhưng nói thêm tôi chỉ nhận tội cá nhân tôi, đoàn thể không dính dáng gì hết. Cụ không để cho tôi nói dứt lời đã hỏi :

— Anh tưởng chúng nó để yên cho anh hay sao ?

Rồi không chờ tôi trả lời, cụ cho tôi biết trong tất cả mọi hành vi phạm

vi phạm pháp ở đời, Thống chế Tưởng-Giới-Thạch ghét nhất là việc làm giấy bạc giả có đầy đủ các tính bất nhân' bất tín, bất trí, bất dũng. Cụ nói cách đây (1945) ngót 20 năm, Tưởng Thống chế đã khép tội xử tử một nhân viên thân tín vì anh này có một tờ giấy 10 đô-la giả, biết là giả mà vẫn tiêu.

Tôi nói với cụ tôi không sợ chết Không những thế, tôi không có quyền để cho ân nhân tôi phải chịu tội thay tôi. Cụ trả lời rằng dù tôi có nhận tội, cụ Phán N. và Nh. cũng không thoát được. Vả lại — cụ lại nói đến đoàn thể — nếu công việc này mà phải trình về Trùng-Khánh với đầy đủ chứng cớ, thì chắc chắn Phòng-quân sẽ được lệnh bỏ rơi Mặt trận Quốc gia ngay. Điều cụ nói có lý nhất là Tưởng Thống chế đương lo việc Chu-Đức thả quân lan ra, chiếm gần hết miền Bắc Trung-Quốc, nên chắc chắn không có thì giờ nào mà đọc một bản phúc trình về một vụ án nhỏ bé mà rắc rối như vụ án của tôi. Thống chế Tưởng-Giới-Thạch sẽ chỉ nghe trình miệng về một cán bộ Đồng-minh-hội Việt-Nam định tiêu thụ 400 ngàn đồng bạc bằng giấy giả, ông sẽ ra một vài chỉ thị, rồi từ bầy giờ về sau, giá có người nhắc, ông cũng khó mà nhớ lại được.

Cụ Nguyễn ra về ngay sau khi cho tôi biết cụ để cho tôi tự ý quyết định. Cụ đi rồi anh N.T. ở lại, nói với tôi về một số ý nghĩ của anh về danh dự, là một thứ hư ảo, và quyền lợi dân tộc, là một thứ thiết thực. Ý nghĩ của anh, ngày thường tôi vẫn có. Tôi vẫn chê người mặc áo rách ra đường, tưởng ai cũng để ý cười mình, mà thật ra nào có ai để ý gì đến cả tấm áo lẫn con người anh ta. Tôi cũng vẫn nghĩ đến sự biến đổi của tình cảm, chỉ cần một vài yếu tố nhỏ nhặt cũng đủ khiến cho tình hóa ra thù. Sự khen chê, sự thương yêu, và cả sự ân nghĩa, thật ra là mong manh quá lắm. Tôi vẫn biết thế, nhưng bây giờ tôi lại biết thêm, rằng mình có ở trong cảnh ngộ, có bị đau đớn vào xác thịt hay tâm hồn mình mới biết, mới không chê được người khác là ngu, là dại.

Tôi cố bám lấy một tin tưởng sau cùng. Một câu nói tràn lên trên, át hẳn những câu nói khác : — « *Nh. còn yêu tôi ! Nh. vẫn yêu tôi !*

Tôi phải cứu Nh rồi tôi sẽ lấy Nh, sẽ đem hạnh phúc đến cho Nh. để đền bù những cực khổ hôm nay. « Tôi không nghĩ đến những điều « không thể được » mà chỉ nghĩ đến hạnh phúc « sau nầy » của Nh. Tôi trở thành câm điếc đối với anh N. T., anh nói gì, hỏi gì tôi cũng không trả lời, vì tôi có nghe tiếng anh nói, nhưng không hiểu anh nói những gì.

Anh N. T., nói chán rồi cũng phải ra về. Anh nói bằng tiếng Tàu với tướng Tiêu-Văn một hồi dài, rồi nói tiếng ta, yêu cầu chờ lãnh tụ định đoạt. Nhưng anh mới ra khỏi cửa, tướng Tiêu - Văn đã nghiêm sắc mặt bảo tôi :

— Đồng chí đã hôn mê rồi. Lão đồng chí Nguyễn, đồng chí Hoàng không nở, quyết tâm với đồng chí ngay bây giờ. Nhưng tôi, tôi sợ muộn mất rồi. Vậy tôi phải quyết định giúp đồng chí. Tôi có hai điều kiện cho đồng chí chọn một. Điều kiện thứ nhất : đồng chí và gia đình họ Trần định vượt ngục, bị quân cảnh-bị bắn chết, xác đem khám nghiệm rồi đem chôn, bản án bị đình cứu. Điều kiện thứ hai gia đình nầy uống thuốc độc chết trong phòng giam, xác được đưa về nhà tổng táng tử tế. Những người chết được miễn nghị. Đồng chí không biết gì về vụ nầy.

Tôi nghẹn ngào :

— Cả gia đình ?

Tiêu-Văn cố bình tĩnh :

— Còn một người, có thể tố cáo với chính phủ địa phương, tất liên lụy đến mọi người.

Nói đoạn, Tiêu-Văn nắm chặt hai bàn tay, cúi mặt thấp xuống mặt bàn :

— Cả gia đình . . .

***

Tôi ngất đi trong văn phòng của tướng Tiêu-Văn. Khi tỉnh lại, tôi thấy mình nằm trong bệnh viện của Phòng quân — ở nhà thương Đồn-thủy. Một hiến binh đội mũ sắt, cầm ngang súng *tôn-sơn*, ngồi quay mặt ra, trên chiếc ghế đặt ngay giữa phòng. Tôi bị giam về tội vũ mạn cấp tướng của quân đội Trung-Hoa.

Nhưng đó chỉ là bề ngoài, trên giấy tờ, để giữ tôi ở một nơi riêng biệt. Trong cơn mê, tôi kể vanh vách lại mọi việc xảy ra, từ lúc tôi làm quen với Nh. đến lúc — tôi nói như vậy — tôi đè Nh. nằm ngửa để đổ thuốc độc vào miệng. Anh N.T. sợ tôi điên. Chính anh đã bốc thuốc, và đích thân trông nom việc sắc thuốc rồi cậy răng đổ thuốc cho tôi.

Anh thương tôi như một người cha thương con. Buổi chiều anh đến thăm, thấy tôi đã tỉnh thì tỏ vẻ mừng rỡ lắm. Nhưng đến khi anh ngồi xuống bên cạnh giường, tôi mới nhận ra anh hốc hác cả người. Hai má anh chảy xệ xuống, hai quầng mắt sâu thẳm. Tôi cầm tay, nói cám ơn anh, thấy tay anh run run. Anh tránh không nhìn tôi. Một lúc sau tôi mới để ý trên gò má anh có đọng hai ngấn nước mắt.

Tôi chợt hiểu rõ cả. Cụ N.H.T. già yếu, cả về tinh thần, không quyết đoán được. Tướng Tiêu-Văn không bị đụng chạm gì nặng đến nhất định phải phạm tội sát nhân. Vậy anh N.T. đã nhận lấy trách nhiệm. Ôi ! Đau đớn biết bao nhiêu cho con người văn học siêu việt, con người làm thơ, viết văn chan chứa những cảm tình nồng hậu, con người thề mà phải thay anh em, vì sự nghiệp dân tộc, tự chuốc lấy nỗi niềm ân hận suốt đời !

Tôi nhìn anh, không dám đặt thành câu hỏi. Anh cúi đầu, không dám cất tiếng trả lời. Tôi cố nén tiếng nấc, tiếng nấc bật thành tiếng kêu lớn. Với hai mươi nhăm tuổi chẵn trên đầu, tôi vùi mặt xuống đệm giường khóc mê mẩn.

Khi tôi ngẩng đầu lên, anh N.T. đã ra về rồi. Từ bấy giờ, anh tránh tôi, tôi cũng không dám gặp anh. Tôi không còn có can đảm tự tử nên phải tìm mọi cách hủy hoại thân thể và tâm hồn tôi để có thể quên và sống. Bốn tháng sau, trước khi bị Việt-Minh bắt, tôi đi cân chỉ còn nặng có 42 cân.

Bốn năm sau, tôi được tin anh N. T, bị ám sát. Năm 1952 tôi về Thành, đến năm 1955 ra đi khỏi Hà-Nội, tôi hèn nhát không có lần nào dám tìm thăm mộ anh, và tìm thăm mộ cả gia đình thiếu nữ mà, sau nàng, trong lòng tôi chỉ còn băng giá.

6-8-LXII

NGUYỄN-MẠNH-CÔN

---

(1) Quý vị độc giả đọc hết bài này, có lẽ sẽ tự hỏi đây là một « truyện » ngắn hay là một hồi ký. Tác giả thấy mình không có quyền nói hơn. Vậy xin quý vị *tạm thời* coi đây là một tài liệu về những việc « có thể xảy ra » vào thời gian và địa điểm đã rõ rệt.

(2) Người Nhật gọi tên đơn vị bằng tên chỉ huy trưởng. Ví dụ ở Việt-Nam chúng ta sẽ gọi : đại đội Nguyễn-Văn-X., trung đoàn Trần-Văn-Y. v.v... « Phần-Cốc bộ đội », tức *Kamiya Butai*, là tên riêng của Phái bộ Quân sự của Nhật-Bản đặt tại Hà-Nội, từ 1941 đến 1945.

(3) Ở đây nói gia đình Trần.Tế-Đường, một lãnh tụ quân phiệt ngang hàng với Tưởng-Giới-Thạch lúc ban đầu Họ Trần chiếm lĩnh Lưỡng Quảng sau chống chính phủ thất bại, chạy ra ở Hương-Cảng, gây nên một sự nghiệp rất lớn về buôn lậu súng đạn và chất ma túy.

(4) Cán bộ chuyên nghiệp : cán bộ lĩnh lương để hoạt động

(5) Phí khoản « danh dự » : tiền cắt tóc, giặt quần áo. Chữ « danh dự » ở đây có nghĩa là « để khỏi phải chịu đựng, mất phẩm giá ».

(6) Bằng Trung học Đệ Nhất cấp.

(7) Vào tháng 10-1945, ngân hàng Đông-Dương viện lẽ người Nhật tự ý in nhiều giấy bạc 500 « con rồng xanh » ra tiêu bừa bãi, họ không chịu trách nhiệm, nên ra thông cáo thu loại giấy này về. Người nộp không được trả tiền ngay mà chỉ được cấp biên lai Loại giấy bạc này, vì thế, chỉ còn đổi được từ 300 (con rồng xanh) đến 420 đồng (con rồng vàng) mà thôi.

ĐÃ CÓ BÁN MỘT TÁC-PHẨM GIÁO-KHOA GIÁ TRỊ :

PHÂN TÍCH VÀ NGHỊ LUẬN VĂN CHƯƠNG

của THẨM-THỆ-HÀ

— Giúp học-sinh biết cách thức làm bài luận văn-chương.

— Giúp học-sinh hiểu rành rẽ các thi, văn-phẩm của các tác-giả ghi trong chương-trình Đệ-tứ và Đệ-nhị.

— Giúp học-sinh giải đáp dễ dàng những câu hỏi về văn-thể, văn-học-sử hay về một đoạn thơ văn trong các kỳ thi Trung-học đệ-nhất-cấp và Tú-tài.

Sách dày 232 trang, in trên giấy satiné, giá bán 45$.

SÁCH BÁO ĐANG IN VÀ ĐÃ PHÁT HÀNH

Đã phát hành

● Ngoài vườn Địa-Đàng.
thơ Mai-Trung-Tĩnh

● Đường lên Thiên-Thai.
thơ Vương-Đức-Lệ

Bản thường : **50đ.**
Bản đặc biệt : **100đ.**
(liên lạc với tác giả)

M.T.T.: *1/20 cư xá Lữ-Gia — Phú Thọ*

V.Đ.L.: *139/75-G Triệu-Đà — Chợlớn*

Đón đọc tùy bút của VÕ-PHIẾN.

* *

THƯ NHÀ

Do nhà SỐNG-MỚI
số 80-B đường Phạm-Ngũ-Lão Saigon
— phát hành —

★

Các bạn muốn có sách đẹp
xin liên lạc thẳng với tác giả ở
160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn

Sắp phát hành toàn quốc

GIANG - HỒ

CHƯA TRẮNG NỢ ĐÔI TAY

thi-phẩm thứ 3

của Lương-Trọng-Minh

do

Công-Tằng Tôn-Nữ Thiên-Hương

xuất bản

Đang in

KHI NGƯỜI CHẾT CÓ MẶT

tiểu thuiết tâm lí của NGUIỄN-NGU-Í
(BÌNH-NGUYÊN-LỘC đề tựa)

Một nàng con gái luống tuổi, xinh xinh ; một gã đàn ông góa vợ, kì kì. Hai cuộc đời cách trở sao lại dính vào nhau...?

★

Và đâu đây, lảng vảng bóng hình của một người không còn nữa...

Lưu ý bạn độc Bách-Khoa :

đang in :

ALBERT CAMUS I.

tuyển-tập đoản-thiên và tiểu-luận

★

Trần-Phong (Phong-Giao) *dịch*
Nguyễn - Văn - Trung *giới thiệu*

Quý bạn yêu SÁCH ĐẸP
xin liên-lạc với :

Ô. TRẦN-PHONG

38, Phạm - Ngũ - Lão, Saigon

●

Bản đặc-biệt giá 70 đồng
(kể cả bưu-phí bảo-đảm)

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do **NGUIỄN-NGU-Í** *phụ trách*

XIV

Trịnh-Cung

★ TRỊNH-CUNG

Tên thật : Nguyễn-Văn-Liễu

Sinh ngày : 31-12-1939 tại Trường-Tây, tỉnh Khánh-Hòa (Trung-Việt).

Tốt nghiệp trường Cao-đẳng Mĩ-thuật Huế.

Một trong 16 họa sĩ và điêu khắc gia Việt được tuyển chọn tham dự Đệ Nhất Triển lãm Mĩ-thuật quốc-tế kì thứ nhất tại Sài-Gòn (tháng X-1962).

Anh Ngu-Í,

Nền Hội họa chúng ta hiện nay đang giữ một địa-vị quá khiêm nhường. Sự thất bại của những tấm tranh Việt tham dự cuộc triển lãm quốc-tế Nghệ thuật lưỡng niên tại Bảo tàng viện NGHỆ-THUẬT HIỆN ĐẠI BA-LÊ vừa rồi là một bằng chứng rõ rệt. Các tạp chí chuyên về Nghệ thuật ở Pháp đã nói gì về hội họa Việt ta ? Số tranh được gửi qua, ban tổ chức cuộc triển lãm nói trên đã phải loại đi hơn một nữa. Theo tôi, sự thất bại đó là một lẽ tất nhiên. Nhận đó là một thất bại tất nhiên, không phải vì chúng ta mang nặng mặc cảm, sự thất bại này được ghi nhận bởi nhiều lí do buộc chúng ta phải nhìn thẳng vào nó bằng đôi mắt can đảm và một tinh thần phục thiện, thì mới mong đưa Hội họa nước nhà tiến lên địa vị ưu tú được.

Điều trước tiên tôi lưu ý là họa sĩ Việt ta phần lớn không được học hỏi

Chân dung

đầy đủ. Làm Hội họa ngày nay không phải phải chỉ cần có sự khéo tay, mà nó còn đòi hỏi một kiến thức càng rộng càng tốt. Nhiều cuộc triển lãm yếu kém được mở ra luôn ; tuy vậy tình trạng này không thể tránh được vì số họa sĩ có khả năng và ý thức lại ít oi, hơn nữa phần nhiều họ không có đủ phương tiện để tạo được một phòng tranh giá trị. Chúng ta phải biết rằng trong khi đó tại riêng thành phố Đông-Kinh, đã có đến 10.000 họa sĩ thực thụ. Ngoài hai trường Cao đẳng Mĩ-thuật Huế và Gia-Định hiện nay, chúng ta cần phải có thêm nhiều xưởng họa tự do và nhiều họa sư có kiến thức rộng đứng ra hướng dẫn những người chân thành quyết tâm bước vào thế giới nét, màu.

Ngoài ra sự nghèo khổ, sự thành kiến bảo thủ quá đáng cản trở rất lớn trong việc phát triển Nghệ-thuật nước nhà. Hiện có nhiều họa sĩ ưu tú vẫn không kiếm đủ tiền để mua sơn. Tranh vẽ theo lối mới (MỚI, có ý thức) không bán được. Các nhà sưu tập tranh hầu hết là người ngoại quốc !

Thêm vào tình trạng đó, một ít người có đặc trách về công cuộc phát triển Mĩ-thuật lại không cảm thông được những xao xuyến, những ưu tư của lớp họa sĩ trẻ tuổi đang mang trên vai thế kỉ của mình. Phải chăng vì tuổi già nên khó tánh ? Dù sao thì cũng đã tạo ra giữa hai thế hệ một bầu không khí buồn tẻ đáng tiếc.

Bởi hai lớp người có hai cuộc sống khác nhau. Chế độ chính trị, chiến tranh, các trào lưu triết học hiện tại, đời sống xã hội, đời sống tình cảm mỗi thế hệ mỗi

khác nhau thì làm sao không xảy ra được những khoảng cách giữa nhau. Sự kiện này đã đưa đến một vài hậu quả như : nhiều sinh viên Mĩ-thuật có tài (nhiều giải thưởng Hội họa quan trọng đã lọt vào tay những người này) đã phải bỏ trường, sự chia rẽ giữa khuynh hướng mới và cũ, những phản ứng quá trớn của một vài họa sĩ trẻ tuổi với những người đáng cho chúng ta phải kính trọng họ vì tuổi tác, vì thành tích. Tất cả những điều này đã tạo nên cái không khí u ám, nặng nề đáng tiếc cho cuộc sống nghệ thuật nước nhà. Lớp người cũ không thể nào sống như lớp trẻ, nhưng không thể không chấp nhận nó bởi nó là một thực-tại, và chấp nhận nó thì phải chấp nhận Nghệ thuật do nó tạo nên — tiếng nói Nghệ thuật chính thức của thời đại nó.

* *

Anh Ngu-Í,

Tôi đã chọn câu hỏi chót trong số những câu hỏi anh gửi cho tôi để mở đầu bài trả lời này, bây giờ tôi xin lần lượt trả lời những câu hỏi còn lại.

● *Câu hỏi I* — Không có xu hướng nào nổi bật cả. Riêng tôi còn đang học hỏi nên chưa thể trả lời được.

● *Câu hỏi II.*— Tôi không nghĩ đến việc tìm dân tộc tính hay quốc tế tính trong khi tôi vẽ. Vấn đề nên đặt ra là họa phẩm của tôi hay không mà thôi. Tranh của Braque để bên tranh Picasso, hoặc tranh của Klu đặt bên tranh của Miro, thì có ai nhìn được quốc tịch của từng họa sĩ trên tranh họ không? Tâm trạng là tâm trạng chung, họa sĩ nước này hay nước khác chỉ khác nhau ở việc khoác lên tâm trạng mình bằng chiếc áo địa phương của họ mà thôi. Không phải vẽ mấy ông mặc áo rộng, đi hia, đội mũ cánh chuồn rồi bảo đó là dân tộc tính ; như của một họa sĩ xứ nhà nào đó thì thật là một ngộ nhận to lớn.

● *Câu hỏi III.*— Tôi chưa có tấm tranh nào ưng ý nhất. Bây giờ tôi chỉ còn có hai tấm tranh mà thôi, đó là bức «MÙA THU TUỔI NHỎ», (1) sơn dầu khổ 1m10×70cm, và bức *Nhện* cũng sơn dầu. khổ 90cm×60cm.

● *Câu hỏi IV* — Nền Hội họa hiện nay của chúng ta còn nghèo nàn, nhưng có triển vọng nếu Hội họa Mới và cuộc sống của họa sĩ được đặc biệt lưu ý.

● *Câu hỏi V.*— Tôi không có nguyện vọng gì hết, ngoài một điều : *là có đầy đủ phương tiện* : **càng nhiều tiền càng tốt**. Nguyện vọng chung thì chính quyền giúp đỡ họa sĩ tích cực hơn chẳng hạn như mở nhiều xưởng họa quốc gia cho những họa sĩ có khả năng vào đó sáng tác hằng tháng có lương bổng đều đặn. Kết quả sẽ được hai điểm :

1) *sẽ có nhiều họa phẩm giá trị làm hãnh diện nền Hội họa Việt.*

2) *Đời sống họa sĩ được sáng sủa hơn.*

● *Câu hỏi VI.*— Muốn cho Hội họa nước nhà phát triển? và công chúng yêu thích Hội họa ? Cần nhiều thời gian mới mong thực hiện được hai điều này.

Nên đặc biệt lưu ý vấn đề giáo dục Hội họa ở trường học.

---

(1) Xin xem tranh ở trang 69, bài của Thái-Tuấn nói về « Cuộc triển lãm Mĩ thuật quốc tế lần thứ nhất tại Sài-Gòn ».

Hội họa đối với một người văn minh thật quan trọng vì nó nằm ngay trong đời sống hằng ngày của con người. André Gide đã nói :

« Khí cụ lớn nhất của Văn hóa không phải là Âm nhạc, mà là Hội họa ».

⁂

Lê-Cao-Phan

✱ LE-CAO-PHAN

Sinh năm 1924 tại Quảng-Trị (Trung-Việt).

Học hội họa từ năm 1942. Sau đó đã xao lãng Hội họa để theo ngành Âm nhạc.

Cuối năm 1959, trở lại ngành hội họa và chuyên vẽ tranh sơn dầu.

Cuối năm 1960, tham dự cuộc triển lãm hội họa do hội Văn-hóa Việt-Nam tổ chức. Và từ đấy thường tham dự những cuộc triển lãm do Văn-hóa vụ, Nghiệp đoàn Hội họa, các nhóm họa sĩ, hãng dầu Esso v.v... tổ chức.

Vào thượng tuần tháng 8-1962 đã trưng bày riêng một phòng tranh sơn dầu tại Phòng Triển-lãm Đô-thành.

Vẫn hoạt động và học hỏi về cả hai ngành Âm nhạc và Hội họa.

I.— Trả lời về xu-hướng Hội họa

Hiện nay giới hội họa Việt-Nam theo nhiều xu hướng khác nhau ; đại đa số anh em đang ở phái Ấn tượng, vài bạn đang thiên về họa phái Biểu hiện, một số anh em khác đang tiến sang trường Trừu-tượng ; ngoài ra có vài khuynh hướng khác : phái Biểu tự (calligraphisme), trừu-tượng biểu tượng, đang manh nha.

Có thể nói rằng hầu hết các họa sĩ đang ở thời kì dò đường dù ở xu hướng nào. Lẽ tất nhiên ai nấy đều dọ dẫm để rồi thong thả bước những bước vững chắc. Ngay trong giới họa sĩ ấn tượng, mà

Anh Ngu-Í.

Tôi viết dài quá, chỉ làm mất thì giờ và mệt mắt người đọc mà thôi, tôi có lời xin lỗi chung.

Sài-Gòn, 22-10-62.

TRỊNH-CUNG

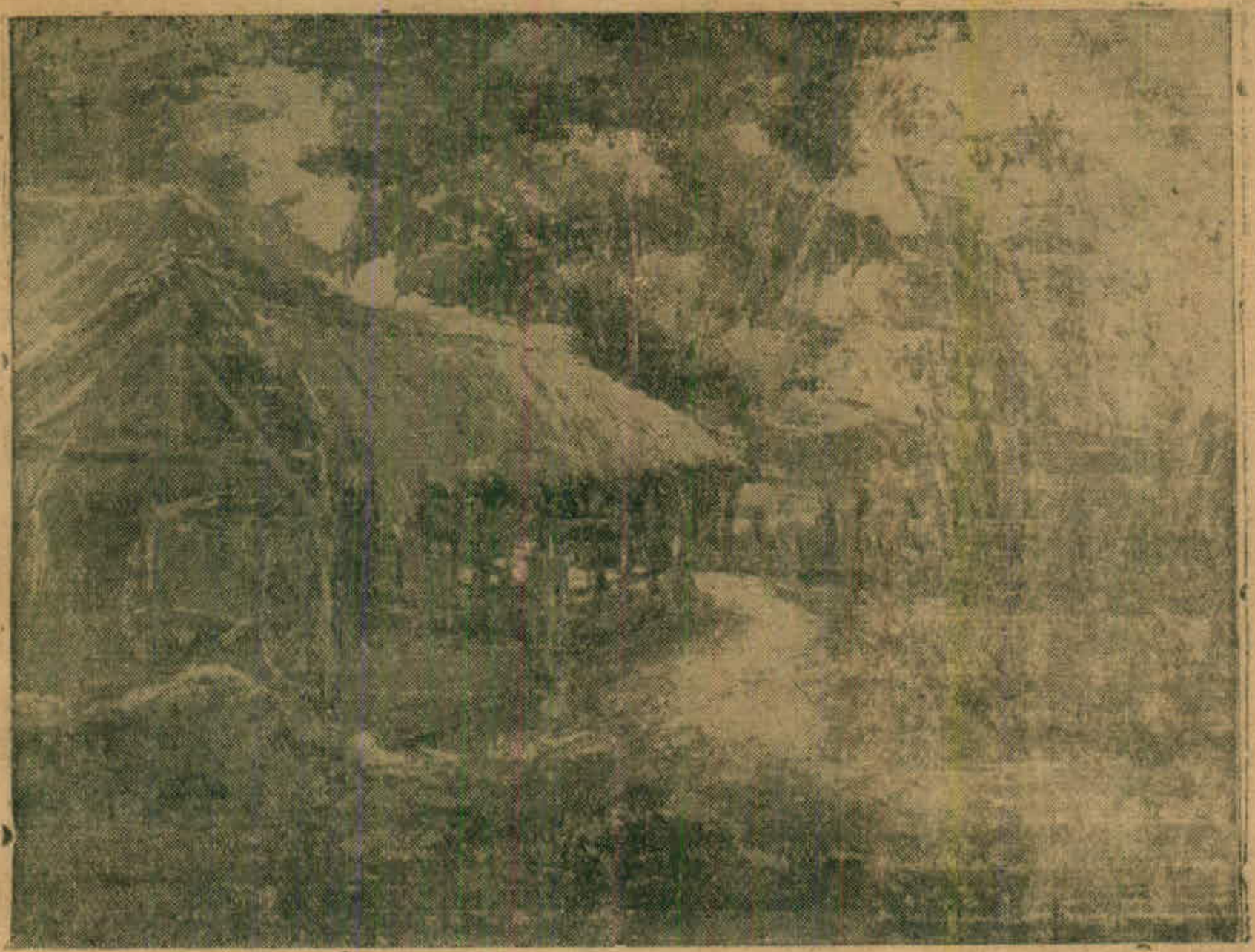

Bóng mát

nhiều người có khuynh hướng gán cho cái danh hiệu « xu hướng cổ, » hay phái già (?), anh em vẫn luôn luôn tìm cách đem lại những sắc thái mới cho tác phẩm của họ. Họa sĩ ấn tượng « chép cảnh », không « chụp hình người » nữa, mà đã đặt nặng vấn đề sáng tác, nghĩa là khai thác mọi đề tài cả bằng kĩ thuật lẫn trực-giác.

Xu hướng ấn tượng hiện nay được xem như nổi bật nhất. Tranh ấn tượng được giới thưởng ngoạn Việt-Nam cũng như ngoại quốc chú ý tương đối nhiều hơn các họa phẩm khác, có lẽ cũng nhờ tính cách khiêm tốn và dễ truyền cảm của loại tranh này. Người Việt thích vì tranh « dễ hiểu », tươi sáng. khách ngoại quốc ưa vì tìm thấy những đặc tính Việt Nam trong đề tài, khả dĩ lưu được một kỉ niệm nào...

Riêng phần tôi, hiện tôi đang sống gần anh em họa sĩ ấn tượng. Đây chỉ là vấn đề giai đoạn, còn lí tưởng là một câu chuyện khác, vì chẳng mấy ai chịu giẫm chân tại chỗ, từ chối tiến bộ. Tuy nhiên, đốt giai đoạn thì tôi chưa dám.

II.— Dân-tộc tính hay sắc thái quốc tế trong Hội họa ?

Theo tôi nghĩ, hai lập luận này mặc dù bên ngoài có vẻ tương khắc, nhưng xét kĩ vẫn không đáng bận tâm lắm ; vả lại, cái gì làm thành mầu sắc quốc tế, nếu

không phải là những yếu tố quốc gia, dân tộc hợp lại ?

Cá tính của họa-sĩ, nói rộng ra, đặc tính dân tộc của họa-sĩ ấy phát xuất từ năm đầu ngón tay thật khó mà xua đuổi, và thế nào cũng chiếm một chỗ ẩn hiện trên khung vải, hoặc về bố cục hoặc về mầu sắc, đường nét.— Tôi đã có dịp nhận thấy điều này nhân đi xem phòng Triển lãm Mĩ thuật quốc tế vừa rồi tại Sàigòn. Ngay trên những tác phẩm thuộc từng phái mới mà khi xem qua có vẻ « quốc tế », nếu nhìn kĩ vẫn có thể tìm thấy những điểm sai biệt làm thấy rõ tính cách dân tộc.

Cho nên, tưởng nên để cho họa sĩ tự do sáng tác theo sở thích của họ ; nêu ra câu chuyện dân tộc tính và bản sắc quốc tế, có thể làm rối trí họ khi sáng tác.

Ngây thơ

III — Những tìm kiếm cá nhân ?

Hiện nay tôi chưa dám đặt một tiêu chuẩn nào cao hơn sự cố gắng dung hòa kĩ thuật và trực giác hầu mang lại cho họa phẩm ít nhiều tính chất truyền cảm trong phạm vi khiêm tốn của tranh ấn tượng. Khả năng truyền cảm có thể là tiêu biểu của tính chất sáng tạo, tôi nói một sự sáng tạo do trực giác thúc đẩy, gợi hứng nhiều hơn là do sự tìm kiếm khổ nhọc của lí trí. Họa phẩm thể hiện từ trong cá nhân người nghệ-sĩ, với những yếu tố tài liệu thâu nhận từ một ngoại cảnh mới, hay một hình ảnh đã có, và được thanh lược qua tiềm thức của con người. Họa sĩ đặt tảng mầu lên khung vải với những biến đổi tùy thích, tất có thái độ chủ quan lúc sáng tạo ; và chủ quan không có nghĩa hoàn toàn là vị kỉ mà chỉ có nghĩa là chân thành với những rung cảm của chính mình trước tiên.

Tìm kiếm quá công phu thì sẽ mất sự chân thành quí giá ấy. Tôi vẫn sợ phải bị gò ép trong ý tưởng tìm tòi, đường nét, nghiên cứu mầu sắc v. v...

IV.— Họa phẩm hợp ý nhất ?

Đã hơn một lần tôi không trả lời nổi câu này khi vài bạn hỏi tôi. Vì, đối với người vẽ tranh, họa phẩm chỉ đẹp nhất là khi nó đúng là một ngoại cảnh gợi cảm, là một ý chưa thành bố cục trong trí tưởng tượng, chưa được truyền ra khung vải. Đến khi năm đầu ngón tay « vụng dại » (nói như họa sĩ Tạ-Tỵ) lãnh phần thực hiện, kết quả có lúc thật lắm phũ phàng.

V.— Hiện trạng và triển vọng của Hội họa Việt-Nam ?

Hội họa Việt-Nam đang tiến mạnh, sự xuất hiện của nhiều trường phái (cho dù đang ít tuổi) cũng như sự hăng hái hoạt động của giới họa sĩ đã chứng tỏ điều này. Chính quyền đã bắt đầu cổ xúy cho hướng đi lên của Hội-họa từ vài ba năm nay, trong giới thưởng ngoạn, anh em họa sĩ đã mừng thấy một số đồng bào mộ điệu đáng kể.

Bảo rằng có sự tương khắc, xung đột giữa các phái tân kì và cổ điển kể cũng hơi quá đáng. Và nếu có phần nào chăng nữa, ta có thể xem như là một trong những động lực thúc đẩy bánh xe hội họa tiến đến những chân trời mới. Chỉ nên xem mọi xu hướng khác biệt như là những phương tiện. Và xin để cho mỗi họa sĩ tự do sử dụng phương tiện của mình; sau cần, họ sẽ phải chuyển hướng để khỏi bị đào thải

Với ý nghĩ đó, tôi tin tưởng rằng Hội-họa Việt-Nam rất giàu hứa hẹn.

Lê-Cao-Phan

*
* *

Anh Lê Cao-Phan,

Tôi lại xin quấy rầy anh thêm.

Số là sực nhớ anh đã một thời chuyên chú về âm nhạc thiếu nhi ở học đường, và đã xuất bản hai tập nhạc tuyển thiếu nhi: *Tiếng gà gáy sáng*, *Nhựa mới* cùng một số những bản nhạc thanh niên và xã hội, nên xin hỏi anh:

Anh có lần tạm biệt Hội hoặc để đeo đuổi Âm nhạc, rồi lại trở về với Hội họa, tại sao có sự « sang ngang » rồi «quay về bến cũ » ấy ?

Lại sực nhớ anh dạy Vẽ lâu năm ở trường công cũng như ở trường tư, ở Tiểu học rồi ở Trung học, chẳng hay anh có ý kiến và nhận xét gì về môn dạy Vẽ ở học đường ?

Lại sực nhớ thêm rằng (anh đừng lo nhé: nhất bất quá... tam mà !) André Gide có nói một câu đại khái: Hội họa (chớ không phải Âm nhạc) là khí cụ lớn nhất của Văn hóa loài người, chẳng hay Lê-Cao-Phan nhạc sĩ và Lê-Cao-Phan họa sĩ nghĩ sao?

Thế là... xin hết.

Nguiễn-Ngu-Í

*
* *

Anh Nguiễn-Ngu-Í,

Anh đã có lòng hỏi đến, thì tôi phải có lời thưa, kẻo phụ lòng anh.

Và xin rất gọn gàng, anh nhé.

A — Khi còn đi học, tôi vốn thích và chuyên về Họa, nhưng khi ra trường, tôi nghĩ rằng dạy các em, môn Vẽ lúc nào cũng « có mặt » được cả. Anh coi: học Địa lí, cho các em vẽ địa đồ, học Toán, cho các em vẽ đường, vẽ hình, học Vạn vật thì khỏi nói, còn học các môn khác, chỉ các em gạch dưới các tiểu đề, các chữ quan trọng bằng viết chì màu chẳng hạn, cũng là một cách áp dụng môn Hội họa trong việc học. Nên tôi học thêm Âm nhạc, vừa để bổ túc cho nghề « vuốt ve dầu trẻ » của mình, vừa để sau dạy các em, vì âm thanh cũng như màu sắc đường nét rất cần trong việc giáo dục các em. Rồi trong nghề dạy Âm-nhạc, tôi gặp trở ngại, phải tạm biệt cái thế giới âm-thanh ở trường quốc gia Âm-nhạc, nên tôi trở

Sửa soạn ra khơi

lại với Hội họa. Nhưng anh chớ nghĩ rằng khi tôi đắm say với nàng Họa là bỏ nơi hẳn nàng Nhạc, hay ngược lại đâu.

B.— Tôi buồn mà thấy môn Vẽ ở học đường chưa giữ được cái vai xứng với sự quan trọng của nó. Một giờ một tuần, ít ỏi quá. Và phần đông các bạn phụ trách môn này thường lơ là với nó quá. Nói qua loa ít lí thuyết, rồi để lên bàn thầy hộp phấn, cuốn sách, hoặc cái ghế dựa, cái lọ hoa, rồi mặc tình để học-sinh vẽ. Xong, góp rồi đem về nhà chấm.

Thì trách sao các em không cho môn Vẽ là một môn học phụ thuộc, nếu không là một thứ đồ xa xỉ?

Tôi lại thấy người dạy Vẽ phải chịu khó và phải rộng rãi.

Chịu khó để đi từ bàn học, xem các em vẽ, mới có thể chỉ chỗ sai, chỗ sót, chỗ thừa, vì khi vẽ đồ vật, thì tùy nơi mình ngồi mà đồ vật nhìn thấy khác, và ánh sáng tùy nơi mà đổi thay.

Rộng rãi để chấp nhận những lối vẽ ngây thơ, hồn nhiên của trẻ, để chẳng giết ngay trong trứng những gì mà sau này, ở người lớn, ta cho ta là những tìm tòi, những phát kiến: tỉ như cái bàn, đáng lí vẽ ba chân, mà trẻ vẽ bốn chân, con mắt nhìn thẳng, thấy là hai, và đường cong, nhìn

ngang thấy nó hình tam giác, mà trẻ nhìn sao cũng thấy đó là hai đường cong.

Dạy vẽ, theo tôi nghĩ, không những là một công trình Khoa học mà thôi, mà còn là một công trình Nghệ thuật nữa.

C.— André Gide bảo thế, chớ lời đại văn hào này chỉ có một giá trị rất là tương đối. Và tùy theo không gian và thời gian nữa.

Âm nhạc đi thẳng vào hồn người.

Hội họa đập vào mắt người.

Mỗi ngành nghệ thuật đều quan trọng như nhau. Tùy thời, tùy nơi, mà có khi môn này lấn át môn nọ. Chớ tựu trung, nó vẫn bổ túc cho nhau, nương tựa nhau như bóng với hình. Và cái nào cũng « lớn » như nhau cả.

Văn-Đen chuyên về Họa, Văn-Đen có thể nói như Gide.

Lê-Thương chuyên về Nhạc, Lê-Thương có thể nói ngược lại.

Vũ-Hoàng-Chương chuyên về Thơ, Vũ Hoàng-Chương có thể cho: Chẳng phải Âm-nhạc, cũng chẳng phải Hội họa là khí cụ bén nhất của Văn hóa loài người, mà là... Văn chương.

Người nào cũng có lí... một cách rất là tương đối.

Anh có đồng ý không nào, hỡi anh Ngu-Í rắc rối của tôi?

LÊ-CAO-PHAN

Cáo lỗi

Vì lý do kỹ thuật bài « Những giải thưởng trong Nam thời tiền chiến » của ông Nguiễn-Hữu-Ngư phải tạm gác đến kỳ tới.

Chúng tôi trân trọng xin cáo lỗi cùng bạn đọc Bách-Khoa.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài thơ của Hoàng-Khanh đăng trong số này, nơi trang 66, hàng chữ tựa **Mưa ngàn** khi in bị rớt mất chữ **n** ở cuối. Và trong quảng cáo về « Khoa châm cứu », địa chỉ bà Chi-Lê, in 6/28, xin sửa lại **62/8**, Duy-Tân — Sài-Gòn.

Xin cáo lỗi cùng tác giả và mong bạn đọc sửa giùm. Đạ tạ.

SINH-HOẠT

Nhận định về báo chí Việt-Nam hiện tại

Nguiễn-Ngu-Í kể

Không lúc nào bằng lúc này, báo chí nước Việt ta đang qua một cơn... « gió bụi ». Tình hình nghiêm trọng trong nước, tình hình căng thẳng trên thế giới, lòng mong muốn của người dân đọc báo, sự chú ý và theo dõi của các cơ quan chánh quyền liên quan đến « lực lượng thứ tư » này, đã khiến cuộc thảo luận về tình hình báo chí hiện tại ở nước nhà tại tòa soạn tuần báo Văn-Đàn, ngày 31-10-1962) có một tầm quan trọng, mà tiếc thay chính các ông, bà chủ báo dường như ít... quan tâm, bởi vì số báo ở Thủ-đô có người đại diện trong buổi họp hôm ấy chỉ có: 7 nhật báo, 3 tạp chí, 1 bán tuần san.

Mở đầu, ông Phạm-Đình-Tân, nhân danh chủ tịch « Tinh Việt Văn đoàn » chủ nhiệm tuần báo « Văn-Đàn » và trưởng ban tổ chức cuộc thảo luận này cho biết lí do của cuộc hội họp: làng báo Việt hiện giờ quả là thiếu sức khỏe và thừa bịnh tật, nó là một cái « làng không hàng rào, không cổng ngõ, bất cứ hạng người nào cũng có thể bước vào » thành đã kém lành mạnh, lại còn hỗn tạp, và mất uy tín.

Thuyết trình viên là Tế-Xuyên, một kí-giả kì cựu trong Nam (anh vốn người Bắc).

Chủ tọa buổi thảo luận là Trần-Tấn-Quốc, chủ nhiệm nhật báo « Tiếng Dội miền Nam » và cũng là một kí giả chuyên nghiệp lâu năm.

* * *

Ông Tế-Xuyên « chỉ xin nêu ra những nhận định đại-cương, để dùng làm khuôn khổ cho một cuộc thảo luận chân thành ».

Và bắt đầu, ông nói đến số lượng của báo chí ngày nay.

17 tờ hằng ngày (1), và hơn 60 tuần báo, tạp chí, xuất bản phẩm có định kì.

Gần nửa triệu độc giả báo hằng ngày.

Mười bảy tờ nhật báo đối với dân số mười hai triệu ở miền Nam, có chi đáng lo sợ cho các kí giả chuyên nghiệp không?

---

(1) Nam-Việt: 16; Trung-Việt: 1.

Kí giả chuyên nghiệp lão thành Tế-Xuyên đáp rằng: *không*, « miễn sao có hoàn cảnh thuận tiện để mà tiến và thi thố tài năng ».

Rồi, thuyết trình viên đi vào nội dung tờ báo, điều mà nhìn chung ông cho rằng *« tình hình báo chí không tốt đẹp cho lắm, nhưng cũng chưa đến nỗi quá bi quan »*. Làng báo ta có ưu cũng như khuyết điểm.

Chế độ báo chí ở nước Việt-Nam Cộng hòa chúng ta được ông nói đến trước.

Ngày lịch-sử của báo chí dưới chánh thể Cộng hòa là *ngày 19 tháng 2 năm 1956*, ngày mà Chánh phủ « long trọng tuyên bố bãi bỏ chế độ kiểm duyệt mà Thực, Phong đã lập ra ». Và ngay hôm sau, Tổng - thống nước Việt Cộng - hòa « kí dụ 23 để minh định trách nhiệm của những người cầm vận mạng tờ báo cùng các kí-giả viết bài trong báo ».

Dưới chế độ mới này, báo chí bắt đầu lưu tâm đến phần nghị luận.

Ông nhắc đến tinh thần cuộc họp báo Bình-Tuy vào tháng 6 năm 1059. Nơi đây, vị nguyên thủ của nước Việt tự do đã « nhắc nhở sứ mạng cao cả của người cầm bút : phải nêu ra những tệ đoan xã hội để giúp nhà chức trách bổ cứu, song trong khi sử dụng quyền hành của mình, các kí giả cũng phải nhớ đến trách nhiệm của mình nữa » và Người hứa « sẽ sẵn sàng đón tiếp những nhà báo muốn trình lên Người những điều chưa tiện hay không tiện đăng lên báo. »

Theo thuyết trình viên thì « *quyền hạn và uy tín của báo chí là do báo chí tự tạo lấy.* »

Vậy các báo sử dụng « quyền thứ tư » ra sao, có những hoạt động gì khả dĩ nâng cao nghề nghề nghiệp, hòng theo kịp làng báo các nước tân tiến ?

Báo giới trong thời chiến tranh lẽ dĩ nhiên là phải bị tiết chế những tự do dân chủ, cũng như các báo Âu-Mỹ.

Tuy bị bó buộc vì tình thế, có báo cũng dám tố cáo ít nhiều những nhũng lạm trong xã hội..., có báo thường nêu lên « những cảnh sinh hoạt của từng lớp quần chúng » và « đề nghị những biện pháp xây dựng để cải tiến đời sống của giới bình dân. »

Nhưng tiếc thay, một vài con én không đủ làm cả một mùa xuân.

Có những tờ báo bị gọi là « thương mại » quá thiên về quyền lợi vật chất mà chiều theo những thị hiếu thấp kém của quần chúng để câu độc giả cho nhiều.

Phóng sự xã hội, báo họ cũng có đủ, song là thứ xã hội đời bại, sa đọa, dâm dật ; tiểu thuyết thì thiếu lành kém mạnh, nhưng đủ sức thành công về mặt lôi kéo độc giả có những ham muốn kém hèn, tin tức thì thường là những tin tức có hại cho lớp độc giả thanh thiếu niên.

Cho nên Chánh quyền đã hai lần kêu gọi báo chí trở về với sứ mệnh : năm 1960 và mới đây, tháng 9 vừa qua.

Và chua chát thay là lời phê bình một vị thẩm phán trong buổi diễn thuyết tại bộ Thông tin, tháng 5 năm 1959 :

« *Ngày nay, một số người làm nghề viết báo là vì họ không còn biết làm nghề gì khác hơn* ».

Rải qua phần « tin tức trong báo chí », thuyết trình viên lấy làm buồn mà thấy làng báo Việt ta « gần như khinh xuất đối với vấn đề thông tin, nếu không gọi là khinh thường độc giả. »

Năm 1960, có đến 7 tờ báo ở Sài-Gòn đăng tin một cán bộ thông tin tỉnh Bình-Dương bị Việt-cộng sát hại, truy nguyên ra mới hay vụ ám sát ấy đã xảy ra đã... một năm rồi.

Có khuyết điểm lớn ấy, vì làng báo ta chỉ cầu an, mà cũng vì độc giả các báo ngày nay quá ư dễ dãi, quan niệm rằng tờ báo chỉ là một lối giải trí rẻ tiền. Và người kí-giả hai thứ tóc trong nghề ấy hỏi :

« Phải chăng vì làm báo quá dễ — chỉ cần chiều theo thị hiếu độc giả là thành-công — mà ngày nay làng báo Việt có một số đông những vị chưa hề làm báo bao giờ mà cũng ra xuất bản tờ báo, một sớm một chiều thành chủ nhiệm kiêm chủ bút, trong khi một số đông các kí-giả nhà nghề đã sống lâu năm trong nghề mà không thể nào có một tờ báo ? »

« Tình hình các kí-giả » được ông Tế-Xuyên, xét đến sự châm chế với nhau trong làng, điều kiện hành nghề, ba tổ chức trong làng (2) được nói tới.

Ông thấy nghề viết báo cũng như nghề dạy, đã đã « quá bừa bãi lắm rồi ». Bộ Quốc gia Giáo dục đã nghĩ đến việc đem lại trật tự trong nghề dạy, thì thiết tưởng chính các kí giả, chủ nhiệm, công nhân nên tự đứng ra « lãnh lấy cái trọng trách nâng cao uy tín của làng báo bằng tất cả các biện pháp xét ra cần thiết » để nâng cao giá trị nghề nghiệp của cái « quyền thứ tư » này.

Đến các tuần báo, tạp chí và tập san được ông Tế-Xuyên nói đến sau khi đã nhấn mạnh về báo hằng ngày.

Nếu trong số trên 60 thứ báo hiện đang lưu hành, có những tạp chí biên khảo công phu, nghị luận đứng đắn, sáng tác lành mạnh, thì lại cũng có một số quá chú trọng đến khía bán buôn, mà gieo tai hại không ít : các sản phẩm mệnh danh là văn nghệ ấy sáng tạo và khai thác « nếp sống hư hỏng của đám thanh niên sa đọa, đăng tiểu thuyết diễm tình, những truyện khiêu dâm, những bài gần như phô trương sự sống dâm dật bừa bãi, mê tín dị đoan.

Báo và tập san Nhi đồng đang lan tràn khắp sạp báo có tới trên 60 thứ. Lớp độc giả trẻ em tỏ ra rất hoan nghinh, xao lãng việc học hành, khiến giáo giới và phụ huynh học sinh lên tiếng than phiền, vì báo sách nhi đồng bây giờ đăng nhiều tiểu thuyết kiếm hiệp trinh thám, nhiều truyện hoang đường, mê tín dị đoan. Báo sách nhi đồng, danh nghĩa là thế, mà thật ra, đa số là những thứ thuốc để đầu độc cho tâm hồn con trẻ, còn cung cấp những món ăn bổ ích, gây những tình cảm tốt đẹp, một tinh thần cao quí, là điều rất hiếm.

Kết luận, thuyết trình viên mong sẽ có một chuyển hướng để đánh dấu một giai đoạn mới, nhân ngày Quốc khánh vừa qua.

Sau đó, là cuộc thảo luận kéo dài trong suốt 3 giờ song chưa đem lại kết quả mong muốn.

NGUIỄN-NGU-Í *thuật*

(2) Đó là : *Hội ái hữu Kí-giả, Nghiệp đoàn Kí-giả, Tương tế chủ nhiệm.*

HỘP THƯ BÁCH - KHOA

Bách-Khoa vừa nhận được :

— Thung lũng — Đoản ca mùa đông — Tình ca mùa xuân (Hoài-Giang LBD) Hoang vu — Chiều nay (Thi-Dương) Họa phẩm — Thân anh — Chia cách — An phận (Luân-Hoán) Niềm đau trong lụt lội — Thay cho thư — Vọng tóc hoa sương (Lê-Đình Phạm-Phú) Qua những chiều đông — Buồn mùa đông — Duyên tình du mục — Nhớ thương (Nguyễn-Trọng-Anh) Khoảng trống — Đất mới — Tĩnh vật (Yên-Vũ) Di ảnh (Phương-Thư) Thơ ngây (Hoàng-Huy-Ánh) Bài tháng 10 bis (Thư - Nhất - Phương) Làm cách mạng (Phương-Thảo) Hành kỳ — Nhị điều (Bùi - Thụy) Lời ru (Vương-Duy) Đồng cảnh (Từ-Duy-Ngã) Thân phận I, II (Trầm Hồng) Tôi là — Lời trao (Thư-Nhất-Phương) Chiến tranh, những lý do, cách phòng ngừa (Đynh-Vũ) Nhìn vào trang sử Việt hiện kim (Lê-Hoài-Nguyên) Gánh nước đêm trăng... (Lệ-Thùy-Lam) Còn lại — Điệu buồn I, buồn II (Tinh-Huyền) Cô đơn... (Từ - Duy - Ngã) Cánh buồm (Cô-Lữ) Mưa xuân (Hồng-Lạp) Nỗi buồn thượng du — Tình yêu đi qua (Thư-Nhất-Phương) Cần thiết — Tình yêu đã chết.... (Y-Thoại) Hối hả — Mùa nhớ yêu v.v. (Thi-Thi-Hoài-Mộng) Tình cao nguyên... (Nguyễn-Đình-Hinh) Bài âm hưởng... (Yến-Nguyên-Thanh) Cúi đầu chạy trốn — Bài ca hành khất.. (Lê-Linh-Sa) Viễn ảnh (Yên-Tú) Đêm ca gió núi — Tàn đêm (B. V. Nguyễn-Văn-Khoa) Mộ đàn — Thư về Bắc — Màu áo nữ sinh (Hai phương tình sử) Tình em nữ sinh — Tiếng hát của người yêu Chàng thi sĩ (Châu-Thị-Ngọc-Lê) Thương hoài ngàn năm — Dặn lòng — Vết tích v. v.. (Lê-Đình-Phạm-Phú) Công viên mùa thu — Những ngón tay mùa hè — Chúng ta cày xới (Vương - Thùy - Nhân) Chim về (Hoàng Vương) Nhận diện Bão bể (Phương Tấn) Chiều mưa áo tím — Mười một (T. hoa) Tụng ca tình yêu — Thần chim dặm gió (Du Tử Lê) Cuộc đời — Mai này khi tôi ngã gục (Hàn Thi Ngọc Thu) Mùa nắng ở Saigon (Quỳnh Thảo) Thăng Hoa — Hồn lính và trẻ thơ (v.v.) Nhân loại hôm nay — Tiếng hat đêm khuya (Nguyễn Dã Thảo) Thơ (Nguyên Linh) Mùa xuân,, (Vương Duy) Duyên Kiếp (Trường Diệu) Nói với Oanh (— Sử Loan) Giấc ngủ của đêm (Hoàng Kiều Linh) Mai xa thành phố — Hương khói nhớ thương (Lê châu Nga)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **Anh Thái-Tú-Hạp** Đã nhận đủ thơ sẽ góp ý cùng Anh sau.

— **Anh Huy-Giang** Đã nhận được thư và thơ của Anh. Người lựa thơ BK sẽ có thư tới Anh và chắc Anh sẽ thông cảm trên nhiều điểm.

★

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Việt-Nam Tam giáo sử đại cương,** của Nguyễn-van-Hầu, thuộc loại sách «Học và Hiểu» do nhà P. văn Tươi xuất bản, tác-giả gửi tặng — Sách dày 110 trang, trình bày các Đạo Nho, Lão, Phật cùng sự truyền bá, thịnh suy của ba Đạo này tại Việt-Nam. Giá 39 đ.

SÁCH BÁO MỚI

— **Việt-sử kinh nghiệm** của Lạc-Tử và Nguyễn-văn-Hầu. Hồn quê xuất bản, do tác giả gửi tặng — Sách dày trên 150 trang trình bày lịch tranh đấu của dân tộc Việt với những bài rút kinh nghiệm — Giá 40 đ.

— **Tuổi đời** tập thơ của Ninh-Chữ, bìa của Trịnh-Cung, phụ-bản của Đinh-Cường, do tác-giả xuất bản và gửi tặng — Sách dày trên 90 trang, gồm 50 bài thơ, giá 36 đ.

— **Nuôi con nhơn tình**, truyện của Thế-Nguyên Hoa-phương-Đông xuất bản và gửi tặng. Sách dày 34 trang giá 8 đ.

— Nội san **Nước** số 2 ngày 26-10-62 của Saigon Thủy-Cục, do phân đoàn C.C.C.M.Q.G. ấn hành. nội san dày 64 trang gồm nhiều bài nghiên cứu và sưu tập về các vấn đề « nước ».

— Đặc san **Huỳnh Đạo** kỷ niệm Hồng-Ân tam niên Đại xá, do Ô. Phan-Công-Khâm chủ trương. Đặc san dày 58 trang giá 12đ.

— Tập san **Đại-Học quân-y Việt-Nam** số 5 tháng 10-1962 do, Y-sĩ trung tá Hoàng-Văn-Đức chủ trương và Bộ chỉ huy trường quân y gửi tặng.

— **Thức giấc trong văn chương hiện đại Ba Lan** của Thế-Phong do Đại-nam văn-hiến xuất-bản, tác giả gửi tặng. Sách in ronéo dày trên 50 trang giá 30đ

— **Những khuynh-hướng trong thi-ca Việt Nam** (1932 của Minh-Hưng do Khai-Trí xuất-bản, tác-giả gửi tặng—Sách dày 300 trang, trình bày các khuynh-hướng trong thi ca V.N. thời tiền chiến và hậu chiến, giá 80đ.

— **Cỏ Lau** số 2 Tuần báo thiếu nhi ra ngày thứ năm, Chủ nhiệm: Thùy-Dương, Tòa soạn: 115A Trần-Quý-Cáp Saigon. Mỗi số gồm 20 trang, có in màu những trang tranh ảnh, giá 2đ.

— **Quyển chuyện của bạn tôi** bản dịch cuốn « Le livre de mon ami » của Anatole France, dịch giả: Võ-Thị-Hay và Lê-Ngọc-Trụ do Bộ quốc-gia giáo-dục xuất-bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 244 trang giá 55đ.

— **Văn-Học** số 1 (tháng 11-62) — nguyệt-san văn-hóa xã-hội nghệ-thuật, diễn đàn sinh-viên Việt-Nam tự do. Chủ-nhiệm: Phan-Kim-Thịnh; Chủ bút: Dương-Thứ-Lang — Mỗi số dày trên 120 trang giá 12đ.

Bà HỒ-HỮU-TƯỜNG

Trị bịnh LỖ MŨI

Theo phương pháp gia truyền của dòng Đào-Duy-Từ :

KHÔNG ĐỚN ĐAU, KHÓ CHỊU — CHÓNG LÀNH

●

27, Phan-Văn-Trị — Sài-Gòn — Chợ Quán

3 phụ nữ dằng co với định mệnh — 2 phụ nữ quay cuồng trong nắng 1 phụ nữ đi từ Nam-Vang về Saigon tìm bọn buôn người — 10 phụ nữ đang ngự trị thế giới — 100.000 phụ nữ đang làm việc trong các công sở và hằng triệu phụ nữ đang vui buồn sống chết âu lo phấn đấu

tất cả sẽ xuất hiện trong :

NGÀN KHƠI

Tuần san PHỤ NỮ

SỐ RA MẮT : 1-11-1962

tờ báo phụ nữ duy nhất in Offset cả bìa lẫn ruột

BÁCH-KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

B. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA DÀI HẠN

Phương danh độc giả_____

Địa chỉ_____

Thời hạn mua (1)_____ bắt đầu từ_____

Thể thức trả tiền_____

_____ *ngày* ____ *tháng* ____ *1962*

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm: 180 $
6 tháng : *Giá cũ* 90 $ — *Giá mới* 200 $ / 100 $

---

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gởi bưu phiếu.

• Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 180 $, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 $ (20số thường 200 $ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 $ = 240 $)

• Mua dài hạn Bách - Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.